

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục & Đào tạo**

Hà Nội, tháng 4 năm 2023

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục & Đào tạo**

Hà Nội, tháng 4 năm 2023

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG – TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC**

STT	Họ và tên	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long	Phó Hiệu trưởng		Chủ tịch HĐ
2	PGS. TS. Nguyễn Thanh Chương	Phó Hiệu trưởng		Phó CT HĐ TT
3	PGS. TS. Nguyễn Văn Long	Chủ tịch HĐT		Phó CT HĐ
4	PGS. TS. Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng khoa	Môi trường & ATGT	Phó CT HĐ
5	PGS. TS. Nguyễn Thị Hoà	Trưởng phòng	KT&ĐBCLĐT	Ủy viên TT
6	PGS. TS. Dương Hữu Tuyển	Phó Trưởng phòng	KT&ĐBCLĐT	Ủy viên Thư ký
7	TS. Phạm Thanh Hà	Trưởng phòng	Đào tạo ĐH	Ủy viên
8	PGS. TS. Duy Tiến	Trưởng phòng	KHCN	Ủy viên
9	TS. Nguyễn Văn Hải	Trưởng phòng	CTCT và SV	Ủy viên
10	TS. Mai Nam Phong	Phó Trưởng phòng	TCCB	Ủy viên
11	TS. Vũ Đức Sỹ	Trưởng phòng	TBQT	Ủy viên
12	TS. Nguyễn Xuân Hiền	Giảng viên	K. MT & ATGT	Ủy viên
13	Ths. Nguyễn Chí Trung	Giảng viên	K. MT & ATGT	Ủy viên
14	Ths. Nguyễn Tuấn Thành	Giảng viên	K. MT & ATGT	Ủy viên
15	Ths. Vương Xuân Cần	Giảng viên	K. MT & ATGT	Ủy viên
16	Ths. Ngô Thị Thanh Huyền	Chuyên viên	P. KT&ĐBCLĐT	UV – Giúp việc HĐ
17	Hoàng Văn Trường	Sinh viên	Khóa 62	UV – Đại diện SV

Danh sách gồm có 17 người.

MỤC LỤC

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT	2
PHẦN I. KHÁI QUÁT	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của chương trình đào	15
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	16
Tiêu chí 1.3	18
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	21
Tiêu chí 2.1	21
Tiêu chí 2.2	22
Tiêu chí 2.3	24
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	26
Tiêu chí 3.1	26
Tiêu chí 3.2	27
Tiêu chí 3.3	28
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	31
Tiêu chí 4.1	31
Tiêu chí 4.2	32
Tiêu chí 4.3	33
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	36
Tiêu chí 5.1	36
Tiêu chí 5.2	37
Tiêu chí 5.3	39
Tiêu chí 5.4	40
Tiêu chí 5.5	42
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	44
Tiêu chí 6.1	44
Tiêu chí 6.2	46

Tiêu chí 6.3	47
Tiêu chí 6.4	49
Tiêu chí 6.5	50
Tiêu chí 6.6	51
Tiêu chí 6.7	53
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	56
Tiêu chí 7.1	56
Tiêu chí 7.2	58
Tiêu chí 7.3	59
Tiêu chí 7.4	60
Tiêu chí 7.5	62
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	65
Tiêu chí 8.1	65
Tiêu chí 8.2	66
Tiêu chí 8.3	68
Tiêu chí 8.4	69
Tiêu chí 8.5	71
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	74
Tiêu chí 9.1	74
Tiêu chí 9.2	75
Tiêu chí 9.3	77
Tiêu chí 9.4	78
Tiêu chí 9.5	80
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	82
Tiêu chí 10.1	82
Tiêu chí 10.2	83
Tiêu chí 10.3	85
Tiêu chí 10.4	86
Tiêu chí 10.5	87
Tiêu chí 10.6	89

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	92
Tiêu chí 11.1	92
Tiêu chí 11.2	93
Tiêu chí 11.3	94
Tiêu chí 11.4	96
Tiêu chí 11.5	97
PHẦN III. KẾT LUẬN	99
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo	101
PHẦN IV. PHỤ LỤC	104

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CGCN	Chuyển giao công nghệ
CHLB	Cộng hoà liên bang
CHXHCN	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa
CLB	Câu lạc bộ
CNKTGT	Công nghệ kỹ thuật giao thông
CNTT	Công nghệ thông tin
CNV	Công nhân viên
CTCT&SV	Công tác chính trị và sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CSTĐ	Chiến sĩ thi đua
CSTĐCS	Chiến sĩ thi đua cơ sở
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐCHP	Đề cương học phần
ĐH GTVT	Đại học Giao thông vận tải
ĐTĐH	Đào tạo đại học
ĐTTH & CGCN	Đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ
GDDH	Giáo dục đại học
GDTX	Giáo dục thường xuyên
GS	Giáo sư

GV	Giảng viên
HCTH	Hành chính tổng hợp
HP	Học phần
HTSV	Hỗ trợ sinh viên
KHCN	Khoa học công nghệ
KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
KTATGT	Kỹ thuật an toàn giao thông
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KT&ĐB CLĐT	Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo
KTX	Ký túc xá
MT&ATGT	Môi trường và an toàn giao thông
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NH	Người học
NTD	Nhà tuyển dụng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PGS	Phó giáo sư
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
QĐ	Quyết định
QL KTX	Quản lý Ký túc xá
QLCL	Quản lý chất lượng
QLDA	Quản lý dự án
SV	Sinh viên
TBQT	Thiết bị quản trị
TC	Tín chỉ
TCCB	Tổ chức cán bộ
TCKT	Tài chính kế toán
TĐG	Tự đánh giá

THPT	Trung học phổ thông
THPTQG	Trung học phổ thông quốc gia
TS	Tiến sĩ
TSKH	Tiến sĩ khoa học
TT-PC	Thanh tra - pháp chế
TTTTV	Thông tin thư viện
TTUD CNTT	Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin
VC	Viên chức
YT	Y tế

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo của một Trường Đại học, chất lượng của một chuyên ngành đào tạo. Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học (GDĐH) nói riêng trong bối cảnh của xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dưới ảnh hưởng sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, việc nâng cao chất lượng CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông (CNKTGT) càng trở nên bức thiết. Việc đảm bảo chất lượng CTĐT ngành CNKTGT đã được Nhà trường, Khoa Môi trường và an toàn giao thông (MT&ATGT)/Bộ môn Kỹ thuật an toàn giao thông (KTATGT) phụ trách thường xuyên quan tâm kể từ khi ngành/chuyên ngành đào tạo được mở và tuyển sinh từ năm 2004, nhiều giải pháp đã và đang được Nhà trường, Khoa MT&ATGT, Bộ môn KTATGT đưa ra nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành CNKTGT. Để đánh giá thực trạng chất lượng CTĐT của ngành CNKTGT, hiệu quả của các giải pháp đã được áp dụng và triển khai trong việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành, Nhà trường và Khoa MT&ATGT đã tiến hành tự đánh giá (TĐG) và đăng ký đánh giá ngoài CTĐT ngành CNKTGT. Giá trị TĐG CTĐT đã được thực hiện theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), theo các công văn hướng dẫn số 1074 và số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH và ngày 28/06/2016, công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng CTĐT, Nhà trường và Khoa MT&ATGT đã chọn đội ngũ cán bộ cũng như các điều kiện cần thiết cho hoạt động tự đánh giá. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị cấp trường về công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng trong GDĐH, cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về công tác này. Hội đồng tự đánh giá ngành CNKTGT gồm 17 thành viên, Ban thư kí giúp việc Hội đồng gồm 06 thành viên đã được Nhà trường thành lập phục vụ cho công tác TĐG. Hội đồng TĐG và Ban thư kí gồm các cán bộ chủ chốt, có kinh nghiệm quản lý, am hiểu về GDĐH và công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) nói chung, kiểm định chất lượng nói riêng từ Khoa MT&ATGT, Bộ môn KTATGT, các phòng ban chức năng của Nhà trường và đại diện người học.

Tự đánh giá CTĐT ngành CNKTGT giúp Nhà trường, Khoa MT&ATGT, Bộ môn KTATGT tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành, có được một bức tranh toàn cảnh về CTĐT ngành CNKTGT một cách chân thực, toàn diện về mọi mặt hoạt động làm cơ sở để xây dựng triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT của ngành, điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn kế tiếp theo hướng tốt hơn. Tự đánh giá CTĐT ngành CNKTGT là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Bộ công cụ 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT) được sử dụng trong việc triển khai thực hiện TĐG CTĐT ngành CNKTGT. Dựa trên các tiêu chí đã được Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng TĐG đã triển khai các các kế hoạch công việc cụ thể tiến hành TĐG, làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại. Công tác tự đánh giá CTĐT ngành CNKTGT có sự phối hợp, tham gia tích cực của CB-GV-CNV và người học của Nhà trường và các bên liên quan ở ngoài trường.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNKTGT được thành lập theo Quyết định số 2731/QĐ-ĐHGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông vận tải gồm Ban Giám hiệu (BGH), giảng viên Khoa MT&ATGT/Bộ môn KTATGT, LD các phòng ban chức năng trong trường. Phòng KT&ĐB CLĐT là đơn vị thường trực về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường có nhiệm vụ tổ chức tập huấn, hướng dẫn, lên kế hoạch thực hiện; các nhóm công tác phối hợp với các đơn vị trong trường để hoàn thiện báo cáo TĐG và kèm hồ sơ minh chứng. Thông tin phản hồi của các bên liên quan (SV, cựu SV, giảng viên, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng,...) cũng được thu thập và sử dụng, cung cấp dữ liệu cho việc thực hiện TĐG.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTGT có cấu trúc gồm 4 phần:

- Phần I. Khái quát
- Phần II. Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí
- Phần III. Kết luận

- Phần IV. Phụ lục

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTGT dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành với 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành CNKTGT trong chu kỳ đánh giá.

Mỗi tiêu chí được đánh giá với hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm được mã hóa theo hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, công thức mã hóa minh chứng được sử dụng là: **Hn.ab.cd.ef**; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

*Ví dụ: MC.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;
H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.*

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành CNKTGT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016), đưa ra báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan

khắc phục vụ cho công tác đào tạo NCKH và chuyên gia công nghệ; Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của ngành CNKTGT trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để đạt được tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH, xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu chuyên gia công nghệ và phục vụ cộng đồng uy tín trong nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành CNKTGT theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng kí kiểm định chất lượng CTĐT với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành CNKTGT.

Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Phạm vi tự đánh giá: Hoạt động tự đánh giá CTĐT được thực hiện tại Khoa MT&ATGT, Bộ môn KTATGT của Nhà trường, trong chu kỳ từ năm 2017 đến năm 2022.

Quy trình tự đánh giá: Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính như sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Quá trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện từ tháng 12/2022, được thực hiện theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11 bám sát *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH* của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016). Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí với các nội dung chính: 1. *Mô tả*; 2. *Điểm mạnh*; 3. *Tồn tại*; 4. *Kế hoạch hành động*; 5. *Tự đánh giá*. Các nhóm công tác thực hiện TĐG ngành CNKTGT được phân công kèm theo quyết định 2731/QĐ-ĐHGTVT với các tiêu chuẩn phụ trách khác nhau.

Kế hoạch thực hiện và phân công công việc được thực hiện rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng, ...* Các cán bộ thực hiện và hoàn thành công việc dưới sự phân công của nhóm trưởng. Trong quá trình thực hiện, nội dung và tiến độ công việc được báo cáo thường xuyên với Ban lãnh đạo, Hội đồng TĐG để nắm bắt tình hình và chỉ đạo công việc. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất, tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong nhóm công tác. Với sự hỗ trợ nhiệt tình từ các đơn vị của Nhà trường và tất cả các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá:

Dựa trên thông tin, minh chứng thu thập được từ các bên liên quan trong và ngoài trường, bản tự đánh giá CTĐT ngành CNKTGT được thực hiện theo phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh, đối chiếu theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng ban, Khoa /Bộ môn, và các bên liên quan; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng; ... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

1.2. Tổng quan chung về trường Đại học GTVT

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học Giao thông Vận tải

Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) có tiền thân là trường Cao đẳng Công chính Việt Nam được khai giảng lại dưới chính quyền Cách mạng vào ngày 15 tháng 11 năm 1945 theo Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trường là một trong những trường có truyền thống trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam.

Ngày 24/3/1962, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) đã có nghị định 42/CP về việc thành lập trường ĐH GTVT nhằm đáp ứng cho yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Ngày 27/4/1990, Bộ GD&ĐT đã có quyết định về việc thành lập cơ sở 2 của Trường tại Quận 9 – TP. Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học về giao thông vận tải của các tỉnh phía Nam. Ngày 15/7/2016, thành lập Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2419/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trên nền Cơ sở II.

+ Sứ mạng

Trường ĐH GTVT có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.

+ Tầm nhìn đến năm 2030

Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á.

+ Giá trị cốt lõi

Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng

Tiên phong: Luôn đi trước, đón đầu các xu thế phát triển trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động nắm bắt và giải quyết những thách thức của xã hội,

Chất lượng: Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm khoa học công nghệ có uy tín,

Trách nhiệm: Đối với cán bộ, GV, người học, cộng đồng, xã hội và quốc tế,

Thích ứng: Đổi mới theo điều kiện, thời gian, hoàn cảnh để ngày một phát triển.

+ Triết lý giáo dục

Trường Đại học GTVT hướng tới đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế.

Hoạt động đào tạo giúp người học phát triển toàn diện cả về đức-trí-thể-mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nhà trường áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích

ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo. Nhà trường xác định người học là trung tâm, người thầy truyền cảm hứng.

1.2.2. Các thành tích đã đạt được

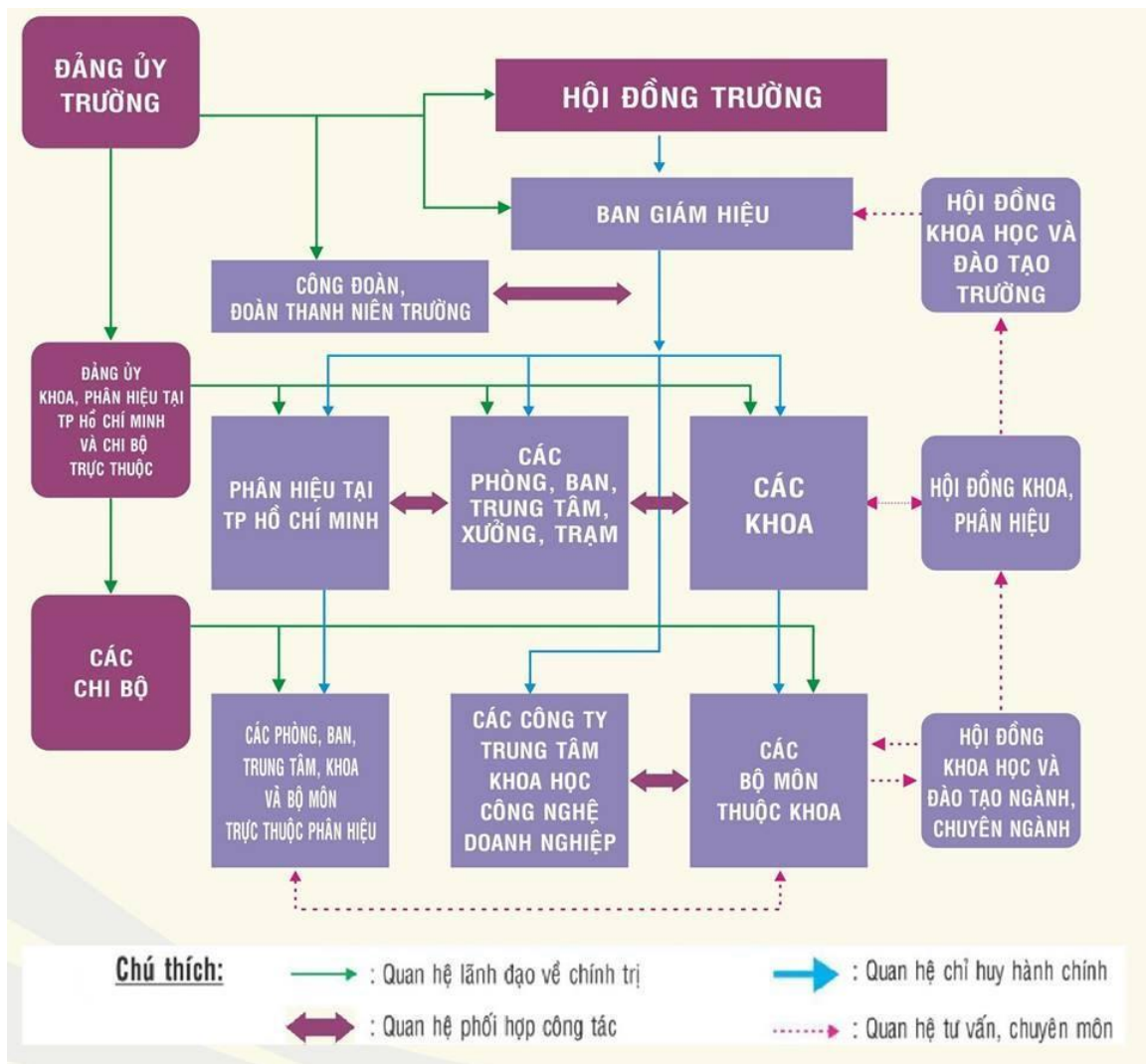
Nhà trường là một trong những đơn vị đi đầu trong các hoạt động xã hội, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục Đào tạo, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ghi nhận những đóng góp của trường ĐH GTVT đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Đảng và nhà nước đã trao tặng Nhà trường nhiều phần thưởng cao quý như:

- * Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (2011)
- * Danh hiệu Anh hùng Lao động (2007)
- * Huân chương Hồ Chí Minh (2005)
- * 03 Huân chương Độc lập Hạng Nhất (2000, 2015 và 2020)
- * Huân chương Độc lập Hạng Nhì (1995)
- * Huân chương Độc lập Hạng Ba (1986)
- * 02 Huân chương Lao động Hạng Nhất (1982 và 1990)
- * 02 Huân chương Lao động Hạng Nhì (1977 và 2004)
- * 02 Huân chương Lao động Hạng Ba (1966 và 1999)
- * Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì (1973)

1.2.3. Cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào Luật giáo dục 2005 và Điều lệ trường đại học Việt Nam, trường ĐH GTVT là trường đại học công lập, trực thuộc Bộ GD&ĐT nước CHXHCN Việt Nam. Trường có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ đại học và trên đại học, nghiên cứu khoa học về các ngành kỹ thuật, công nghệ cũng như kinh tế, xã hội, đặc biệt là trong ngành giao thông vận tải và các lĩnh vực có liên quan.

Bộ máy tổ chức của trường ĐH GTVT hiện nay bao gồm Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, các đơn vị trực thuộc, như sơ đồ dưới đây:



Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức của trường ĐH GTVT

Trường ĐH GTVT có các đơn vị, bao gồm:

- 12 khoa: Khoa Công trình, Khoa Cơ khí, Khoa Vận tải - Kinh tế, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị, Khoa Giáo dục quốc phòng, Khoa Môi trường & An toàn giao thông, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Đào tạo quốc tế, Khoa Quản lý xây dựng.

- 23 đơn vị chức năng: Phòng Hành chính tổng hợp, phòng Tổ chức cán bộ (TCCB), phòng Đào tạo đại học (ĐTĐH), phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo (KT&ĐB CLĐT), phòng Khoa học công nghệ (KHCCN), phòng Công tác chính trị và sinh viên (CTCT&SV), phòng tài chính kế toán (TCKT), phòng Thiết bị quản trị, phòng Hợp tác quốc tế và nghiên cứu phát triển, phòng Bảo vệ, phòng Thanh tra - pháp chế (TT-PC), ban Quản lý Ký túc xá (QL KTX), ban Quản lý giảng đường, xưởng in, trạm Y tế, trung tâm Đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT (ĐTTH & CGCN GTVT), trung tâm

Khoa học công nghệ (KHCN) GTVT, trung tâm Thông tin thư viện (TTTTV), trung tâm Dịch vụ, trung tâm Đào tạo trực tuyến UTC, Phòng Phát triển dự án.

- Tại phân hiệu TP.HCM có 14 phòng ban, trung tâm, khoa trực thuộc: phòng Tổ chức hành chính, phòng KHCN & Đối ngoại, phòng Đào tạo đại học, phòng CTCT & SV, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Thiết bị quản trị, phòng Khảo thí và ĐBCL, trung tâm ĐTTH & CGCN GTVT, trung tâm Thông tin thư viện, Ban Quản lý Ký túc xá, ban Thanh tra, Khoa Công trình, Khoa Vận tải – Kinh tế, Khoa Khoa học cơ bản.

1.2.4. Cơ sở vật chất và nhân sự của Trường

Về cơ sở vật chất, trong giai đoạn 2018 -2022, Nhà trường đã không ngừng nâng cấp, mở rộng diện tích phòng học, phòng thí nghiệm và các cơ sở vật chất khác phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, Nhà trường có tổng số trên 300 phòng học các loại, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại như hệ thống bảng thông minh, kết nối internet tốc độ cao, với các quy mô chỗ ngồi khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu về học tập và nghiên cứu. Ngoài ra, hệ thống các phòng làm việc của các khối hành chính và các Khoa, bộ môn, các phòng thí nghiệm, thực hành cũng được đầu tư, nâng cấp hiện đại.

Về đội ngũ, với trên 70 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, tuyển dụng giảm viên, đảm bảo tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ. Tính đến 31/12/2022, Trường ĐHGTVT có 1067 cán bộ, giảng viên, chuyên viên và nhân viên trong danh sách. Trong đó có 805 giảng viên cơ hữu (gồm 99 giáo sư và phó giáo sư, 344 tiến sĩ, 436 thạc sĩ).

1.2.5. Quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tính đến tháng 12 năm 2022, Trường đại học GTVT có 31 ngành đào tạo trình độ đại học, 23 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ với quy mô đào tạo trên 27 nghìn người học. Cùng với công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học là một trong các hoạt động quan trọng nhất của một trường đại học. Giai đoạn vừa qua, Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) đã đạt được những thành tích đáng khích lệ trong việc triển khai thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ (KHCN). Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) góp phần quan trọng trong việc nâng cao trình độ khoa học của giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khẳng định vị trí và uy tín của nhà trường trước xã hội. Trong giai đoạn 2018 -2022, trung bình mỗi năm trường thực hiện trên 150 nhiệm vụ KHCN các cấp với kinh phí thực hiện khoảng 20 tỷ VNĐ, số lượng các

công bố khoa học cũng không ngừng tăng lên hàng năm với khoảng 450 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín.

1.2.6. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Chiến lược đảm bảo chất lượng

Trong giai đoạn 2021 đến 2025 và định hướng đến 2030, Nhà Trường đã xác định mục tiêu chiến lược phát triển, bao gồm: Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu; Đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn mực quốc tế. Để thực hiện mục tiêu đó, Nhà trường đã xác định 8 nhóm giải pháp chính, tập trung vào nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất...

Cam kết chất lượng

Trong mọi hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ, Trường Đại học GTVT cam kết: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động, với sự tham gia của các bên liên quan trong suốt quá trình đào tạo; Mang lợi ích cao nhất cho người học dựa trên sự quan tâm, tôn trọng và thấu hiểu các nguyện vọng người học; Người học là đối tượng trung tâm của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, được tạo mọi điều kiện để phát triển bản thân; Không ngừng đào tạo, phát triển đội ngũ lãnh đạo, giảng viên, nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với Nhà trường, người học và cộng đồng, có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp. Duy trì và phát triển môi trường làm việc công khai, minh bạch, bảo đảm mọi thành viên của nhà trường được phát huy tối đa năng lực của mình; Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực khác; Duy trì và liên tục cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của quốc gia và quốc tế.

Nguyên tắc Đảm bảo chất lượng

Trong hoạt động đảm bảo chất lượng, mọi hoạt động của các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường thực hiện nguyên tắc: Cá nhân, đơn vị trong toàn Trường có trách nhiệm chính về chất lượng của hoạt động, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; cùng tham gia tích cực vào hoạt động ĐBCL của Trường; Hoạt động của Trường đảm bảo phù hợp tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Trường

trong từng giai đoạn; hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và nhu cầu của các bên liên quan; Hoạt động của các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường phải đảm bảo tuân thủ quy trình: Lập kế hoạch – Tổ chức thực hiện - Đánh giá – Cải tiến; Đảm bảo hoạt động ĐBCL theo 2 cấp độ, cụ thể:

a) ĐBCL Trường: là cấp ĐBCL toàn diện, tổng thể, có tính hệ thống với mọi hoạt động của Trường: ĐBCL về tổ chức quản lý; ĐBCL về đào tạo, ĐBCL về nghiên cứu khoa học, ĐBCL về tài chính, ĐBCL về cơ sở vật chất, ĐBCL về nguồn lực và ĐBCL về kết nối và phục vụ cộng đồng.

b) ĐBCL chương trình đào tạo: là cấp ĐBCL cụ thể, trực tiếp, tương thích có định hướng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT.

Kiểm định chất lượng

Đối với kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, năm 2008, Trường đại học GTVT đã tự đánh giá/ đánh giá ngoài và được công nhận chất lượng bởi Hội đồng Kiểm định chất lượng quốc gia, Bộ GD&ĐT. Năm 2016, Trường tiếp tục thực hiện tự đánh giá cấp trường/ kiểm định và được cấp giấy chứng nhận chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường của Bộ GD&ĐT, Việt Nam. Năm 2021, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá/ kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng cơ sở giáo dục. Đối với kiểm định chất lượng CTĐT, từ 2016 đến nay, Nhà trường đã tiến hành kiểm định 8 CTĐT (trong đó có 5 CTĐT được kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và 03 CTĐT được kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn của AUN-QA) và đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

1.3. Giới thiệu về Khoa Môi trường và An toàn giao thông

Khoa Môi trường và An toàn giao thông, trước đây là Viện Khoa học và Môi trường giao thông, được thành lập theo Quyết định số 754/QĐ-TCCB ngày 28/6/2004 của Hiệu trưởng Trường ĐH GTVT (tiền thân là Trung tâm Khoa học công nghệ môi trường giao thông, thành lập từ năm 1996). Ngày 09/11/2012, Viện khoa học và Môi trường giao thông đổi tên thành Viện Môi trường và An toàn giao thông theo quyết định số 2431/QĐ-ĐHGTVT. Từ 4/12/2015 Viện Môi trường và An toàn giao thông đổi tên thành Khoa Môi trường và An toàn giao thông theo quyết định số 2328/QĐ-ĐHGTVT.

- Cơ sở vật chất: Khoa MT&ATGT toạ lạc tại tầng 4 toà nhà A9, ĐH GTVT, gồm 02 phòng bộ môn (phòng 401 – Bộ môn KTATGT, phòng 402 – Bộ môn Kỹ thuật Môi trường) và 01 văn phòng khoa (phòng 403).

- Nhân sự: 1 Phó Giáo sư, 07 Tiến sĩ, 12 Thạc sĩ.

- Thành tựu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng: Từ khi thành lập đến nay, Khoa Môi trường và An toàn giao thông đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và an toàn giao thông, điển hình là các đề tài: Nghiên cứu sử dụng khí ga hoá lỏng trên ô tô; Nghiên cứu ứng dụng chất xúc tác tiết kiệm nhiên liệu và giảm ô nhiễm môi trường cho ô tô, xe máy; Nghiên cứu xây dựng hệ thống cấp nước sạch và nhà vệ sinh cho các trường tiểu học; Đánh giá tác động môi trường của các nhà máy và dự án xây dựng công trình giao thông; Tư vấn điều tra một số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng;... Với các thành tích đã đạt được, Khoa Môi trường và An toàn giao thông vinh dự được khen thưởng: bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích đóng góp trong hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2001-2005, Quyết định số 07/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2007; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển giai đoạn 2004-2014, Quyết định số 4990/QĐ-BGDĐT, ngày 29/10/2014; Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2012-2014.

1.4. Giới thiệu về Bộ môn Kỹ thuật An toàn giao thông

Bộ môn Kỹ thuật An toàn giao thông là một trong hai bộ môn thuộc Khoa Môi trường và An toàn giao thông. Bộ môn với các cán bộ giảng dạy nhiều kinh nghiệm và nhiệt huyết, được đào tạo tại CHLB Đức, Liên bang Nga, Trung Quốc, gồm 1 Phó Giáo sư, 03 Tiến sĩ, 02 NCS đang học tập tại LB Nga, Trung Quốc và 03 Thạc sĩ.

Bộ môn Kỹ thuật An toàn giao thông đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông, chuyên ngành Kỹ thuật An toàn giao thông với thời gian là 4 năm cho trình độ Cử nhân, 5 năm cho trình độ Kỹ sư và 2 năm cho trình độ Thạc sĩ.

Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ; có trình độ ngoại ngữ và tin học; có kiến thức và năng lực chuyên môn để thiết kế, thẩm định, khai thác, tổ chức và quản lý hiệu quả hệ thống an toàn giao thông; có kỹ năng xử lý ùn tắc và tai nạn giao thông; có kỹ năng giao tiếp, tự học và nghiên

cứu để thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế.

Từ năm 2006, Trường Đại học GTVT là trường đại học đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam đến thời điểm hiện nay được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo chính quy trình độ đại học Ngành Kỹ thuật An toàn giao thông theo Quyết định số 1183/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/3/2006 với quy mô tuyển sinh 50 chỉ tiêu mỗi năm. Sau khi Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT và Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, do Kỹ thuật ATGT không có tên trong danh mục các ngành đào tạo cấp IV trình độ đại học nên chỉ được coi là chuyên ngành thuộc Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông của Trường Đại học GTVT. Đến nay đã có trên 500 kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật ATGT tốt nghiệp ra trường đang đảm nhiệm nhiều công việc và vị trí khác nhau ở mọi miền đất nước.

Bản báo cáo TĐG CTĐT ngành CNKTGT được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường để xin ý kiến rộng rãi toàn thể CB-GV-CNV, người học trong toàn trường. Ngoài ra, bản báo cáo TĐG này được gửi đến Cục QLCL - Bộ GD&ĐT và đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào

Mở đầu

CTĐT ngành CNKTGT được xây dựng dựa trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành CNKTGT được xây dựng theo hướng tiếp cận người học, đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan, đáp ứng yêu cầu xã hội.

CTĐT ngành CNKTGT được xây dựng dựa trên mục tiêu và CĐR với sự tham gia của tất cả các bên liên quan thông qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến. Mục tiêu và CĐR được thường xuyên rà soát bổ sung, cập nhật những yêu cầu mới của xã hội cũng như những định hướng phát triển của khoa học kỹ thuật trong nước và trên thế giới. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được cung cấp đầy đủ đến người học thông qua các kênh thông tin như website của Trường, website của Khoa, sổ tay sinh viên,... và trong quá trình giảng dạy các học phần của giảng viên. Tiêu chuẩn 1 được đánh giá thông qua 03 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Khoa MT&ATGT được Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo ngành CNKTGT. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTGT được xây dựng một cách rõ ràng, được thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành CNKTGT năm 2021 [H1.01.01.01], được công khai trên website của Nhà trường [H1.01.01.02], bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể [H1.01.01.03] và phù hợp với Sứ mạng của Trường [H1.01.01.04, H1.01.01.05].

Mục tiêu tổng quát của CTĐT ngành CNKTGT đã xác định: “*Chương trình đào tạo Cử nhân ngành CNKTGT nhằm đào tạo nguồn nhân lực có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có trình độ ngoại ngữ và tin học tốt; có kỹ năng giao tiếp và thực hành; có kiến thức và trình độ chuyên môn vững để có thể khai thác, thiết kế, tổ chức và vận hành an toàn, hiệu quả hệ thống giao thông; có năng lực xử lý ùn tắc và tai nạn giao thông; có khả năng tự học để thích nghi với môi trường làm việc trong xu thế hội nhập quốc tế*” [H1.01.01.01].

Mục tiêu CTĐT phù hợp với Sứ mạng của Trường “Đào tạo cho ngành Giao thông vận tải và đất nước những cán bộ khoa học kỹ thuật có năng lực và lòng yêu nghề, có khả năng sáng tạo và tính nhân văn. Hoạt động đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ và các hoạt động khác của nhà trường nhằm mang lại những lợi ích với chất lượng tốt nhất cho cộng đồng và xã hội”, phù hợp với Tầm nhìn đến năm 2030 của Trường, thể hiện ở các điểm:

“- Xây dựng mô hình đào tạo tiên tiến và phù hợp với từng giai đoạn phát triển, làm nền tảng phát triển Nhà trường.

- Phấn đấu đến năm 2030 đứng vào top các trường uy tín trong khu vực và trên thế giới.

- Nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là các ngành truyền thống.

Mở rộng quy mô đào tạo một cách hợp lý, đáp ứng nhu cầu của xã hội với những nỗ lực cao nhất của Nhà trường, kể cả nhu cầu chuyên sâu và đa dạng của người học trong nước và quốc tế.” [H1.01.01.04, H1.01.01.05].

Mục tiêu của CTĐT đã đáp ứng được yêu cầu của xã hội, phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi và bổ sung năm 2018 (thể hiện tại mục 1 điều 5 và mục b thuộc mục 2 điều 5) [H1.01.01.06, H1.01.01.07].

Trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT ngành CNKTGT, Mục tiêu của CTĐT đã từng bước được hoàn thiện trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan [H1.01.01.08, H1.01.01.09, H1.01.01.10]. Tuy nhiên, Mục tiêu của CTĐT chưa được chủ động rà soát, điều chỉnh thường xuyên. Trong giai đoạn 2018-2022, Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTGT được điều chỉnh vào các năm 2018, 2020, 2021-2022 theo kế hoạch của Nhà trường [H01.01.01.011, H01.01.01.12].

Bảng 1.1.1. Bảng đối sánh CTĐT các năm 2018, 2020, 2021

Năm	Nội dung điều chỉnh cập nhật	Thực trạng/Lý do cập nhật
2018	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh từ 4 năm lên 4,5 năm. - 155 TC (9 học kỳ). - Thay thế, bổ sung và thay đổi TC một số HP. 	<ul style="list-style-type: none"> - Để thuận lợi cho việc tổng hợp các kiến thức môn học. - Tăng khả năng lựa chọn học phần cho SV.

2020	<ul style="list-style-type: none"> - 160 TC. - Theo tiếp cận chuẩn CDIO (cải tiến cách tổ chức giảng dạy và đánh giá các môn học theo chuẩn CDIO). 	CTĐT tiếp cận chuẩn CDIO một cách toàn diện
2021	<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân 140 TC; Kỹ sư 183TC. - CTĐT được xây dựng theo chuẩn CDIO - Tích hợp cử nhân – kỹ sư 	Áp dụng theo chuẩn CDIO, phù hợp với xu thế chuẩn hoá đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành CNKTGT được xác định đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường ĐH GTVT, phản ánh đầy đủ các quy định về mục tiêu đào tạo giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học Việt Nam.

3. Điểm tồn tại

Số lượng và chất lượng khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT ngành CNKTGT còn chưa được đảm bảo.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tham khảo các CTĐT trong và ngoài trường, xây dựng lộ trình cho công tác khảo sát lấy ý kiến các BLQ	Bộ môn KTATGT, Khoa MT&ATGT	Định kỳ 2 năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Mục tiêu đào tạo ngành CNKTGT bám sát theo sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và Luật Giáo dục đại học Việt Nam.	Bộ môn KTATGT, Khoa MT&ATGT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 6/7).

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả

CDR ngành CNKTGT được xây dựng trên cơ sở tuân thủ theo hướng dẫn xây dựng và công bố CDR do Bộ GD&ĐT ban hành năm 2010 [H1.01.02.01] và các hướng dẫn chi

tiết của Nhà trường [H01.01.02.02]. CĐR của CTĐT ngành CNKTGT được công bố chính thức trong QĐ ban hành CĐR các CTĐT trình độ đại học với bố cục rõ ràng, đầy đủ các nội dung, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được [H01.02.02.03].

Các CĐR của CTĐT ngành CNKTGT đã bám sát và phản ánh rõ mục tiêu của CTĐT, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn chung của Nhà trường, được xác định rõ ràng, súc tích, cụ thể hóa với 3 nhóm CĐR lớn (CĐR về kiến thức, gồm 03 CĐR từ CĐR thứ 1 đến CĐR thứ 3; CĐR về kỹ năng, gồm 09 CĐR từ CĐR thứ 4 đến CĐR thứ 12; CĐR về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm, gồm 03 CĐR từ CĐR thứ 13 đến CĐR thứ 15). CĐR đã thể hiện được các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt, đồng thời được xem xét trong mối quan hệ với Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực [H1.01.02.04] theo hướng CDIO được đưa ra và phát triển từ khoá 62, được sử dụng bởi nhiều trường đại học trong nước và thế giới [H1.01.02.05, H1.01.02.06, H1.01.02.07, H1.01.02.08]. Về CĐR đối với kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ được quy định thống nhất theo chuẩn của Khung trình độ quốc gia đối với bậc 6 quốc tế cho tất cả SV thuộc các chương trình đào tạo hệ đại học của Trường, theo đó SV cần phải thi đạt trình độ tiếng Anh B1 khung Châu Âu [H1.01.02.04].

Bên cạnh đó, các CĐR của CTĐT cũng được xây dựng rõ ràng dựa vào mối quan hệ với mục tiêu thông qua bảng ma trận 1.2.1.

Bảng 1.2.1. Ma trận mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành CNKTGT

Mục tiêu	CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13
1	x						x	x		x			x
2	x	x	x		x			x			x	x	
3				x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	

Với việc đạt được các CĐR của CTĐT, người học (NH) sau khi tốt nghiệp ngành CNKTGT có thể đảm nhận nhiều vị trí việc làm khác nhau tại các đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải; các cơ quan quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông; các công ty tư vấn thiết kế xây dựng công trình giao thông; các doanh nghiệp vận tải ô tô; các trường Đại học và Cao đẳng, các Viện và Trung tâm nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNKTGT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, các triển vọng việc làm trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

CĐR cần được cập nhật thường xuyên hơn để theo sát được những biến động trong xu hướng sử dụng lao động và các yêu cầu ngày càng khắt khe hiện nay.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục phối hợp với các Phòng ban trong Nhà trường tổ chức rà soát đánh giá lại CĐR của CTĐT theo hướng hiện đại hoá, cập nhật, tiệm cận quốc tế.	Khoa MT&ATGT, các phòng ban trong Nhà trường	Định kỳ 2 năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Xác định rõ ràng CĐR của CTĐT, đảm bảo NH được định hướng đúng đắn.	Khoa MT&ATGT	Định kỳ 2 năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 6/7).

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa CĐR với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường, đặc biệt là phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, Khoa MT & ATGT/Bộ môn KTATGT thường xuyên tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến từ doanh nghiệp và NH qua 2 giai đoạn: (1) khảo sát khi xây dựng CĐR; (2) khảo sát khi rà soát, cập nhật CĐR.

Khi xây dựng CĐR, khảo sát được tiến hành lấy ý kiến các BLQ, xin ý kiến phản biện và góp ý của các nhà Khoa học, CB quản lý và GV [H1.01.03.01, H1.01.03.02]. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT, các CB quản lý, các hội đồng khoa học chuyên môn, các GV tham gia đóng góp ý kiến của qua các cuộc họp chuyên môn, đánh giá kiểm định các cấp từ cấp Bộ môn, cấp Khoa và cấp Trường góp ý về nội dung CĐR

[H1.01.03.03]. Thêm vào đó, CĐR của CTĐT ngành CNKTGT được xây dựng, điều chỉnh còn dựa trên việc tham khảo kết quả thống kê kết quả tốt nghiệp của SV trong 5 năm gần nhất **[H1.01.03.04]**. Cuối cùng, CĐR của CTĐT được thẩm định, đánh giá và nghiệm thu bởi Hội đồng thẩm định và được ban hành áp dụng cho SV chuyên ngành CNKTGT từ khóa 62 **[H1.01.03.05]**.

Sau khi CĐR của CTĐT được ban hành, triển khai và áp dụng, định kỳ 2 năm một lần Khoa MT & ATGT theo kế hoạch chung của Nhà trường và căn cứ vào kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để thực hiện rà soát, chỉnh sửa cập nhật CĐR của CTĐT **[H1.01.03.06]**. Căn cứ vào góp ý của các bên liên quan cũng như yêu cầu điều chỉnh CĐR đảm bảo nâng cao chất lượng cho CTĐT, Khoa MT & ATGT đã tiến hành điều chỉnh, cập nhật CĐR của CTĐT ngành CNKTGT qua các năm với các nội dung và lý do điều chỉnh cụ thể như sau:

Bảng 1.3.1. Nội dung và lý do điều chỉnh CĐR giai đoạn 2018

Năm	Nội dung điều chỉnh cập nhật CĐR	Thực trạng/Lý do cập nhật
2018	Chia rõ CĐR về Kỹ năng thành kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, CĐR về Phẩm chất đạo đức thành Phẩm chất đạo đức cá nhân và Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.	Để thuận lợi cho việc tổng hợp các kiến thức môn học.
2020	Phân các CĐR theo từng tiêu chí, trong đó CĐR về kiến thức có 5 CĐR, CĐR về kỹ năng có 6 CĐR, CĐR về phẩm chất đạo đức, thái độ có 3 CĐR.	CTĐT tiếp cận chuẩn CDIO một cách toàn diện
2021	Các CĐR được xây dựng theo chuẩn CDIO, gồm Chuẩn về kiến thức (3 CĐR), Chuẩn về kỹ năng (9 CĐR), Chuẩn về phẩm chất đạo đức, thái độ (3 CĐR)	Áp dụng theo chuẩn CDIO, phù hợp với xu thế chuẩn hoá đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế

Sau quá trình xây dựng, rà soát và cập nhật, CĐR ngành CNKTGT đã được ban hành và được công khai trên các website của Trường ĐH GTVT, của Khoa MT&ATGT để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận **[H1.01.03.07, H1.01.03.08]**.

Ngoài ra CĐR của CTĐT ngành CNKTGT cũng được thông báo rộng rãi tới SV qua sổ tay SV **[H1.01.03.09]**, qua các buổi gặp gỡ SV đầu khóa, tuần sinh hoạt công dân cho SV sau khi nhập học **[H1.01.03.10]**. Hơn nữa, với những CĐR chuyên biệt của ngành, trong học kỳ đầu tiên của năm thứ nhất, SV được học học phần Nhập môn ngành trong đó

cung cấp không chỉ thông tin về CDR, CTĐT mà còn các thông tin về các CSVC phục vụ SV học tập, nghiên cứu, thực hành và định hướng phương pháp học tập, nghiên cứu cho SV cũng như triển vọng việc làm sau khi tốt nghiệp [H1.01.03.11].

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành CNKTGT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù CDR của CTĐT ngành CNKTGT được lấy ý kiến khảo sát từ các bên liên quan nhưng số lượng mẫu chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa cùng Phòng KT&ĐB CLĐT xây dựng kế hoạch tăng cường tiếp cận, xin đóng góp ý kiến về CDR của CTĐT	Khoa MT&ATGT, Phòng KT&ĐB CLĐT	Định kỳ 6 tháng một lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CDR cho phù hợp với xu thế phát triển	Khoa MT&ATGT	Định kỳ 6 2 năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTGT được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

CDR của ngành CNKTGT được công bố công khai trên website của Nhà trường, Khoa/Bộ môn, trong tài liệu quảng bá tuyển sinh, văn bản đến các khoa Khoa/ Bộ môn, phòng ban để tất cả các bên liên quan được biết. Việc rà soát, điều chỉnh CDR nhằm nâng cao chất lượng CTĐT luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ hàng năm của Khoa/Bộ môn và Nhà trường.

CDR được rà soát, bổ sung điều chỉnh, dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và

các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành CNKTGT. Việc rà soát, chỉnh sửa và cập nhật được thực hiện thường xuyên và kịp thời. CDR của CTĐT được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CDR đã chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, tuy nhiên việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan còn chưa thực sự đồng bộ và đầy đủ.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTGT được xây dựng theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐH GTVT và Khoa MT&ATGT. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho các bên liên quan các thông tin về CTĐT, dự kiến kết quả đầu ra, cấu trúc khoá học, CDR của toàn bộ CTĐT và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần (ĐCHP) cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy học, học, kiểm tra/đánh giá học phần. ĐCHP được chuẩn hoá, đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả và ĐCHP của CTĐT được định kỳ sửa đổi, bổ sung vào các năm 2017, 2019 và 2021 căn cứ vào những thay đổi liên quan đến CTĐT trình độ đại học của Bộ GD&ĐT và căn cứ vào các ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho CTĐT. Bản mô tả và ĐCHP của CTĐT được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin của Nhà trường và Khoa giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTGT được xây dựng theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phản ánh xu hướng phát triển của ngành GT và nhu cầu của xã hội, cung cấp cho các BLQ các thông tin đầy đủ và cập nhật về CTĐT, được biên soạn bởi bộ phận xây dựng CTĐT của Khoa/Bộ môn theo mẫu quy định của Nhà trường [**H2.02.01.01, H2.02.01.02, H2.02.01.03**].

CTĐT thiết kế với các phương pháp đo lường CDR về kiến thức, kỹ năng trong từng học phần cũng như cả chương trình để so sánh và đối chiếu với CDR đã công bố, trên cơ sở đó Trường ĐH GTVT và Khoa MT&ATGT có các điều chỉnh phù hợp để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Bản mô tả CTĐT được cập nhật gần đây nhất là năm 2021, được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [**H2.02.01.04**], điều chỉnh tách chương trình Cử nhân (140 TC), Kỹ sư (183 TC), bổ sung CDR, cũng như đưa ra những đề xuất điều chỉnh phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của xã hội.

Bảng 2.1.1. Bảng đối sánh CTĐT các năm 2018, 2020, 2021

Năm	Nội dung điều chỉnh cập nhật	Thực trạng/Lý do cập nhật
2018	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh từ 4 năm lên 4,5 năm. - 155 TC (9 học kỳ). - Thay thế, bổ sung và thay đổi TC một số HP. 	<ul style="list-style-type: none"> - Để thuận lợi cho việc tổng hợp các kiến thức môn học. - Tăng khả năng lựa chọn học phần cho SV.
2020	<ul style="list-style-type: none"> - 160 TC. - Theo tiếp cận chuẩn CDIO (cải tiến cách tổ chức giảng dạy và đánh giá các môn học theo chuẩn CDIO). 	CTĐT tiếp cận chuẩn CDIO một cách toàn diện
2021	<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân 140 TC; Kỹ sư 183TC. - CTĐT được xây dựng theo chuẩn CDIO - Tích hợp cử nhân – kỹ sư 	Áp dụng theo chuẩn CDIO, phù hợp với xu thế chuẩn hoá đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế

Năm 2020, Nhà trường tiến hành xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO [H2.02.01.05, H2.02.01.06] và nghị định 99 [H2.02.01.07] với các hướng dẫn về CTĐT theo tiếp cận CDIO được đăng tải trên website của Nhà trường, trong đó thường xuyên cung cấp thông tin về các hoạt động phát triển năng lực xây dựng CTĐT cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đào tạo [H2.02.01.08]. Trên cơ sở đó, CTĐT đã được cập nhật thêm bảng ma trận tích hợp CDR các học phần [H2.02.01.09] và các học phần trong CTĐT đã bổ sung thêm CDR, phương pháp đánh giá [H2.02.01.10]. Bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo cách tiếp cận phát triển năng lực, có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan [H2.02.01.11].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật, bao gồm các thông tin chung như tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR); đến ĐCHP; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Cán bộ Khoa/Bộ môn còn gặp nhiều khó khăn khi xây dựng Bản mô tả CTĐT theo CDIO.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục	Nội dung	Đơn	Thời gian	Ghi
----	-----	----------	-----	-----------	-----

	tiêu		vị/người thực hiện	thực hiện/ hoàn thành	chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa MT&ATGT chủ động rà soát Bản mô tả CTĐT, tìm hiểu kỹ về CTĐT theo hướng CDIO	Khoa MT&ATGT	Định kỳ 2 năm một lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các thông tin trong Bản mô tả CTĐT	Khoa MT&ATGT	Định kỳ 2 năm một lần	

5. *Tự đánh giá*: Đạt (Mức 5/7).

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

ĐCHP ngành CNKTGT cập nhật theo CTĐT mới theo chuẩn CDIO, được xác nhận bởi trưởng Bộ môn phụ trách học phần và Ban Chủ nhiệm Khoa MT&ATGT và được Hội đồng khoa học Trường ĐH GTVT phê duyệt, ĐCHP [H2.02.02.01] được cập nhật, chuẩn hoá đối với tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành CNKTGT.

100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT đầy đủ thông tin, bao gồm các nội dung:

- Thông tin về GV,
- Mô tả học phần,
- Mục tiêu của học phần, trong đó đề cập đến các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi,
- Học liệu (bao gồm Tài liệu tham khảo bắt buộc và Tài liệu tham khảo tự chọn),
- Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy,
- Chính sách đối với học phần,
- Phương pháp, hình thức KTĐG (bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và các tiêu chí đánh giá).

ĐCHP được rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện theo Quy định về kế hoạch xây dựng và rà soát CTĐT và CĐR, ĐCHP của Trường ĐH GTVT [H2.02.02.02, H2.02.02.03]. Các ĐCHP cũng được điều chỉnh dựa trên những thay đổi trong quy định của Bộ GD&ĐT, ý kiến đóng góp của SV, cựu SV và NTD, ý kiến đóng góp của GV, Bộ môn chuyên môn và

của Hội đồng Khoa MT&ATGT, sau đó là của Hội đồng Khoa học của Trường ĐH GTVT [H2.02.02.04, H2.02.02.05, H2.02.02.08].

Đề cương các học phần ngành CNKTGT được thiết kế phù hợp với CDR được mô tả ở mục tiêu đào tạo của từng học phần và tương thích với CDR của CTĐT ngành CNKTGT [H2.02.02.06]. Về phương pháp KTĐG, các ĐCHP nêu quy định cụ thể và chi tiết về phương pháp KTĐG phù hợp trở nên cụ thể hơn, dễ định lượng hơn, đảm bảo các phương pháp giảng dạy, kiểm tra thực hiện được mục tiêu bài học và mục tiêu môn học, từ đó, đảm bảo phương pháp dạy học và phương pháp KTĐG phù hợp với CDR [H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

100% ĐCHP trong CTĐT có đầy đủ thông tin, điều chỉnh và hoàn thiện theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường ĐH GTVT. Đề cương có CDR cụ thể cho từng học phần, mọi thông tin liên quan đến học phần như cấu trúc, nội dung, phương pháp học tập, phương pháp KTĐG và được cung cấp đầy đủ giúp SV dễ dàng lựa chọn các học phần và xây dựng lộ trình, kế hoạch học tập của từng kỳ và toàn khoá.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát ĐCHP chưa được thực hiện một cách định kỳ 2 năm một lần. Ngoài ra, học liệu của một số học phần còn chưa cập nhật và chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành rà soát ĐCHP, cập nhật, bổ sung các mục còn thiếu	Khoa MT&ATGT	Định kỳ 2 năm một lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tập trung vào rà soát, điều chỉnh các nội dung cụ thể của từng ĐCHP	Khoa MT&ATGT	Định kỳ 2 năm một lần	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7).

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Các bên có liên quan (cơ quan quản lý, SV, cựu SV, học viên, cựu học viên, NTD, GV, chuyên gia giáo dục, nhà khoa học,...) có thể dễ dàng tìm hiểu nội dung Bản mô tả CTĐT ngành CNKTGT [H2.02.03.01] trên nhiều phương tiện truyền thông của Trường ĐH GTVT và của Khoa MT&ATGT [H2.02.03.02], để các BLQ có thể truy cập và tìm hiểu về CTĐT.

100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình được đào tạo tại trường ĐH GTVT, SV sẽ được tiếp cận với CTĐT thông qua các tuần sinh hoạt công dân đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ, cũng như thông qua phổ biến từ CVHT của lớp trong các buổi sinh hoạt và tổng kết hoạt động của lớp [H2.02.03.03, H2.02.03.04, H2.02.03.05, H2.02.03.06].

GV và SV có thể phản hồi lại ý kiến về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP để góp phần hoàn thiện CTĐT và các ĐCHP. GV có thể thông qua các cuộc họp Bộ môn và các cuộc họp khoa để góp ý xây dựng và hoàn thiện các CTĐT và ĐCHP [H2.02.03.07].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTGT và ĐCHP trong CTĐT được công bố công khai trên các kênh truyền thông chính thống của Nhà trường và Khoa để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Thiết kế vị trí và giao diện trình bày trên trang thông tin của Khoa MT & ATGT chưa thuận lợi để các bên liên quan tìm kiếm và trao đổi ý kiến nếu có.

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP chưa được phổ biến rộng rãi đến nhiều đối tượng, đặc biệt là các học sinh lớp 12 và phụ huynh học sinh, NTD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế lại giao diện website của Khoa để dễ dàng tiếp cận, đẩy mạnh truyền thông để phổ biến rộng rãi CTĐT	Khoa MT&ATGT, Trung tâm Ứng dụng CNTT	Định kỳ hàng năm (trước mùa tuyển sinh)	

		và ĐCHP			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các kênh truyền thông để quảng bá CTĐT và ĐCHP	Khoa MT&ATGT, Nhà trường	Định kỳ hàng năm (trước mùa tuyển sinh)	

5. *Tự đánh giá*: Đạt (Mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành CNKTGT và ĐCHP đầy đủ thông tin và cập nhật, đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ GD&ĐT và phản ánh xu hướng phát triển của giao thông Việt Nam và Thế giới, và nhu cầu của xã hội. CTĐT và các ĐCHP được cập nhật các phiên bản mới có điều chỉnh, trong đó tăng cường sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo phong phú, bao gồm cả tài liệu trong nước và tài liệu, giáo trình chuẩn của nước ngoài. CTĐT thiết kế với các phương pháp đo lường CDR về kiến thức, kỹ năng trong từng học phần cũng như của CTĐT để so sánh và đối chiếu với CDR đã công bố, trên cơ sở đó Trường ĐH GTVT và Khoa MT&ATGT có các điều chỉnh hợp lý để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. CTĐT và các ĐCHP được công bố công khai trên các kênh truyền thông chính thống của Trường ĐH GTVT và Khoa MT&ATGT để các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 2: 3/3 tiêu chí Đạt.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) ngành CNKTGT được cấu trúc hợp lý và có hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, CĐR của CTĐT trình độ đại học. Cấu trúc và nội dung CTDH có tính tiêu chuẩn, quốc tế, tính tương thích và liên thông. Mục tiêu (chính là CĐR) của các học phần được thiết kế thống nhất, góp phần đạt được CĐR của CTĐT ngành CNKTGT, phản ánh đầy đủ yêu cầu về nguồn nhân lực của thị trường lao động. Cấu trúc các khối kiến thức, các học phần có tính khoa học, logic, trình tự, tích hợp và liên thông với các CTĐT liên quan đến ngành CNKTGT tại Việt Nam và Thế giới. Cấu trúc và nội dung CTDH ngành CNKTGT được rà soát, cập nhật và đổi mới định kỳ.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH ngành CNKTGT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR [H3.03.01.01] của CTĐT ngành CNKTGT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, về trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học. Cụ thể, để đạt được mục tiêu và CĐR đã phân tích ở trên, SV ngành CNKTGT cần tích lũy đủ 140 TC chia thành hai khối kiến thức là Giáo dục đại cương với 49 TC chiếm 35% và Giáo dục chuyên nghiệp với 91 TC, chiếm 65% CTĐT [H3.03.01.02, H3.03.01.03].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các môn học/học phần trong CTDH phù hợp và góp phần đạt được CĐR. Hầu hết các học phần đều có quy định về làm bài tập nhóm, tự học nhằm giúp SV đạt được CĐR về tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.04]. Dựa trên CĐR tin học, CTĐT gồm 01 học phần tin học cơ sở với 2 TC [H3.03.01.05]. Dựa trên CĐR tiếng Anh, CTĐT gồm 02 học phần tiếng Anh B1 với 4 TC và tiếng Anh chuyên ngành với 3 TC [H3.03.01.06].

CTDH ngành CNKTGT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên cơ sở bản mô tả CTĐT, CĐR, ĐCCT các học phần [H3.03.01.02], các ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.07], chú trọng đến tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức, kỹ năng

chung và chuyên ngành để đạt mục tiêu đào tạo, CDR và Nhà trường công bố trong các năm 2018, 2020, 2021-2022 sau khi xây dựng, điều chỉnh, và tiếp tục được cải tiến hoàn thiện (Bảng 3.1.1).

Bảng 3.1.1. Điều chỉnh CTDH ngành CNKTGT qua các năm

Năm	Nội dung điều chỉnh, cập nhật
2018	- Điều chỉnh từ 4 năm lên 4,5 năm. - 155 TC (9 học kỳ). - Thay thế, bổ sung và thay đổi TC một số HP.
2020	- 160 TC. - Theo tiếp cận chuẩn CDIO (cải tiến cách tổ chức giảng dạy và đánh giá các môn học theo chuẩn CDIO).
2021-2022	- Cử nhân 140 TC; Kỹ sư 183 TC. - CTĐT được xây dựng theo chuẩn CDIO - Tích hợp cử nhân – kỹ sư

2. Điểm mạnh

Nội dung CTDH ngành CNKTGT được thiết kế căn cứ vào mục tiêu đào tạo và CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Hoạt động rà soát và điều chỉnh CTĐT được thực hiện đồng bộ với quy trình chuẩn hoá rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Khối kiến thức tự chọn của CTĐT ngành CNKTGT năm 2021 mặc dù đã tăng. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn cần được tăng thêm để nâng cao tính linh hoạt trong CTĐT cũng như tiệm cận với các chương trình đối sánh của các trường đại học trên Thế giới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa MT&ATGT nghiên cứu cập nhật, bổ sung kiến thức thực tế và đề xuất bổ sung học phần tự chọn	Khoa MT&ATGT	Định kỳ 2 năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục gắn CTDH theo CTĐT, CDR	Khoa MT&ATGT	Định kỳ—6 tháng—2 năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (Mức 6/7).

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNKTGT có sự tương thích về nội dung và có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với các CĐR của CTĐT. CTDH ngành CNKTGT được phân bổ từ các học phần kiến thức nền tảng (đại cương) đến các học phần cơ sở và các học phần kiến thức chuyên sâu, có mối quan hệ trước sau và đều có CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực tự chủ và trách nhiệm) [H3.03.02.01].

Các học phần trong CTDH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, chia vào 4 nhóm phương pháp giảng dạy là thuyết giảng; thực hành và thảo luận; tiểu luận bài tập lớn, thực tế và tự học có hướng dẫn. Các nhóm phương pháp này được phân bổ thời gian cụ thể cho từng buổi lên lớp, đảm bảo tổ hợp các phương pháp đạt được CĐR tốt nhất [H3.03.02.02].

Tất cả các ĐCHP cũng nêu rõ phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Theo đó, các phương pháp kiểm tra được GV trong bộ môn thảo luận và thống nhất [H3.03.02.03]. Tổ hợp các phương pháp KTĐG phù hợp với đặc thù của các học phần trong từng bộ môn và được điều chỉnh cho phù hợp với từng học phần cụ thể [H3.03.02.04].

Các ĐCHP được sửa đổi định kỳ trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các BLQ [H3.03.02.05]. Định kỳ, Phòng KT&ĐB CLĐT, Phòng CTCT&SV, Khoa MT&ATGT, Bộ môn KTATGT tổ chức khảo sát SV và cựu SV về chất lượng chương trình giảng dạy [H3.03.02.06, H03.03.02.07].

2. Điểm mạnh

Mỗi học phần có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR, có sự tương thích về nội dung, có phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các chuyên gia giáo dục và NTD về nội dung đề cương chi tiết từng học phần chưa được tiến hành thường xuyên, định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/	Ghi chú
-----------	-----------------	-----------------	-------------------------------	-----------------------------	----------------

				hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát ý kiến chuyên môn của các BLQ về đề cương chi tiết học phần nhằm kịp thời điều chỉnh	Khoa MT&ATGT, các phòng ban liên quan	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các học phần gắn với CĐR	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	

5. *Tự đánh giá*: Đạt (Mức 6/7).

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTDH ngành CNKTGT gồm 140 TC chia thành hai khối kiến thức là Khối kiến thức đại cương với 49 TC chiếm 35% và Khối kiến thức chuyên ngành với 91 TC, chiếm 65% CTĐT. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Trình tự của các học phần được sắp xếp hợp lý, logic và khoa học, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hệ thống, liên tục từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Các khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy trong 2 năm học đầu tiên, các khối kiến thức ngành và chuyên ngành được dạy từ học kỳ thứ 3 và các học phần Chuyên ngành được dạy từ học kỳ 5. Trước khi ra trường, SV có 1 đợt thực tập để rèn luyện các kỹ năng cần thiết [H3.03.03.01].

Mục tiêu về kiến thức của từng học phần cũng được xây dựng theo thang đo Bloom và CDIO, từ đó nội dung giảng dạy, các phương pháp dạy và học và các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp giúp SV đạt được CĐR của học phần [H3.03.03.02]. Nội dung của các học phần đảm bảo trang bị cho SV các kiến thức cơ bản, cập nhật các tri thức mới trên thế giới nhằm giúp SV đạt các mục tiêu của học phần từ đó đạt CĐR của CTĐT. Các tài liệu tham khảo của từng học phần phong phú và thường xuyên được bổ sung, hỗ trợ tốt cho việc dạy và học. Tất cả các học phần đều đảm bảo áp dụng cả 4 nhóm phương pháp tổ chức dạy học là (i) lý thuyết (thuyết giảng); (ii) bài tập, thảo luận; (iii) thuyết trình, tiểu luận, bài tập lớn; và (iv) tự nghiên cứu. Điều này đảm bảo sự đa dạng và hỗ trợ lẫn nhau giữa các phương pháp trong việc giúp SV đạt được tất cả các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của học phần, từ đó góp phần giúp SV đạt được một số CĐR của CTĐT [H3.03.03.03].

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành CNKTGT có sự tương thích về nội dung và có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với CDR của CTĐT, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR của toàn bộ CTĐT. Theo đó, 100% ĐCHP đều có CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực tự chủ và trách nhiệm). Vì vậy, 100% các CDR của CTĐT ngành CNKTGT được thực hiện thông qua các học phần [H3.03.03.04].

CTDH ngành CNKTGT được cập nhật thường xuyên, chú trọng đến tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung và chuyên ngành để đạt mục tiêu đào tạo, CDR và Nhà trường công bố trong các năm 2018, 2020, 2021-2022 sau khi xây dựng, điều chỉnh, và tiếp tục được cải tiến hoàn thiện (Bảng 3.3.1).

Bảng 3.3.1. Điều chỉnh CTDH ngành CNKTGT qua các năm

Năm	Nội dung điều chỉnh, cập nhật
2018	- Điều chỉnh từ 4 năm lên 4,5 năm. - 155 TC (9 học kỳ). - Thay thế, bổ sung và thay đổi TC một số HP.
2020	- 160 TC. - Theo tiếp cận chuẩn CDIO (cải tiến cách tổ chức giảng dạy và đánh giá các môn học theo chuẩn CDIO).
2021-2022	- Cử nhân 140 TC; Kỹ sư 183 TC. - CTĐT được xây dựng theo chuẩn CDIO - Tích hợp cử nhân – kỹ sư

Định kỳ, Phòng KT&ĐB CLĐT, Phòng CTCT&SV, Khoa MT & ATGT, Bộ môn KTATGT tổ chức khảo sát SV và cựu SV về chất lượng chương trình giảng dạy [H3.03.03.05, H3.03.03.06]. Các bộ môn lấy ý kiến GV về sự phù hợp về phương pháp giảng dạy và phương pháp KTĐG các học phần đang tham gia giảng dạy [H3.03.03.07].

Các tài liệu về CTĐT ngành CNKTGT được công bố rộng rãi trên website Trường ĐH GTVT, của Khoa MT&ATGT, trong các tờ rơi tuyển sinh và trong buổi sinh hoạt công dân đầu khoá cho tân sinh viên [H3.03.03.08, H3.03.03.09, H3.03.03.10, H3.03.03.11].

2. Điểm mạnh

CTĐT được định kỳ rà soát và sửa đổi, đối sánh với CTĐT của các trường đại học trên thế giới, điều chỉnh và đổi mới theo góp ý của các bên liên quan nhằm tăng cường

kiến thức thực hành và gắn kết thực tiễn trong nội dung giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Các học phần tự chọn chưa phong phú. Việc lấy ý kiến các NTD, chuyên gia về CTĐT còn ít và chưa được hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát điều chỉnh số lượng học phần tự chọn. Thường xuyên phối hợp với các phòng ban để tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT	Khoa MT&ATGT, Các phòng ban	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các học phần trong CTĐT, đảm bảo tính logic, phù hợp với CĐR	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 6/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH ngành CNKTGT được cấu trúc hợp lý và có hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, CĐR của CTĐT trình độ đại học.

Nội dung CTDH ngành CNKTGT được thiết kế căn cứ vào mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Hoạt động rà soát và điều chỉnh CTĐT được thực hiện đồng bộ với quy trình chuẩn hoá rõ ràng. Thực hiện đồng bộ, thống nhất, tiêu chuẩn hoá nội dung dạy và học trong các ĐCHP nhằm góp phần thực hiện CĐR của mỗi học phần cũng như CTDH ngành CNKTGT.

Mỗi học phần có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể cho mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH xác định rõ ràng tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Các học phần trong CTĐT được thiết kế đảm bảo sự gắn kết khoa học, thống nhất và hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Tất cả các học phần được bố trí theo trình tự, thời gian học tập hợp lý về điều kiện tiên quyết, thời lượng, thời điểm thực hiện. CTĐT được định kỳ rà soát và sửa đổi, có đối sánh với CTĐT của các trường đại học trên thế giới, và điều chỉnh, đổi mới theo góp ý của các bên liên quan nhằm tăng cường kiến thức thực hành và gắn kết thực tiễn trong nội dung giảng dạy. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến các chuyên gia giáo dục và NTD về nội dung ĐCHP chưa được tiến hành thường xuyên, định kỳ. Các học phần tự chọn trong các khối kiến thức Cơ sở ngành và kiến thức ngành còn chưa phong phú, số lượng học phần tự chọn còn hạn chế.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Triết lý giáo dục của Trường ĐH GTVT là giá trị nền tảng để cơ sở đào tạo xây dựng mục tiêu, chiến lược và các kế hoạch hành động. Triết lý và mục tiêu giáo dục của Nhà trường và mục tiêu của CTĐT ngành CNKTGT đã được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các BLQ như GV, SV, cựu SV, đối tác, nhà tuyển dụng và các đối tượng tham gia trực tiếp và gián tiếp vào quá trình đào tạo. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với CDR trong CTĐT và từng học phần. Các hoạt động dạy và học đã thúc đẩy quá trình rèn luyện các kỹ năng, tạo lập thói quen, từ đó nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục của Nhà trường [H4.04.01.01] và sử dụng đa dạng các kênh truyền thông để truyền tải triết lý giáo dục [H4.04.01.02, H4.04.01.03].

Triết lý giáo dục của Nhà trường được tất cả cán bộ, GV, NH hiểu rõ và thực hiện, đặc biệt là 2 nhóm đối tượng GV và NH, những người tham gia trực tiếp vào hoạt động dạy và học. Trong ĐCHP và trong hoạt động giảng dạy thực tế, GV cũng được yêu cầu sử dụng các phương pháp giảng dạy tăng tính chủ động của người học, khuyến khích hoạt động tự học có hướng dẫn, tăng sự sáng tạo và tư duy phản biện trong các hoạt động học tập (thuyết trình, thảo luận nhóm, hỏi – đáp, tranh luận) [H4.04.01.05].

SV luôn được khuyến khích tiếp cận thông tin về triết lý giáo dục của Nhà trường trên Website Nhà trường, trên fanpage của Khoa [H4.04.01.06], trong môn Nhập môn ngành [H4.04.01.07], và trực tiếp được tiếp cận thông qua các buổi họp lớp [H4.04.01.04].

Việc lấy ý kiến của các BLQ về triết lý và mục tiêu giáo dục cũng được Nhà trường tiến hành thu thập [H4.04.01.08]. Kết quả khảo sát các BLQ cho thấy mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Trường ĐH GTVT được Nhà trường và Khoa MT&ATGT truyền tải rõ ràng, công khai và thông qua rất đa dạng hình thức tới các BLQ. Việc truyền thông đặc biệt nhấn mạnh vào nhóm đối tượng SV và GV – hai nhóm đối tượng mà việc nắm vững triết lý giáo dục của Nhà trường có tác động trực tiếp.

3. Điểm tồn tại

Hiệu quả của việc truyền thông triết lý giáo dục đến SV là chưa thực sự ấn tượng dù các kênh truyền thông được sử dụng rất đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa cần phối hợp với các CVHT tìm ra biện pháp phổ biến triết lý giáo dục đến SV (tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại,...)	Khoa MT&ATGT, CVHT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến qua các kênh truyền thông về triết lý giáo dục của Nhà trường	Trường ĐH GTVT, Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt CĐR

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học trong từng học phần thuộc về chương trình đào tạo cử nhân ngành CNKTGT được thiết kế nhằm đảm bảo đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm, kỹ năng Tin học và Ngoại ngữ. Trên cơ sở đó, các thành tố như giáo trình, tài liệu bổ trợ, phương pháp dạy và học, nội dung, tiến độ học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá,... được thiết kế nhằm đảm bảo CĐR [H4.04.02.01]. Điều này cũng thể hiện rõ ràng trong ma trận tích hợp từng học phần với CĐR CTĐT, phương pháp giảng dạy, phương pháp KTĐG [H4.04.02.02].

Thông tin về CTĐT được công bố trên website, trên cổng thông tin học tập trực tuyến [H4.04.02.03], được cố vấn học tập công bố đến SV thông qua họp lớp [H4.04.02.04]. ĐCHP được công bố bởi các GV đến SV và các buổi đầu tiên cùng mỗi

khóa học kèm theo giải đáp rõ ràng đối với mọi thắc mắc của SV liên quan đến các thông tin trong ĐCHP [H4.04.02.05]. Việc này giúp sinh viên nắm vững mục tiêu, các CĐR môn học, tầm quan trọng của môn học đối với việc đạt CĐR của CTĐT, nội dung môn học, các nội dung học tập từng buổi, các hoạt động học tập trên lớp, các hoạt động tự học ở nhà và chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp,... Bên cạnh các môn học trên lớp, các học phần thực tập tại các doanh nghiệp cũng được lồng ghép trong chương trình đào tạo để đảm bảo SV làm quen với môi trường làm việc thực tế, biết ứng dụng các kiến thức, kỹ năng và công việc thực tế hướng tới CĐR [H4.04.02.08].

Đặc biệt, trong giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát, Nhà trường đã tiên phong trong việc chuyển từ hình thức đào tạo trực tiếp sang hình thức đào tạo trực tuyến [H4.04.02.09, H4.04.02.10]. Các phương pháp dạy và học được cập nhật để phù hợp với tình hình, và vẫn đảm bảo được khối lượng kiến thức của CTĐT và CĐR [H4.04.02.11, H4.04.02.12].

Ngoài ra, Khoa MT&ATGT kết hợp cùng Phòng KT&ĐB CLĐT còn định kỳ đánh giá chương trình đào tạo thông qua lấy ý kiến đánh giá, phản hồi từ sinh viên về phương pháp dạy học, hình thức, tài liệu, tác phong, ... của giảng viên thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp [H4.04.02.06, H4.04.02.07]. Theo đó, GV và NH ngành CNKTGT hài lòng với các hoạt động dạy và học cũng như các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

2. Điểm mạnh

CTDH được xây dựng khoa học, thống nhất, chặt chẽ, hướng đến mục tiêu đạt CĐR. Các GV luôn ý thức tự học, tự bồi dưỡng và trao đổi kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả bài giảng tăng động cơ học tập ở người học, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của họ trong lĩnh vực kiến thức và phát triển kỹ năng đảm bảo CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc triển khai các hoạt động dạy học tích cực trong thực tế còn chưa đạt hiệu quả, đặc biệt là đối với sinh viên năm thứ nhất.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Tổ chức các buổi thảo	Khoa	Định kỳ hàng	

	tồn tại	luận về phương pháp dạy và học mới cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm nhất	MT&ATG T	năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Cán bộ giảng viên tiếp tục trau dồi kỹ năng, nâng cao hiệu quả bài giảng	GV Khoa MT&ATG T	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Đề cương chi tiết các môn học/học phần trong CTĐT ngành CNKTGT mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong tất cả các học phần của CTĐT, buổi học đầu tiên luôn bao gồm hoạt động giới thiệu môn học, các mục tiêu của học phần đi kèm với các CĐR, nội dung học tập, học liệu, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... để SV có thể nắm vững thông tin khóa học, từ đó lập kế hoạch học tập và xây dựng các chiến lược học tập của mình nhằm đảm bảo một kết quả học tập khả quan, đạt CĐR môn học [H4.04.03.01].

ĐCHP ngành CNKTGT nêu rõ các phương pháp dạy-học áp dụng trong môn học [H4.04.03.02]. GV sử dụng các phương pháp dạy học, các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp... giúp rèn luyện và phát triển các kỹ năng thiết yếu như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết phục, bảo vệ quan điểm, tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề,... [H4.04.03.03, H4.04.03.04].

Bên cạnh chương trình chính khoá, các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ được tiến hành song song. Có thể kể đến tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, ngày hội việc làm,...SV cũng được khuyến khích tham gia NCKH [H4.04.03.05, H4.04.03.06, H4.04.03.07]. Đây đều là những hoạt động ngoại khoá được tổ chức định kỳ, hỗ trợ chương trình chính khoá trong việc phát triển các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kinh nghiệm nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập, rèn luyện các kỹ năng giúp nâng cao năng lực tự học suốt đời của SV.

Kết quả khảo sát các BLQ (cựu SV, SV, GV, NTD) cũng cho thấy phương pháp giảng dạy tại Bộ môn KTATGT rất đa dạng, lấy người học là trung tâm và khuyến khích kỹ năng học tập suốt đời của NH. [H4.04.03.08, H4.04.03.09].

2. Điểm mạnh

Phương pháp giảng dạy tại Bộ môn KTATGT thấm nhuần triết lý giáo dục của Nhà trường, thể hiện thông qua phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và phương pháp dạy-học phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của SV.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng những phương pháp giảng dạy tích cực, thảo luận, thuyết trình theo nhóm vẫn chưa đạt được những hiệu quả như mong đợi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật những phương pháp giảng dạy hiện đại, tạo môi trường thoải mái, giúp SV tự tin hơn trong việc học và thể hiện bản thân.	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo mọi điều kiện cho SV phát huy tính chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực tự học	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng kỳ học	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Bộ môn KTATGT có nền tảng là triết lý giáo dục hướng tới khai phóng. Đây là triết lý giáo dục được xác định rõ ràng và thống nhất trong toàn trường. Triết lý giáo dục này luôn được Bộ môn chú trọng phổ biến tới các BLQ và sử dụng làm nền tảng để xây dựng các mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT, hiện thực hoá CĐR này thông qua nội dung đào tạo, phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá. Với triết lý giáo dục đó, các hoạt động dạy và học tại Bộ môn lấy người học làm trung tâm, luôn chú trọng đến việc giúp người học rèn luyện

các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Bên cạnh những ưu điểm trên đây, vẫn còn những tồn tại như hiệu quả của việc truyền thông về triết lý giáo dục của Nhà trường còn chưa cao, các lớp còn đông, CSVC còn chưa đảm bảo, chưa có những nghiên cứu chuyên sâu, khảo sát riêng đánh giá hoạt động dạy và học của CTĐT.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Trong CTĐT tại Khoa MT&ATGT, hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp nhằm đạt CĐR của CTĐT. Các quy định cụ thể về đánh giá kết quả học tập của SV đầy đủ, rõ ràng và được thông báo công khai tới SV của CTĐT. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong chuyên ngành đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá trong từng học phần được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập. SV ngành CNKTGT cũng có thể dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTĐT ngành CNKTGT có quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.01.01, H5.05.01.02]. Đánh giá kết quả học tập bao gồm kết quả đánh giá học tập các học phần trong chương trình học và kết quả đánh giá rèn luyện theo từng học kỳ [H5.05.01.03, H5.05.01.04, H5.05.01.13]. Các thông tin này được phổ biến cho sinh viên trong các tuần Sinh hoạt công dân [H5.05.01.12].

Nhà trường đã ban hành các quy định về việc tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi [H5.05.01.05], quy định về thi kết thúc học phần [H5.05.01.03], các mẫu phiếu chấm điểm bảo vệ tốt nghiệp [H5.05.01.10] cùng bảng phân loại đánh giá học lực của sinh viên (Bảng 5.1.1) để đánh giá theo mức độ đạt được CĐR. Kết quả học tập được đánh giá trong toàn bộ quá trình từ tuyển sinh đầu vào, các học phần, các hoạt động dạy và học, học kỳ tốt nghiệp [H5.05.01.01, H5.05.01.03, H5.05.01.05, H5.05.01.06, H5.05.01.07]. Việc đánh giá kết quả học tập của SV, quá trình tổng hợp đánh giá các hoạt động dạy và học cũng như tích lũy kết quả đều nhằm đạt được CĐR của học phần và của toàn bộ CTĐT.

Bảng 5.1.1 Bảng điểm phân loại đánh giá học lực của sinh viên

Xếp loại	Điểm trung bình
Xuất sắc	3.60-4.00
Giỏi	3.20-3.59
Khá	2.50-3.19

Trung bình	2.00-2.49
Yếu	1.00-1.99
Kém	Nhỏ hơn 1.00

Đối với ngành CNKTGT, kết cấu của mỗi học phần thể hiện trong đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.02], được thiết kế để phù hợp để đo lường mức độ đạt CDR [H5.05.01.01]. Quá trình đánh giá dạy và bám sát theo Quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC tại Trường ĐH GTVT [H5.05.01.08]. Kế hoạch đánh giá được xây dựng và triển khai có sự phối hợp từ Phòng ĐTDH, Phòng CTCT&SV, Khoa, Bộ môn và từng GV trong từng giai đoạn, học kỳ và từng năm học [H5.05.01.03, H5.05.01.04, H5.05.01.05, H5.05.01.06, H5.05.01.07, H5.05.01.09, H5.05.01.10], phù hợp với mục tiêu và CDR trong CTĐT [H05.05.01.02, H5.05.01.03, H5.05.01.11].

Đặc biệt, trong giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, Nhà trường đã tiến hành quá trình kiểm tra/đánh giá trực tuyến [H5.05.01.14] trên phần mềm học trực tuyến [H5.05.01.15] và phần mềm thi trắc nghiệm [H5.05.01.16] để đảm bảo an toàn và phù hợp với quá trình chống dịch.

2. Điểm mạnh

Quy trình và hình thức đánh giá KQHT được mô tả ở các đề cương chi tiết học phần và diễn ra trong thực tế là phù hợp với mục tiêu đạt CDR vì quy trình và phương pháp KTĐG vốn được thiết kế theo sát hướng dẫn của Nhà trường để phục vụ mục đích tương thích CDR cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức đánh giá mức độ khó, dễ của đề thi thông qua thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi để điều chỉnh lại đề thi cho phù hợp	Nhà trường, Khoa MT&ATGT	Từ năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng các hình thức đánh giá KQHT của sinh viên	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng kỳ	
---	--------------------	--	--------------	-----------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT, ĐCHP, sổ tay SV [**H5.05.02.01, H5.05.02.02, H5.05.02.03**] cho thấy tại Khoa MT&ATGT, quy trình và nội dung hoạt động kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của SV được quy định một cách có hệ thống và công khai về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Các quy định về KTĐG trong CTĐT Khoa MT&ATGT tuân thủ mọi quy chế, quy định liên quan của Nhà trường [**H5.05.02.04, H5.05.02.05, H5.05.02.06, H5.05.02.07, H5.05.02.08, H5.05.02.09, H5.05.02.10**].

Tất cả những quy định này đều rõ ràng và được thông báo công khai và phổ biến đến với người học qua nhiều kênh khác nhau: trên các website của Khoa và của Trường, thông qua sổ tay SV và thông qua tuần sinh hoạt công dân. Bên cạnh đó, các thông tin cụ thể về KTĐG trong từng học phần được trực tiếp công bố tới SV thông qua các GV giảng dạy các học phần trên lớp. Lịch thi của học phần được Phòng ĐTDH đăng tải công khai, đúng thời hạn trên website của Phòng ĐTDH [**H5.05.02.11**].

Việc đánh giá và công nhận kết quả học tập của người học được Nhà trường áp dụng theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện SV ĐH hệ chính quy [**H5.05.02.12**]. SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ Hệ thống thông tin trường đại học CMC [**H5.05.02.11**]. Công tác kiểm tra đánh giá việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các Bộ môn liên quan tiến hành hàng năm.

2. Điểm mạnh

Người học được thông tin đầy đủ hoặc có thể dễ dàng tiếp cận mọi thông tin về phương pháp, quy trình, hình thức KTĐG, từ KTĐG các học phần cho đến kế hoạch thực tập giữa khóa, viết báo cáo giữa kỳ, thực tập tốt nghiệp, viết báo cáo tốt nghiệp và

làm đồ án tốt nghiệp, giúp SV có thể nắm rõ, chủ động lên kế hoạch thực hiện và có chiến lược học tập phù hợp để đạt kết quả tốt.

3. Điểm tồn tại

Việc phản hồi về đánh giá KQHT của SV chủ yếu vẫn thực hiện theo các phương thức truyền thống, chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu, xây dựng và áp dụng các kênh truyền thông hiện đại (thông qua ứng dụng điện thoại smartphone hoặc facebook) để thu thập ý kiến phản hồi, hỏi đáp của SV về việc đánh giá KQHT.	Khoa MT&ATGT, Phòng KT&ĐB CLĐT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Liên tục thông tin đến sinh viên về các kết quả học tập, thi đua của SV	Khoa MT&ATGT, Phòng KT&ĐB CLĐT	Định kỳ hàng kỳ học	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo, quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH GTVT [H5.05.03.01, H5.05.03.03, H5.05.03.08, H5.05.03.09]. Ngoài ra, trong CTĐT, thể hiện trong Bản mô tả CTĐT, ĐCHP, ma trận tích hợp từng học phần với CDR CTĐT đã thể hiện sự kết hợp đa dạng các phương pháp và hình thức đánh giá [H5.05.03.02, H5.05.03.03, H5.05.03.04, H5.05.03.05, H5.05.03.06].

Việc rà soát các đề thi định kỳ theo bộ môn cũng góp phần hỗ trợ độ tin cậy và chất lượng của đề thi [H5.05.03.07]. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đều

được áp dụng với mục tiêu đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, mỗi học phần đều có mẫu câu hỏi ôn tập và giới hạn ôn tập nhằm giúp SV bao quát nội dung học phần. Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi hàng năm dưới sự giám sát chuyên môn của các Bộ môn và Ban Chủ nhiệm khoa giúp đảm bảo đề thi khi được đưa ra sử dụng đảm bảo tính bảo mật, nội dung kiến thức được yêu cầu trong đề phù hợp với yêu cầu về CDR của môn học và của CTĐT. Ngoài ra, các bài thi tự luận của SV được chấm chi tiết theo đáp án. Quy trình chấm thi khách quan với hai GV cùng chấm và vào điểm để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học.

2. Điểm mạnh

Phương pháp KTĐG của các học phần được xây dựng phù hợp với CTĐT, theo hướng hỗ trợ NH đạt được CDR môn học và được công bố công khai đến người học, thực hiện nghiêm túc theo như Nhà trường quy định, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy cũng như tính khách quan, công bằng với mọi SV.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng và rà soát ngân hàng đề thi còn chưa thực sự năng suất và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng tất cả GV về KTĐG thông qua các khóa học ngắn hạn và cần có kế hoạch đào tạo về KTĐG cho GV nòng cốt để chuyên trách mảng công việc này tại Khoa, giúp tăng năng suất và hiệu quả của việc xây dựng ngân hàng đề thi.	Khoa MT&ATG T	Bắt đầu từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các câu hỏi thi, bổ sung các câu hỏi mới để nâng cao số lượng câu hỏi	Khoa MT&ATG T	Định kỳ hàng kỳ học	

		trong ngân hàng câu hỏi thi.			
--	--	------------------------------	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT đã ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần, có hệ thống văn bản quy định chi tiết về KTĐG, trong đó có nêu rõ thời gian Khoa cần phản hồi kết quả KTĐG tới người học [**H5.05.04.01, H5.05.04.02, H5.05.04.03, H5.05.04.04, H5.05.04.05**]. Các quy định này được công bố rộng rãi đến SV thông qua nhiều kênh như trên Website của Nhà trường, trong cuốn Sổ tay SV, thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các báo cáo tổng kết năm học, trên Hệ thống thông tin trường đại học CMC,... [**H5.05.04.06, H5.05.04.07, H5.05.04.08, H5.05.04.12, H5.05.04.13**].

Tại Khoa MT&ATGT, để đảm bảo phản hồi KQHT kịp thời đến người học, Khoa phổ biến cho cả GV và SV đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, cũng như của Trường ĐH GTVT về KTĐG thông qua các buổi sinh hoạt lớp của CVHT và thông qua các kênh truyền thông như website và fanpage của Nhà trường, của Khoa, ... [**H5.05.04.06, H5.05.04.07, H5.05.04.08**]. Song song với đó, Khoa cũng luôn quán triệt các GV thực hiện nghiêm túc việc phản hồi kết quả đúng thời hạn quy định, bao gồm cả phản hồi khiếu nại về KQHT [**H5.05.04.09**].

Kết quả KTĐG được thông báo kịp thời cho SV, giúp SV điều chỉnh chiến lược học tập trong trường hợp cần thiết. Theo Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần [**H5.05.04.10**], SV sẽ được thông báo về kết quả thi trong vòng hai tuần kể từ ngày làm bài thi. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào về kết quả, GV sẽ giải quyết các khiếu nại này.

Nhà trường có hệ thống cảnh báo học tập đối với những SV có KQHT và rèn luyện chưa tốt [**H5.05.04.11**]. Sau khi có kết quả rà soát các trường hợp cảnh báo KQHT, rèn luyện, các CVHT sẽ liên lạc với các SV trong diện bị cảnh báo, nhắc nhở để tìm hiểu vấn đề, nhắc nhở, thảo luận giải pháp giúp người học cải thiện kết quả.

2. Điểm mạnh

Quy định về thời hạn công bố kết quả đánh giá đầy đủ, rõ ràng và cụ thể và việc phổ biến quy định này được thực hiện trên cả hai nhóm đối tượng SV và GV, giúp người

học kịp thời nắm bắt và có kế hoạch cải thiện việc học tập của và người dạy nắm vững quy định để hoàn thành việc đánh giá và trả kết quả đúng thời gian quy định.

3. Điểm tồn tại

Đôi khi GV gửi phản hồi kết quả điểm thi hết học phần của SV còn chậm so với thời hạn quy định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đốc thúc, nhắc nhở các GV về thời hạn gửi phản hồi kết quả điểm thi, kịp thời cập nhật đến SV	Khoa MT&ATGT	Trong các buổi họp bộ môn, bắt đầu từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phổ biến về quy trình và thời hạn công bố KQHT đến GV, SV	Khoa MT&ATGT	Hàng kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Đầu mỗi khóa học, phòng ĐTDH phổ biến cho SV các quy chế về đào tạo và học vụ trong tuần lễ sinh hoạt công dân [H5.05.05.01, H5.05.05.02], trong đó có khiếu nại về kết quả học tập. Ngoài ra, quy trình khiếu nại về KQHT còn được phổ biến trong Sổ tay SV, các buổi sinh hoạt lớp và trang web của các đơn vị có liên quan tại trường ĐH GTVT [H5.05.05.05, H5.05.05.06, H5.05.05.07]. Ngoài ra, Nhà trường cũng cung cấp đầy đủ thông tin về quy định về thang điểm đánh giá, quy định về đánh giá kết quả rèn luyện để NH có thể hiểu rõ hơn về quy trình đánh giá trước khi có khiếu nại về KQHT [H5.05.05.03, H5.05.05.04].

Khi có khiếu nại về điểm thi người học được BM trực tiếp giải quyết và công bố ngay cho người học nhằm đảm bảo tính công bằng, công khai và minh bạch. Từ đó, việc khiếu nại về KQHT được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng [H5.05.05.08,

H5.05.05.09]. Trong giai đoạn 2018-2022, Khoa MT&ATGT cũng chưa ghi nhận trường hợp NH khiếu nại về KQHT.

2. Điểm mạnh

SV Khoa MT&ATGT được công bố rõ ràng về quy định, quy trình khiếu nại về KQHT rộng rãi thông qua đa dạng các kênh truyền thông: website của Nhà trường, giới thiệu trực tiếp trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các buổi sinh hoạt lớp.

3. Điểm tồn tại

Quy trình giải quyết khiếu nại vẫn còn nhiều bước và thông qua nhiều bộ phận phụ trách. Có lẽ đây là nguyên nhân khiến quy trình khiếu nại về kết quả KTĐG chưa được SV sử dụng một cách chính thức tại Khoa khi có bản khoản về điểm số.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu và đề xuất với Nhà trường để đơn giản hóa hơn nữa quy trình giải quyết khiếu nại của SV liên quan đến kết quả KTĐG	Khoa MT&ATGT	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Phổ biến rộng rãi hơn nữa về quy trình khiếu nại về KQHT đến NH	Khoa MT&ATGT, Nhà trường	Định kỳ hàng kỳ học	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trong CTĐT ngành CNKTGT tại Khoa MT&ATGT, hoạt động đánh giá KQHT của SV được thiết kế phù hợp nhằm đạt CDR của CTĐT. Việc đánh giá KQHT được xây dựng, thực hiện và cải tiến dựa trên nguyên tắc phù hợp với mục tiêu đạt CDR của từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Các quy định cụ thể về đánh giá KQHT của SV là đầy đủ, rõ ràng và được Khoa MT&ATGT và Nhà trường thông báo công khai tới SV của Khoa thông qua nhiều kênh truyền thông. Phương pháp đánh giá KQHT của SV đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá trong từng

học phần được phản hồi khá kịp thời để SV có thể chủ động điều chỉnh để cải thiện KQHT. Quy trình khiếu nại KQHT và giải quyết khiếu nại cũng được phổ biến đến SV qua nhiều kênh và cho phép SV dễ dàng tiếp cận.

Bên cạnh những điểm mạnh trên đây, điểm tồn tại trong đánh giá KQHT của người học bao gồm: việc xây dựng và rà soát ngân hàng đề thi còn chưa thực sự năng suất và hiệu quả; việc phản hồi về đánh giá KQHT của SV chủ yếu vẫn thực hiện theo các phương thức truyền thống; chưa dễ tiếp cận với SV và các bộ phận chức năng; quy trình giải quyết khiếu nại vẫn còn nhiều bước và thông qua nhiều bộ phận phụ trách.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: 5/5 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV tham gia giảng dạy của chương trình CNKTGT bao gồm GV trong toàn trường, trong đó các GV của Khoa MT&ATGT là cốt lõi. Trong nhiều năm qua, Trường ĐH GTVT, Khoa MT&ATGT rất chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành CNKTGT nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định, dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích nghiên cứu khoa học của các ứng viên. Khoa/Bộ môn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của từng giảng viên. Những thành tích, đóng góp về nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn, các hoạt động đoàn thể luôn được Khoa/Bộ môn quan tâm và đánh giá cao, tạo động lực cho giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội GV, nghiên cứu viên của Trường ĐH GTVT trong trung hạn và dài hạn được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.01.01]; Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H6.06.01.02], cũng như các Quy định tuyển dụng, đào tạo và sử dụng GV của Trường [H6.06.01.12], Kế hoạch đánh giá viên chức hàng năm của Trường [H6.06.01.13]. Công tác phát triển nguồn nhân lực được thực hiện không chỉ về chiều rộng (từ khâu tuyển dụng [H6.06.01.15]; đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.01.14]; sử dụng [H6.06.01.16]; đánh giá [H6.06.01.17], đề bạt [H6.06.01.18] đến giải quyết chế độ chính sách [H6.06.01.19]), mà còn cả chiều sâu như nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực [H6.06.01.04].

Khoa MT&ATGT luôn căn cứ vào quy chế và chiến lược phát triển nói chung [H6.06.01.03] và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nói riêng [H6.06.01.04] của Nhà

trường đề từ đó xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Khoa, đề xuất nhân sự, kế hoạch tuyển dụng hàng năm của Khoa MT&ATGT [H6.06.01.05].

Trong giai đoạn 2018-2022, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho CTĐT, đặc biệt là khi Đề án đào tạo thạc sĩ chuyên ngành KTATGT đã được Nhà trường thông qua [H6.06.01.06], Nhà trường đã tiến hành tuyển dụng 01 TS, bổ sung nhân sự cho đào tạo thạc sĩ chuyên ngành KTATGT [H6.06.01.07].

Bảng 6.1.1. Thống kê số lượng GV của Khoa MT&ATGT tính đến 12/2022

Trình độ/học vị	Số lượng	FTEs	Giới tính		Phần trăm có bằng TS (%)
			Nam	Nữ	
Giáo sư	0	0	0	0	0
Phó giáo sư	1	1,6	1	0	100
Tiến sĩ/TSKH	6	9,6	3	3	100
Thạc sĩ	11	17,6	6	5	0
Tổng cộng	18	28,8	10	8	-

Tổng số giờ giảng trung bình/01 GV là 399 tiết; giờ chuẩn 250 tiết/01 GV; FTE/01GV là 1,6.

Nhà Trường có các quy trình, tiêu chí rõ ràng về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm với VC quản lý, nghỉ không hưởng lương [H6.06.01.08, H6.06.01.09]. Việc quan tâm, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với GV, nghiên cứu viên thường xuyên được thực hiện [H6.06.01.10].

Hàng năm, công tác nhân sự được Khoa định kỳ tổng kết báo cáo thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm vụ năm học tại Hội nghị CBVC [H6.06.01.11].

2. Điểm mạnh

Việc quan tâm phát triển đội ngũ GV của Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có tính kế thừa về thế hệ, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Nhà trường và Khoa có kế hoạch bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, GV nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Nhu cầu về các hoạt động PVCĐ chưa rõ và cụ thể, dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người	Thời gian thực hiện/	Ghi chú
----	----------	----------	--------------	----------------------	---------

			thực hiện	hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng những tiêu chí rõ ràng hơn về hoạt động PVCĐ trong các kế hoạch quy hoạch/phát triển đội ngũ GV	Khoa MT&ATGT, Nhà trường	Hàng năm, từ 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo điều kiện thuận lợi, tiếp tục nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Khoa	Khoa MT&ATGT, Nhà trường	Hàng năm, từ 2023	

5. *Tự đánh giá*: Đạt (Mức 6/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Các CTĐT trong Nhà trường nói chung, và CTĐT ngành CNKTGT nói riêng luôn bám sát đo lường tỷ lệ GV/NH theo Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.08]. Theo đó, Khoa MT&ATGT hiện có 18 GV với tỷ lệ TS chiếm 41,17%, trong đó có 1 PGS chiếm 5,88%; chia làm 02 bộ môn với 02 ngành đào tạo. Bộ môn KTATGT phụ trách đào tạo chính chuyên ngành CNKTGT với 8 GV, trong đó có 1 PGS, 2 TS và 5 Ths [H6.06.02.01, H6.06.02.03].

Bảng 6.2.1. Thống kê số lượng GV, NH của Bộ môn KTATGT tính đến năm 12/2022

Số lượng GV	Số lượng người học	Tỷ lệ GV/NH
8	157	1/19,6

Các định mức đo lường khối lượng công việc được xác định rõ ràng và cụ thể cho từng chức danh theo quy chế làm việc của Nhà trường theo ba nhiệm vụ: Giảng dạy, NCKH, và học tập, tự bồi dưỡng, các nhiệm vụ khác [H6.06.02.02].

Bảng 6.2.2. Khối lượng công việc của GV

STT	Chức danh GV	Giờ làm việc định mức		
		Giảng dạy	NCKH	Hoạt động khác
1	Phó GS	600	925	225-285
2	Tiến sĩ	600	925	225-285
3	Thạc sĩ	600	925	225-285

Quy chế chi tiêu nội bộ các năm đều có quy định cụ thể về định mức giờ giảng chuẩn, giờ coi thi đối với giảng viên. Quy định cụ thể về tổng số giờ theo đó quy định một giảng viên một năm là 250 giờ/năm (giờ lên lớp trên 50%) tuy nhiên Quy chế này chưa quy định cụ thể từng hạng, chức danh GS, PGS, TS, ThS đều 250 giờ/năm [H6.06.02.09].

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa [H6.06.02.04, H6.06.02.05]. Phòng TCCB là đầu mối giám sát khối lượng thực hiện công việc của các đơn vị [H6.06.01.10]. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân TĐG khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.06, H6.06.02.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định cụ thể, chi tiết về việc quy đổi khối lượng công việc của GV, nghiên cứu viên làm cơ sở để đo lường, giám sát chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ GV/SV vẫn còn khá thấp. Đội ngũ GV trong Bộ môn KTATGT có học vị cao chưa nhiều nên cần nhiều thời gian đào tạo, bồi dưỡng. Nhà trường chưa có quy định cụ thể về hoạt động PVCD của đội ngũ GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong năm học 2022-2023, Khoa đề xuất Nhà trường kế hoạch tuyển dụng thêm GV cơ hữu có trình độ TS. Nhà trường ban hành quy định chính thức về PVCD của đội ngũ GV nói	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT, Phòng TCCB	Từ năm học 2022-2023	

		chung và GV ngành CNKTGT nói riêng			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục căn cứ vào các quy định của Nhà trường về khối lượng công việc của GV để giám sát chất lượng đào tạo, NCKH	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng kỳ	

5. *Tự đánh giá:* Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT đã xây dựng, ban hành công khai quy chế tổ chức hoạt động [H6.06.03.01], đề án vị trí việc làm [H6.06.03.02], quy định về công tác tuyển dụng [H6.06.03.03]. Các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định, phổ biến công khai [H6.06.03.07, H6.06.03.08]. Theo 10 bước của quy trình thực hiện trong Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường, các tiêu chí về khung năng lực vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp ứng với vị trí việc làm cũng như bản mô tả công việc và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi vị trí việc làm đều được xác định và được phổ biến công khai [H6.06.03.11]. Quá trình xét tuyển viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của Luật viên chức và các quy định khác về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước và Nhà trường [H6.06.03.04]. Để bổ sung nguồn nhân lực giảng dạy, Nhà trường và Khoa tiến hành tiếp nhận các GV đủ điều kiện đáp ứng được các tiêu chí, yêu cầu của Nhà trường và Khoa [H6.06.03.05]. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng dựa theo nhu cầu thực tế của các đơn vị thông qua việc đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng. Đối với khối giảng dạy, Trường bộ môn căn cứ khối lượng đào tạo được giao, thực trạng đội ngũ giảng viên hiện có để đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng; đối với khối hành chính, Trường đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, theo khả năng đáp ứng của đơn vị, viết đề xuất tuyển dụng và gửi về phòng Tổ chức cán bộ. Kế hoạch tuyển dụng này đều được thông báo công khai đến toàn thể CBVC thông qua Hệ thống văn phòng điện tử và website của Trường [H6.06.03.09].

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm VC quản lý được tiến hành công khai trên Hệ thống đại học thông minh Usmart [H6.06.03.08], minh bạch, theo đúng quy chế của trường, với nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ VC, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị [H6.06.03.06]. Ngoài ra, Trường còn gửi đăng thông tin tuyển dụng công khai trên báo và gửi văn bản đến các cơ sở giáo dục đại học khác để có thể thu nhận được nhiều hồ sơ ứng viên có chất lượng [H6.06.03.10]. Cán bộ, viên chức, ứng viên nắm bắt được thông tin nhanh và chính xác đã tạo thuận lợi cho Trường tổ chức các nội dung theo quy trình tuyển dụng nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định, tạo được sự hài lòng của các bên có liên quan.

2. Điểm mạnh

Việc xét tuyển viên chức hàng năm được Nhà Trường tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của Luật viên chức và các quy định khác về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước, cũng như các quy định cụ thể của Nhà trường.

Việc bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường. Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện thường xuyên theo đúng định kỳ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, nhưng số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa MT&ATGT đề xuất với Phòng TCCB đưa ra một số giải pháp thu hút nguồn nhân lực trình độ cao cho CTĐT. Năm học 2022-2023 Khoa đề xuất tuyển dụng 01	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Năm học 2022-2023	

		TS bổ sung cho CTĐT ngành CNKTGT			
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Từ năm 2015, Trường đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm; thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường bao gồm Ban Giám hiệu, Chủ tịch công đoàn trường, Trưởng phòng TCCB và Trưởng một số đơn vị trực thuộc. Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, từng vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý và điều hành được xác định cụ thể. Ngoài ra, vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp như giảng viên, giảng viên hướng dẫn thực hành, thí nghiệm và vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ tại các phòng, ban chức năng trong toàn trường cũng được xác định rõ ràng [H6.06.04.08]. Đề án vị trí việc làm được xem như là nền tảng vững chắc để xây dựng và triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng và giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức; cũng như công tác quy hoạch, lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp trong Trường [H6.06.04.09].

Sau khi được tuyển dụng, nhà trường cũng quy định cụ thể tiêu chuẩn năng lực GV cần đạt để được chuyển hợp đồng làm việc 24 tháng, 36 tháng, hoặc hợp đồng làm việc không xác định thời hạn [H6.06.04.01]. Các tiêu chuẩn đánh giá năng lực GV được quy định rõ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và các chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ sư phạm. Phần lớn các GV CTĐT ngành CNKTGT khi tuyển dụng đã đáp ứng đủ các yêu cầu về chứng chỉ tin học và ngoại ngữ theo quy định [H6.06.04.02].

Qua mỗi năm học, Nhà trường có các quy định cụ thể về đánh giá, xếp loại lao động cán bộ hàng năm với các mức chưa hoàn thành, hoàn thành, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H6.06.04.03, H6.06.04.06]. Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác luôn được ghi nhận bằng những

đanh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng [H6.06.04.04]. Theo đó, từ năm 2018 đến năm 2022, 100% GV của Khoa đạt danh hiệu lao động tiên tiến, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được đề nghị danh hiệu CSTĐCS, CSTĐ cấp Bộ [H6.06.04.07].

Kết quả đánh giá phân loại đều được thông báo công khai cho các GV. Nhà trường cũng có các phòng ban chức năng để quản lý, đánh giá GV qua các tiêu chí khi làm việc [H6.06.04.05].

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV của Nhà trường nói chung và của GV giảng dạy CTĐT ngành CNKTGT nói riêng được xác định rõ ràng và được đánh giá bởi chính cá nhân giảng viên cũng như đánh giá từ phía Nhà trường, Khoa, SV theo đúng quy định.

3. Điểm tồn tại

Trình độ tiếng Anh của đội ngũ GV còn chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tiếp tục mở các lớp, khoá đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ GV, đặc biệt là năng lực về ngoại ngữ.	Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng kỳ Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục việc khảo sát đánh giá năng lực của GV toàn trường nói chung và Khoa nói riêng	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường được xác định trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 [H6.06.05.03], quy định về tuyển dụng và kí kết hợp đồng [H6.06.05.01]; đề án vị trí việc làm [H6.06.05.02]. Đến năm 2023, 15% giảng viên có học hàm GS-PGS, hơn 50% giảng viên có bằng tiến sĩ; trên 90% cán bộ giảng viên, trên 60% cán bộ chuyên viên sử dụng tốt một ngoại ngữ (tối thiểu đạt trình độ B2 chuẩn khung năng lực châu Âu hoặc tương đương) và thành thạo tin học trong công việc [H6.06.05.06].

Nhà trường có quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ [H6.06.05.04], cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như hỗ trợ kinh phí đào tạo, thưởng khi hoàn thành sớm/đúng hạn CTĐT [H6.06.05.05].

Hàng năm, Trường triển khai Kế hoạch đánh giá, phân loại viên chức, người lao động [H6.06.04.07] từ các đơn vị đến cấp Trường. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại và kiến nghị của Hội đồng, Trường xây dựng lộ trình cần đạt được các tiêu chuẩn năng lực theo quy định và thông báo đến các đơn vị, cá nhân biết để thực hiện [H6.06.04.08].

Phòng TCCB làm đầu mối triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức, từ xây dựng các văn bản hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đăng ký, hỗ trợ thủ tục, quản lý đến triển khai thực hiện.

Công tác xét cử giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện hàng năm theo nhu cầu của đơn vị, phù hợp với năng lực cá nhân, khả năng và cơ hội học bổng. Các giảng viên của Trường được cử đi đào tạo sau đại học ở trong nước và nước ngoài thông qua các chương trình học bổng 322, 911, 165 và các học bổng khác [H6.06.04.09].

Về phía Khoa, đội ngũ GV giảng dạy cho CTĐT ngành CNKTGT cũng luôn được đáp ứng về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn. Khoa MT&ATGT luôn bám sát về tình hình làm việc, khả năng chuyên môn của đội ngũ GV để kịp thời thu thập ý kiến phản hồi của GV, tìm ra những điểm thiếu hụt và nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn của GV, từ đó dựa trên các quy định của Nhà trường để đề xuất với Nhà trường tổ chức các khóa học đáp ứng nhu cầu đó, hoặc thông báo gửi GV đi đào tạo, tham gia ở các tổ chức đào tạo khác [H6.06.05.09].

2. Điểm mạnh

Nội dung nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú. GV luôn tích cực tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và nhận được cơ chế hỗ trợ từ phía Nhà trường như hỗ trợ kinh phí đào tạo, thường khi hoàn thành sớm/đúng hạn CTĐT,...

3. Điểm tồn tại

GV vẫn phải đảm bảo tải trọng công việc hàng ngày lớn nên gặp khó khăn khi tham gia các hoạt động đào tạo, tu nghiệp, các khóa học, chuỗi hội thảo trong nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát nhằm xác định nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV từ đó xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai các hoạt động đào tạo, lấy ý kiến đánh giá của GV sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Động viên các GV Khoa và ngành CNKTGT duy trì việc học tập và nghiên cứu, nâng cao trình độ	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7).

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV được triển khai hoàn toàn trên Văn phòng điện tử và Hệ thống trường đại học thông minh Usmart [**H6.06.06.07**]. Trường có hệ thống quản lý việc thực hiện chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng CBVC được phân thành 3 cấp (bộ môn, khoa và Trường). Công tác đánh giá

và kế hoạch bồi dưỡng CBVC được giao cho phòng Tổ chức cán bộ làm đầu mối thực hiện [H6.06.06.08]. GV phải thực hiện các nhiệm vụ bao gồm: giảng dạy, NCKH, và tự học tập, bồi dưỡng, nhiệm vụ khác [H6.06.06.01]. Trường ĐH GTVT có quy định về khối lượng công việc tương ứng từng chức danh công việc [H6.06.06.02]. Hệ thống văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện chế độ khen thưởng, ghi nhận gồm Quy chế thi đua khen thưởng [H6.06.05.03], Quy chế nâng lương trước thời hạn [H6.06.05.04], Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.05] đều được công bố công khai trên hệ thống Văn phòng điện tử, Usmart.

Việc đánh giá kết quả công việc của GV của CTĐT ngành CNKTGT được thực hiện một cách có hệ thống theo quy định. GV đã hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH, các công việc được giao khác tại đơn vị có thể nhận được danh hiệu xứng đáng như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Giấy khen Hiệu trưởng [H6.06.06.03] và được nâng lương trước thời hạn [H6.06.06.04]. Kết quả đánh giá cán bộ, GV hàng năm cho thấy 100% GV của Khoa luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao. 100% GV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó, có nhiều GV đạt Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở, Giấy khen của Hiệu trưởng, Giấy khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục [H6.06.06.09]. Bên cạnh đó, để khuyến khích GV tích cực NCKH, Nhà trường có cơ chế thưởng trực tiếp cho các GV có nhiều bài báo đăng trong nước và đăng quốc tế [H6.06.06.06].

Các GV hài lòng về kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng hằng năm. Đến nay không có khiếu nại nào được ghi nhận tại Khoa.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, có chính sách phù hợp để tạo động lực và hỗ trợ cho GV hoàn thành tốt công việc được giao. Phần lớn GV của Khoa MT&ATGT đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy).

3. Điểm tồn tại

Trong 5 năm vừa qua, các GV khoa MT&ATGT mới chỉ tham gia các đề tài nghiên cứu cấp trường, cấp Bộ, chưa có GV thực hiện đề tài cấp Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn	Thời gian	Ghi
----	----------	----------	-----	-----------	-----

			vị/người thực hiện	thực hiện/hoàn thành	chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ xây dựng biện pháp khuyến khích, động viên, khen thưởng phù hợp đối với các cán bộ GV của Khoa đạt thành tích xuất sắc trong các nhiệm vụ được giao.	Khoa MT&AT GT	Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hoạt động NCKH của GV Khoa	Khoa MT&AT GT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường đã có quy định cụ thể đối với các hoạt động NCKH của GV, bao gồm số giờ định mức NCKH theo từng chức danh giảng dạy, định mức quy đổi thời gian với các hình thức công trình NCKH [H6.06.07.05, H6.06.07.06]. Quy trình xây dựng kế hoạch KHCN hàng năm của trường như sau: Căn cứ vào văn bản hướng dẫn tổng kết tình hình thực hiện hoạt động NCKH, UD, PT & CGCN và xây dựng kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN cho năm tiếp theo của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã chủ động gửi thông báo về việc tổng kết các hoạt động của năm trước, xây dựng kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN của năm tiếp theo tới các khoa, các đơn vị trực thuộc để các đơn vị chủ động triển khai công việc nêu trên ở đơn vị mình, sau đó tổng hợp gửi lên Trường [H6.06.07.07]. Phòng KHCN tổng hợp thành kế hoạch NCKH, UD, PT & CGCN của toàn trường trình Hiệu trưởng phê duyệt và báo cáo trình Bộ GD&ĐT [H6.06.07.08]. Các văn bản thông báo hướng dẫn, đăng ký, kế hoạch NCKH hàng năm đều được quản lý, giám sát và công bố công khai trên Hệ thống trường đại học thông minh Usmart [H6.06.07.09].

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống các văn bản quản lý các hoạt động KHCN trong trường bao gồm: Quy chế quản lý chung [H6.06.07.10], Quy chế chi tiêu nội bộ

[H6.06.07.11], Quy định tính giờ NCKH quy đổi [H6.06.07.12] và các văn bản quản lý các hoạt động riêng như: đề tài cấp Trường [H6.06.07.13], NCKH của sinh viên [H6.06.07.14], tổ chức hội nghị hội thảo khoa học [H6.06.07.15], quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ [H6.06.07.16] và triển khai thực hiện theo các kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn.

Từ những chính sách hỗ trợ, đánh giá và khen thưởng công khai của Nhà trường, cùng với việc tạo điều kiện đào tạo và phát triển chuyên môn của Khoa, những năm gần đây các GV Khoa MT&ATGT đã rất nỗ lực trong công tác NCKH [H6.06.07.01]. Đa số các GV trong Khoa MT&ATGT đạt và vượt định mức số giờ NCKH hàng năm do Nhà trường đề ra [H6.06.07.02].

Bảng 6.7.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của các GV Khoa MT&ATGT 2017-2022

Năm học	Đề tài NCKH cấp trường	Đề tài NCKH cấp trường trọng điểm	Đề tài NCKH cấp Bộ	Đề tài NCKH khác
2017-2018	3	0	1	0
2018-2019	2	2	1	0
2019-2020	3	0	0	0
2020-2021	2	0	0	0
2021-2022	3	1	0	0

Bảng 6.7.2. Số lượng bài báo khoa học Khoa MT&ATGT 2017-2022

Năm học	Bài báo SCI	Báo Scopus	Báo KH uy tín khác
2017-2018	1	0	5
2018-2019	2	2	4
2019-2020	2	0	0
2020-2021	3	0	2
2021-2022	4	0	0

Đặc biệt, năm học 2020-2021, Khoa đã cử giảng viên viết bài cho Tạp chí Quốc hội phục vụ cho kỳ họp Quốc hội tháng 10/2020 [H6.06.07.03] và trình bày tham luận tư vấn cho đại biểu Quốc hội về giải pháp ô nhiễm môi trường do các phương tiện giao thông vận tải gây ra [H6.06.07.04].

2. Điểm mạnh

Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng GV được thống kê và xác định rõ ràng để làm cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn. Đa số các GV của Khoa vượt định mức số giờ NCKH hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Ti lệ tham gia đề tài cấp cơ sở, cấp nhà nước, các công trình NCKH nước ngoài và các công bố quốc tế của GV còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích GV đề xuất các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hoạt động NCKH theo kế hoạch của Khoa và Nhà trường	Các GV Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Việc quan tâm phát triển đội ngũ GV của Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có tính kế thừa về thế hệ, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Khoa có đội ngũ GV cơ hữu và viên chức mạnh về năng lực và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, đội ngũ GV trẻ của Khoa có học vị cao chưa nhiều nên cần nhiều thời gian đào tạo, bồi dưỡng.

Đội ngũ GV của Khoa MT&ATGT hiện nay về cơ bản đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng mà Khoa, Nhà trường giao. Tuy nhiên, tỷ lệ GV/SV vẫn còn khá thấp so với đặc thù giảng dạy.

GV được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của nhà trường đã được công bố công khai. Đồng thời, Nhà trường cũng có quy trình, tiêu

chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, có chính sách phù hợp để tạo động lực và hỗ trợ cho GV hoàn thành tốt công việc được giao. Phần lớn GV của Khoa MT&ATGT đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy).

Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng GV được thống kê và xác định rõ ràng để làm cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn. Đa số các GV của Khoa vượt định mức số giờ NCKH hàng năm. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ, xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo.

Trong thời gian tới Khoa MT&ATGT sẽ tiếp tục thực hiện kế hoạch tuyển dụng để củng cố và bổ sung đội ngũ GV giảng dạy cho CTĐT.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: 7/7 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhà trường có kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên chung làm việc tại thư viện và các phòng ban khác (Phòng ĐTDH, Phòng KT&ĐB CLĐT, Văn phòng HTSV, Phòng CTCT&SV...) có chức năng hỗ trợ CTĐT ngành CNKTGT. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, có bộ tiêu chí. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành quản trị theo kết quả công việc của nhân viên nhằm tạo động lực làm việc, đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, và các dịch vụ hỗ trợ khác) đã được thực hiện theo định hướng, yêu cầu chung của Nhà trường, trên cơ sở các phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.01, H7.07.01.02, H7.07.01.03]. Nhà trường không có đội ngũ riêng phục vụ cho từng CTĐT mà chỉ có các phòng, ban chuyên môn phục vụ chung tất cả các CTĐT [H7.07.01.04], trong đó có CTĐT ngành CNKTGT.

Ngoài các phòng ban chức năng trong Nhà trường, đội ngũ viên chức hỗ trợ CTĐT ngành CNKTGT bao gồm viên chức giáo vụ Khoa và đội ngũ cố vấn học tập. [H7.07.01.05, H7.07.01.06].

Bảng 7.1.1. Số lượng và trình độ đội ngũ Giáo vụ Khoa, cố vấn học tập CTĐT ngành CNKTGT

Đội ngũ VC hỗ trợ CTĐT ngành CNKTGT	Giáo vụ Khoa	Cố vấn học tập
Tiến sĩ	0	3
Thạc sĩ	1	5
Tổng	1	8

Nhà trường hiện đã có quy trình chung quy hoạch đội ngũ nhân viên. Hàng năm, dựa trên Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H7.07.01.01] và Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ĐH GTVT giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H7.07.01.02], Nhà trường sẽ tiến hành phân tích thực trạng, nhu cầu nhân lực mỗi đơn vị, bao gồm nhân lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành CNKTGT. Từ đó, Nhà trường đã xây dựng phương án quy hoạch bao gồm việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị hỗ trợ [H7.07.01.07], và ban hành Quy định về chế độ làm việc của công chức, viên chức Trường ĐH GTVT [H7.07.01.08] và Quy định về tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc đối với viên chức [H7.07.01.09, H7.07.01.10].

Nhà trường cũng đã xây dựng và áp dụng chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và của CTĐT ngành CNKTGT nói riêng [H7.07.01.11, H7.07.01.12].

Ngoài ra, Phòng CTCT&SV đã phân công 01 Phó Trưởng phòng và thành lập Văn phòng hỗ trợ sinh viên để phục vụ cho việc kịp thời hỗ trợ sinh viên trong việc giải đáp các thắc mắc của sinh viên trong quá trình học tập tại trường [H7.07.01.13, H7.07.01.14].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến các BLQ (GV, SV, cựu SV) về hoạt động của đội ngũ nhân viên. Theo đó, tỷ lệ BLQ hài lòng về mức độ phục vụ của đội ngũ nhân viên luôn ở mức cao [H7.07.01.15].

Việc quy hoạch phát triển đội ngũ VC hỗ trợ của CTĐT ngành CNKTGT đã đạt tiêu chí về thực hiện đáp ứng đúng nhu cầu về đào tạo và NCKH, PVCD [H7.07.01.16].

2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch đã được thực hiện đồng bộ, có quy trình và công khai. Đội ngũ cán bộ làm việc tại thư viện và các phòng ban liên quan được quy hoạch rõ ràng, số lượng đầy đủ và chất lượng đáp ứng được yêu cầu chung của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Không.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường, Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị chuyên môn tiếp tục thực hiện công tác tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ theo đúng quy định.	Khoa MT&ATGT, Phòng TCCB, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh				

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Về quy trình tuyển dụng đầu vào, căn cứ theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH GTVT [H7.07.02.01], Đề án vị trí việc làm [H7.07.02.02], Kế hoạch xác định Vị trí việc làm và số lượng người làm việc tại các đơn vị khối Hành chính [H7.07.02.03], Quy định về tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc đối với VC [H7.07.02.04], từ năm 2015, Trường đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm; thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường bao gồm Ban Giám hiệu, Chủ tịch công đoàn trường, Trưởng phòng TCCB và Trưởng một số đơn vị trực thuộc. Hàng năm Nhà trường đều thông báo về kế hoạch tuyển dụng VC kèm các yêu cầu, tiêu chí tuyển dụng công bố rộng rãi, công khai trên website của Nhà trường [H7.07.02.05, H7.07.02.06]. Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, từng vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp như giảng viên, giảng viên hướng dẫn thực hành, thí nghiệm và vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ tại các phòng, ban chức năng trong toàn trường cũng được xác định rõ ràng [H7.07.02.10]. Đề án vị trí việc làm được xem như là nền tảng vững chắc để xây dựng và triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng và giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức; cũng như công tác quy hoạch, lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp trong Trường [H7.07.02.11].

Ngoài đáp ứng các tiêu chuẩn tuyển dụng đầu vào theo quy định của Luật VC và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng

quản lý VC, các VC hỗ trợ của CTĐT ngành CNKTGT cần đáp ứng các kỹ năng nghề nghiệp để có thể hỗ trợ hiệu quả GV và SV của chuyên ngành đào tạo CNKTGT bao gồm trình độ chuyên môn bậc ThS, các năng lực giao tiếp, hành chính, tổ chức và lập kế hoạch, phân tích tổng hợp, v.v., và các kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp [H7.07.02.06].

Hiện nay, đội ngũ VC hỗ trợ CTĐT ngành CNKTGT của Trường ĐH GTVT gồm có 198 VC với trình độ đào tạo từ bậc đại học trở lên; số lượng các phòng ban hỗ trợ CTĐT ngành CNKTGT là 21 [H7.07.02.07]. Mọi công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển, kéo dài thời gian làm việc của các VC trong cả Nhà trường đều tuân theo đúng quy trình [H7.07.02.08, H7.07.02.09].

2. Điểm mạnh

Các thông tin về tuyển dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, nâng bậc, chuyển ngạch của ĐH GTVT đều được công khai trên Website của Nhà trường và hệ thống thông tin nội bộ Usmart.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường còn khá chung chung cho tất cả các phòng, ban, chưa có các tiêu chí cụ thể ứng với từng chuyên môn nhất định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Các khoa, bao gồm cả khoa MT&ATGT, cần xác định rõ các tiêu chí đặc thù dựa trên tính chất của công việc cần tuyển dụng, có tính đến việc phục vụ ngành ĐT để đề xuất với Nhà trường khi tuyển dụng.	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc phổ biến các thông tin trên các phương tiện của Nhà trường	Trường ĐH GTVT	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Căn cứ vào Luật viên chức, Nghị định 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, Nhà trường đã đề ra các tiêu chí và có quy trình, công cụ và cách thức đánh giá về năng lực chuyên môn và kỹ năng của các ứng viên khi tuyển dụng các ứng viên cho vị trí viên chức hỗ trợ CTĐT [**H7.07.03.01, H7.07.03.02, H7.07.03.03**]. Năng lực và kỹ năng của cán bộ hỗ trợ được xác định trong bản Mô tả công việc của vị trí việc làm của các đơn vị trong toàn trường [**H7.07.03.03**]. Theo đó, VC hỗ trợ CTĐT ngành CNKTGT có trình độ đào tạo Thạc sĩ, chuyên viên chính [**H7.07.03.09**].

Công tác đánh giá năng lực của viên chức hỗ trợ CTĐT được thực hiện công khai, minh bạch, theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP về đánh giá, phân loại viên chức công chức viên chức. Dựa trên quy định này, Nhà trường đã ban hành quy định và quy trình đánh giá cán bộ trong nhà trường [**H7.07.03.04, H7.07.03.05**].

Việc đánh giá, phân loại viên chức trong Nhà trường được thực hiện theo từng năm học kèm thông báo về trình tự, thủ tục và tiêu chí đánh giá cụ thể [**H7.07.03.10, H7.07.03.06, H7.07.03.07**]. Đối với khối hành chính thì việc đánh giá thực hiện tại đơn vị và cấp Trường. Các tiêu chí đánh giá viên chức theo quy định của Đảng, Nhà nước, được thông báo công khai và quá trình đánh giá có sự tham gia của tất cả các viên chức, lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo Trường. Cán bộ hỗ trợ sẽ được đánh giá theo 4 mức độ: Không hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đối với 01 VC hỗ trợ thuộc Khoa MT&ATGT, kết quả thống kê 05 năm trở lại đây cho thấy VC đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và đáp ứng các yêu cầu công việc [**H7.07.03.08**].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ VC hỗ trợ CTĐT đã được xác định, đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và quy trình rõ ràng, đầy đủ từ cấp cơ sở tới cấp Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá năng lực cán bộ hỗ trợ vẫn chỉ dựa trên cách thức truyền thống, theo các khảo sát hàng năm từ các BLQ, chưa có cách đánh giá mang tính thúc đẩy năng suất và sáng tạo gắn liền với việc phục vụ CTĐT ngành CNKTGT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường, Khoa MT&ATGT, cũng như các đơn vị liên quan cần có các phương pháp đánh giá cán bộ hỗ trợ dựa trên không chỉ kết quả làm việc mà còn cả chất lượng, hiệu quả, hiệu suất công việc, năng lực sáng tạo và khả năng làm việc độc lập.	Khoa MT&ATGT, Phòng KT&ĐB CLĐT, ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì đánh giá năng lực CB hỗ trợ	ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Trên cơ sở Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030 và Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 [H7.07.04.01, H7.07.04.10], Ban Giám hiệu và lãnh đạo của các đơn vị trực thuộc luôn quan tâm và có trách nhiệm để phát triển năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trong đó có đội ngũ hỗ trợ CTĐT ngành CNKTGT. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động ĐH GTVT [H7.07.04.02], và triển khai các kế hoạch hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức, VC [H7.07.04.03, H7.07.04.04]. Kết quả thực hiện hàng năm các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng VC được thống kê rõ trong các báo cáo hàng năm của Nhà trường gửi Bộ GDĐT [H7.07.04.05].

Việc lên kế hoạch và tổ chức thực hiện các kế hoạch, CTĐT, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện theo quy trình cụ thể [H7.07.04.06]. Từ tháng 7/2021, Nhà trường chính thức sử dụng hệ thống Usmart để triển khai số hóa văn bản, vì vậy các thông báo, kế hoạch tổ chức lớp học, khóa học bồi dưỡng, tập huấn được niêm yết công khai trên hệ thống Usmart [H7.07.04.08].

Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức các chương trình, khóa học, lớp bồi dưỡng ngắn hạn phục vụ VC, cán bộ hành chính trong trường nói chung, trong đó có các VC hỗ trợ của CTĐT ngành CNKTGT, tạo điều kiện cho khối nhân viên hỗ trợ nâng cao hiểu biết và hoàn thiện tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp [H7.07.04.07, H7.07.04.09].

2. Điểm mạnh

Trường chú trọng công tác xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT. Các khóa đào tạo và phát triển đội ngũ đều được triển khai theo kế hoạch phát triển đội ngũ với sự hỗ trợ tài chính tối đa từ Trường.

3. Điểm tồn tại

Các kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng của Nhà trường chủ yếu tập trung vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước, chưa có mảng đào tạo bồi dưỡng liên quan đến các kỹ năng chuyên môn của từng bộ phận. Nhà trường chưa có các khảo sát chính thức từ phía cán bộ hỗ trợ về nhu cầu đào tạo của bản thân.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần có kế hoạch đào tạo liên quan tới đến kỹ năng chuyên môn của từng bộ phận và tiến hành khảo sát chính thức nhu cầu đào tạo từ phía cán bộ, SV và GV làm cơ sở thiết kế khóa đào tạo phù hợp với nhu cầu.	Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Các chương trình bồi dưỡng CBSNCV thường xuyên được duy trì và nâng cấp	Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	
---	--------------------	---	----------------	------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao cho các đơn vị chức năng, Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận [**H7.07.05.01, H7.07.05.02, H7.07.05.03**].

Mỗi năm học, Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công [**H7.07.05.01, H7.07.05.04, H7.07.05.05, H7.07.05.06, H7.07.05.07**].

Tất cả các VC có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ [**H7.07.05.01**]. Cuối năm, các thành viên trong đơn vị sẽ tiến hành họp và bình xét danh hiệu thi đua cho VC trong đơn vị và trình Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường xem xét [**H7.07.05.04, H7.07.05.05**]. Các kết quả khảo sát về chất lượng phục vụ của các nhân viên hỗ trợ từ SV và GV cũng là cơ sở cho việc đánh giá và phân loại VC hành chính theo quy định của Nhà trường về khen thưởng và kỷ luật [**H7.07.05.08**].

Riêng với thư ký Khoa MT&ATGT, Khoa đã áp dụng các chính sách đánh giá, khen thưởng theo đúng quy định của Nhà trường thông qua hình thức chấm công, đánh giá phân loại VC và thực hiện công tác thi đua khen thưởng hàng năm, tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ cải thiện chuyên môn và năng lực của họ. Đồng thời, Công đoàn Khoa MT&ATGT cũng luôn có sự ghi nhận, đánh giá và động viên những nỗ lực của VC hỗ trợ CTĐT tại Khoa MT&ATGT trên phương diện công đoàn viên [**H7.07.05.09**].

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện minh bạch, kịp thời, từ đó kết quả công việc của VC hỗ trợ được đánh giá cao.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá, thi đua khen thưởng mới chỉ dựa chủ yếu trên kết quả công việc đã hoàn thành hay chưa chứ chưa đa dạng phương pháp đánh giá. ~~được các khía cạnh khác của công việc.~~

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường phối hợp với các Khoa chuyên môn, trong đó có Khoa MT&ATGT, để xây dựng các tiêu chí đánh giá dựa trên hiệu quả công việc gắn với từng vị trí việc làm cụ thể của cán bộ, nhân viên hỗ trợ cho CTĐT.	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì công tác thi đua khen thưởng hiện có	Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành CNKTGT được quy hoạch rõ ràng, số lượng đầy đủ và chất lượng đáp ứng được yêu cầu công việc chung của Nhà trường. Nhà trường cũng có các kế hoạch cử đi học tập, tập huấn được công khai để bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ và nhiều cán bộ, nhân viên được thụ hưởng. Năng lực của đội ngũ VC hỗ trợ CTĐT đã được xác định, đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và quy trình rõ ràng, đầy đủ từ cấp đơn vị tới cấp Trường. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, v.v... của đội ngũ nhân viên đều đã được xác định rõ, thực hiện đồng bộ, có quy trình và công khai trên website Nhà trường và hệ thống thông tin nội bộ Usmart. Nhà trường có quy chế và quy định để áp dụng công tác quản trị theo kết quả công việc

của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận). Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện minh bạch, kịp thời, từ đó kết quả công việc của VC hỗ trợ được đánh giá cao.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như việc đánh giá, thi đua khen thưởng mới chỉ dựa chủ yếu trên kết quả công việc đã hoàn thành hay chưa chứ chưa đánh giá được các khía cạnh khác của công việc. Việc đánh giá chỉ dựa trên các tiêu chí chung nêu trong các văn bản pháp quy nên chưa đánh giá toàn diện được về hiệu quả, hiệu suất làm việc, chất lượng công việc, mức độ hoàn thành so với thời hạn, năng lực sáng tạo, làm việc độc lập không cần hỗ trợ, ... và các tiêu chí khác căn cứ theo vị trí việc làm cụ thể. Một số lớp bồi dưỡng của các nhân viên hỗ trợ tại các Khoa chuyên môn chủ yếu dựa trên khảo sát nhu cầu của nhân viên có thể chưa phản ánh đúng sự cần thiết của việc đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7: 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong nhiều năm qua, Trường ĐH GTVT luôn chú trọng các hoạt động hỗ trợ SV từ khâu xây dựng chính sách tuyển sinh đến việc đảm bảo sự tiến bộ trong kết quả rèn luyện và học tập của SV thông qua hệ thống giám sát ở cả cấp Trường và cấp Khoa. Bên cạnh đó, SV CTĐT ngành CNKTGT luôn được khuyến khích, tạo điều kiện lựa chọn tham gia các hoạt động xã hội và các hoạt động nhằm nâng cao năng lực bản thân. CSVC của nhà trường ngày càng khang trang, hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu học tập và sinh hoạt ngoại khóa này. Nhà trường cũng thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV CTĐT ngành CNKTGT về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan để từ đó có thể hỗ trợ SV tốt hơn trong hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của chuyên ngành CNKTGT nói riêng được xác định rõ ràng, đầy đủ chi tiết và được cập nhật hàng năm [**H8.08.01.01, H8.08.01.02, H8.08.01.03, H8.08.01.04**].

Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh được công bố công khai tại cổng thông tin tuyển sinh quốc gia, trên website của nhà trường, các kênh mạng xã hội do Nhà trường, Phòng ĐTĐH và Khoa phụ trách, trên nhiều phương tiện truyền thông báo đài. Bên cạnh đó, các thông tin tuyển sinh được truyền tải một cách dễ hiểu trong các ấn phẩm tuyển sinh như tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh, các chương trình tư vấn trực tuyến do Nhà trường và các đơn vị chức năng tổ chức, ngày hội tuyển sinh [**H8.08.01.05, H8.08.01.06, H8.08.01.07, H8.08.01.08**].

Chính sách tuyển sinh được xây dựng căn cứ trên Luật Giáo dục đại học 2012 và sửa đổi 2018, Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của GDĐT, cụ thể thông tư 03/2015/TT-BGDĐT, 03/2016/TT-BGDĐT, 05/2017/TT-BGDĐT, 07/2018/TT-BGDĐT, 02/2019/TT-BGDĐT, Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT và các quy định có liên quan của Nhà nước và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, đầy đủ, chi tiết theo đúng quy định, được cập nhật thường xuyên phù hợp với điều kiện và nhu cầu nhân lực, được công bố công khai trên các kênh thông tin dành cho người học.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thu hút được nhiều bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh và phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực vẫn còn sơ sài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiến hành xây dựng cơ chế khảo sát rộng rãi và phổ biến, phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực rõ ràng để đánh giá được chính sách tuyển sinh phù hợp với từng năm học. Việc khảo sát sẽ được giao cho Phòng KT&ĐB CLĐT tập hợp và phân tích để trình lên Ban Giám hiệu. Đối tượng khảo sát cũng cần được mở rộng tới các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, cán bộ GV... để có kết quả đánh giá khách quan.	Khoa MT&ATGT, Phòng KT&ĐB CLĐT, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì chính sách tuyển sinh qua các năm	Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường/Khoa thực hiện tuyển sinh trình độ đại học theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy hàng năm của Bộ GD&ĐT, trong đó có bước đề xuất chỉ tiêu; môn thi, khối thi (tổ hợp xét tuyển đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPTQG); phương pháp tuyển chọn NH của các Khoa chuyên môn và/hoặc Phòng ĐTDH [**H8.08.02.01**, **H8.08.02.02**].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng và công bố công khai Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh, trong đó thể hiện rõ ràng tiêu chí, phương thức xét tuyển, các bước xét tuyển, thời gian xét tuyển của Nhà trường [**H8.08.02.01**, **H8.08.02.02**].

Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được Nhà trường rà soát, đánh giá hàng năm trên cơ sở thống kê kết quả tuyển sinh [**H8.08.02.03**], kết quả tuyển sinh được phân tích, thảo luận tại Hội nghị cán bộ VC hàng năm [**H8.08.02.04**].

Theo đó, phương thức tuyển sinh ngành CNKTGT: xét tuyển thông thường theo 4 phương thức:

Phương thức 1- Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT và học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế.

Phương thức 2- Sử dụng KQHT THPT (học bạ THPT, không xét học bạ GDTX) để xét tuyển với hầu hết các ngành tuyển sinh. Thí sinh tốt nghiệp THPT có tổng điểm ba môn học trong tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình lớp 10 cộng điểm trung bình lớp 11 cộng điểm trung bình lớp 12) cộng điểm ưu tiên (nếu có) từ ngưỡng điểm được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trở lên, trong đó điểm của ba môn trong tổ hợp xét tuyển không có điểm trung bình môn nào dưới 5,00 điểm.

Phương thức 3- Xét tuyển theo kết quả đánh giá tư duy của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Phương thức 4 – Xét kết hợp chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0 trở lên (còn hiệu lực) và tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường đạt từ 12.0 điểm trở lên (môn Toán và 01 môn khác không phải Ngoại ngữ).

Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07.

Nhà trường định kỳ thực hiện rà soát nhu cầu nhân lực, khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp để thực hiện điều chỉnh CTĐT và trên cơ sở đó xác định chỉ tiêu tuyển sinh và tiêu chí tuyển sinh phù hợp với yêu cầu của CTĐT [**H8.08.02.05**, **H8.08.02.06**, **H8.08.02.07**, **H8.08.02.08**].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh của Nhà trường trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan, được đánh giá hàng năm và được công bố công khai cho người học.

3. Điểm tồn tại

Ngành CNKTGT chưa triển khai hình thức tuyển sinh xét tuyển trình độ tiếng Anh và kết quả đánh giá tư duy của Trường ĐH Bách khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung phương án tuyển sinh bằng chứng chỉ Tiếng Anh và kết quả đánh giá tư duy của trường ĐH Bách khoa để cộng điểm cho các thí sinh có năng lực tốt.	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các phương án tuyển sinh hiện có	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 6/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Tiến độ học tập, KQHT, hiệu suất và khối lượng học tập của SV thuộc CTĐT ngành CNKTGT được theo dõi có hệ thống theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐH GTVT và Khoa MT&ATGT [**H8.08.03.01, H8.08.03.02, H8.08.03.03, H8.08.03.04, H8.08.03.05, H8.08.03.06, H8.08.03.07, H8.08.03.08**], như trong Bảng 8.3.1.

Phòng ĐTDH đóng vai trò chủ đạo trong việc giám sát tiến độ học tập, kết quả và tải trọng học tập của SV CTĐT ngành CNKTGT. Công tác này hiện nay được số hoá

thông qua Hệ thống thông tin trường đại học CMC. Hệ thống này cho phép Phòng ĐTDH giám sát được KQHT cũng như tiến độ học tập của SV [H8.08.03.09].

Bảng 8.3.1. Hệ thống giám sát tiến độ, kết quả và tải trọng học tập của SV CTĐT ngành CNKTGT

Các đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
Cấp trường	
Phòng ĐTDH	Kế hoạch học tập, quản lý điểm, học lại.
Phòng KT&ĐB CLĐT	Giám sát việc thực hiện thi kết thúc học phần; Khảo sát ý kiến phản hồi của SV về phương pháp và quy trình thực hiện KTĐG.
Cấp khoa	
Khoa MT&ATGT	Theo dõi việc thực hiện kế hoạch học tập theo CTĐT.
CVHT	Theo dõi KQHT, tư vấn cho SV về học tập.
GV giảng dạy các học phần trong CTĐT	Theo dõi quá trình và KQHT, giải quyết thắc mắc và phản hồi của SV về nội dung, KQHT.

Ở cấp Khoa, việc giám sát tiến độ, kết quả và tải trọng học tập của SV được thực hiện thông qua cơ chế CVHT. CVHT theo dõi KQHT của SV qua các năm để nhắc nhở, tư vấn kịp thời cho SV [H8.08.03.11] thông qua kết quả đánh giá rèn luyện của SV trên Hệ thống thông tin trường đại học CMC [H8.08.03.09]. SV cũng có thể tự mình giám sát việc học trên Hệ thống thông tin trường đại học CMC. Hội đồng Đánh giá kết quả rèn luyện SV của Khoa họp sau khi kết thúc mỗi kỳ học để tổ chức đánh giá công khai, theo dõi sát sao tình hình học tập của SV và có những biện pháp cải tiến kịp thời [H8.08.03.10, H8.08.03.11].

2. Điểm mạnh

Khoa đã có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ.

Phòng ĐTDH đã xây dựng được cơ sở dữ liệu theo dõi được sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chấm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Phối hợp giữa Phòng ĐTDH và Khoa MT&ATGT trong việc theo dõi tiến trình học tập và tư vấn cho SV chưa thực sự tốt. CVHT gặp khó khăn trong việc truy cập vào phần cơ sở dữ liệu theo dõi được sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chấm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp do Phòng ĐTDH quản lý.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất nâng cấp Hệ thống thông tin trường ĐH, giúp CVHT dễ dàng thao tác quản lý quá trình rèn luyện của SV, và giúp SV dễ dàng đăng ký các học phần cũng như theo dõi được KQ rèn luyện của mình.	Khoa MT&ATGT, Phòng ĐTDH	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Liên tục giám sát KQ học tập và rèn luyện của SV, kịp thời đưa ra những tư vấn học tập cho SV	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Đầu các khóa học và năm học, SV được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các văn bản hướng dẫn của nhà trường, các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV [H8.08.04.01, H8.08.04.04]. Sự hỗ trợ của nhà trường đối với SV bao gồm các hoạt động, dịch vụ được mô tả trên hình 8.4.1.



Hình 8.4.1. Sơ đồ các hoạt động phục vụ hỗ trợ SV

Trên cơ sở kế hoạch của Nhà trường, các đơn vị lập kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ NH như sau:

- Việc tư vấn học tập của SV được thực hiện bởi CVHT do Khoa phân công [H8.08.04.02] và được xác định trong Quy định dành cho SV [H8.08.04.03].

- Các đơn vị như: Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác Chính trị & Sinh viên, các Khoa quản lý sinh viên phân công các chuyên viên hỗ trợ thủ tục cho SV trong quá trình học tập học tập, định hướng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kết nối sinh viên và doanh nghiệp, hỗ trợ về tài chính (học bổng...), chế độ chính sách [H8.08.04.07, H8.08.04.08, H8.08.04.09], Hệ thống thông tin trường đại học CMC [H8.08.04.05]. Vào tháng 08/2018, Nhà trường đã thành lập Văn phòng HTSV với chức năng chính là địa chỉ tin cậy để người học tìm đến chia sẻ, tìm hiểu; cung cấp những thông tin cần thiết, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phục vụ cuộc sống, học tập, sinh hoạt và tìm kiếm cơ hội, việc làm; kết nối cựu người học, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng [H8.08.04.12].

- Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên phân công các Câu lạc bộ, các cán bộ tham gia, tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, hoạt động ngoại khóa cho SV [H8.08.04.06].

- Trạm Y tế quản lý, chăm sóc sức khỏe, đồng thời là đơn vị tổ chức thực hiện các biện pháp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ sức khỏe cho học sinh, sinh viên. [H8.08.04.13].

- Trung tâm Thông tin Thư viện Nhà trường với một hệ thống phòng đọc sách và phòng tự học hỗ trợ các SV trong thời gian theo học tại trường [**H8.08.04.14**].

Để nâng cao khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, Nhà trường, Khoa tổ chức các hội thảo, tọa đàm hướng nghiệp, chủ động làm đầu mối kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp [**H8.08.04.10, H8.08.04.11**].

Ngoài ra, hàng năm Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến khảo sát NH về chất lượng, hiệu quả tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm [**H8.08.04.15**]. Đồng thời, Nhà trường cũng tiến hành khảo sát việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp. Khoa MT&ATGT luôn ghi nhận số lượng phản hồi khảo sát ở mức cao và số lượng SV tốt nghiệp có việc làm cũng đạt tỷ lệ cao [**H8.08.04.16**].

2. Điểm mạnh

Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác dành cho SV giúp nâng cao chất lượng học tập và định hướng phát triển nghề nghiệp của SV rất đa dạng, phát huy tốt hiệu quả với sự tham gia đông đảo của các bộ phận chức năng, câu lạc bộ thuộc Trường và Khoa.

3. Điểm tồn tại

Nhiều SV chưa tiếp cận đầy đủ thông tin về cơ hội và định hướng nghề nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa cần tăng cường hơn nữa vai trò cầu nối giữa SV và doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp nhằm đem tới nhiều cơ hội thực tập, thực hành nghề nghiệp cho SV.	Khoa MT&ATGT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và dịch vụ hỗ trợ sinh viên	Khoa MT&ATGT, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 6/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT có tổng diện tích 21,54 ha trong đó cơ sở chính tại Hà Nội có diện tích 5.54 ha, 01 giảng đường lớn 800 m² sức chứa 200 người, 05 giảng đường 500 m² sức chứa 160 người, 73 phòng học 400 m² sức chứa 100 người, 52 phòng học 240 m² sức chứa 60 người, 01 hội trường lớn 2797 m² sức chứa 1000 người với trang thiết bị hiện đại, 15 phòng máy tính đa năng và học ngoại ngữ 60 m², các phòng thí nghiệm hiện đại, 10 phòng thí nghiệm độc lập, ký túc xá có khuôn viên 11500 m² với 212 phòng ở, thư viện có tổng diện tích 3000 m² với 2000 m² phòng đọc và khoảng 10.000 đầu sách các loại, trên 100 đầu tạp chí và các nguồn tài nguyên số khác, khu giáo dục thể chất là quần thể đa năng với sân vận động 10.992 m², sân tennis 2012 m² và sân bóng rổ, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn [**H8.08.05.18**]. Nhà trường cũng luôn chăm lo đến đời sống tâm lý, bảo vệ sức khỏe tại Trạm y tế và các tiện ích khi học tập tại trường nên đã tạo được môi trường cảnh quan trong sạch, cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, môi trường xã hội, tâm lý ổn định, lành mạnh đảm bảo giúp SV và cán bộ GV yên tâm học tập, công tác và phát huy được hết các tiềm năng của bản thân [**H8.08.05.01, H8.08.05.02, H8.08.05.03**]. Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa,... được bố trí tương đối khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT [**H8.08.05.04, H8.08.05.05**]. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của trường được xây dựng theo những tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với điều kiện học tập, nghiên cứu của người học và người dạy, đảm bảo 100% phòng học có điều hòa không khí, có đủ thiết bị trình chiếu hiện đại phục vụ tốt cho nhu cầu giảng dạy và học tập của GV và SV [**H8.08.05.06, H8.08.05.07, H8.08.05.08**].

Cảnh quan sư phạm luôn được quét dọn sạch sẽ, thực hiện theo các quy định về sử dụng nguồn điện, PCCC, phun thuốc phòng bệnh dịch bệnh truyền nhiễm, thường xuyên kiểm tra căng tin phòng chống ngộ độc thực phẩm; tổ chức các lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn, cứu hộ... để đảm bảo vệ sinh an toàn cho SV, GV [**H8.08.05.09, H8.08.05.10, H8.08.05.12, H8.08.05.13, H8.08.05.14,-H8.08.05.15**]. Vì thế, trong thời gian học tại trường, người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm

sóc sức khỏe theo quy định y tế học đường; được hưởng chế độ bảo hiểm y tế đảm bảo an toàn học đường [**H8.08.05.16, H8.08.05.17**].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tiến hành khảo sát đo lường mức độ hài lòng của SV về chất lượng dịch vụ giáo dục tại Nhà trường cũng như tiến hành khảo sát lấy ý kiến SV sắp tốt nghiệp hàng năm để đưa ra các biện pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ giáo dục công [**H8.08.05.11**].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu; Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa... ký túc xá, được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT; Cảnh quan sư phạm của Nhà trường và Khoa sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn, tạo sự thoải mái cho các GV và SV trong toàn trường.

3. Điểm tồn tại

Việc nâng cấp, xây mới CSVC và lắp đặt trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động học tập và NCKH, hoạt động ngoại khoá còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng TBQT, Phòng QLDA có kế hoạch đầu tư nâng cấp, đổi mới môi trường cảnh quan, trang thiết bị, CSVC hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu cũng như tạo sự tiện ích hơn cho SV	Khoa MT&ATGT, Phòng TBQT, Phòng QLDA, Trường ĐH GTVT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và nâng cấp cảnh quan môi trường	Trường ĐH GTVT, các phòng ban	Định kỳ hàng tháng	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn này thể hiện: (1) Chính sách tuyển sinh được công bố rộng rãi, công khai và cập nhật; (2) Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được quy định rõ ràng; (3) CTĐT ngành CNKTGT có hệ thống giám sát toàn diện về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV; (4) CTĐT có nhiều hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng tìm được việc làm của SV; (5) Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo sự thoải mái, tiện lợi cho SV học tập và NCKH.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại của Tiêu chuẩn 8 như: (1) Phối hợp giữa phòng ĐTDH và Khoa MT&ATGT trong công tác giám sát hoạt động học tập và tư vấn cho SV chưa hiệu quả; (2) Một số SV chưa tiếp cận được thông tin về hoạt động ngoại khóa, thực hành, tham quan doanh nghiệp, cơ hội và định hướng nghề nghiệp, (3) Việc nâng cấp, xây mới CSVC và lắp đặt trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động học tập và NCKH, hoạt động ngoại khóa còn hạn chế.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8: 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trong nhiều năm qua, Trường ĐH GTVT đã rất chú trọng tới trang thiết bị và CSVC phục vụ nhu cầu học tập và NCKH của đội ngũ GV và SV của CTĐT ngành CNKTGT. Ngoài việc trang bị đầy đủ thiết bị cho các Phòng học, Phòng thực hành, Phòng máy tính, thư viện, ... mạng internet được trang bị trong khuôn viên toàn Trường phục vụ SV 3 buổi trong ngày. GV và SV CTĐT ngành CNKTGT được mua bảo hiểm y tế và theo dõi sức khoẻ. Việc PCCC và đảm bảo vệ sinh học đường cũng được ưu tiên hàng đầu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT đã ban hành nhiều Quy định về tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, trang thiết bị; về quản lý, khai thác sử dụng trang thiết bị, tài sản công [H9.09.01.16]. Theo đó, Nhà trường có hệ thống Phòng làm việc, Phòng học, Thư viện và các Phòng đa chức năng với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. 100% phòng học tại Hà Nội đã được trang bị máy chiếu, bảng tương tác, điều hòa không khí, hệ thống âm thanh, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo [H9.09.01.01, H9.09.01.02, H9.09.01.03, H9.09.01.04, H9.09.01.05, H9.09.01.06]. Trong từng phòng đều công khai nội quy sử dụng và danh sách số lượng tài sản [H9.09.01.07, H9.09.01.08]. Hàng năm, Nhà trường còn có kế hoạch mua sắm mới trang thiết bị cho các phòng học [H9.09.01.09, H9.09.01.10, H9.09.01.11, H9.09.01.12, H9.09.01.13].

Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện nâng cao chất lượng khai thác CSVC: phân công nhân sự của phòng TBQT thường xuyên phục vụ hỗ trợ thiết bị, điện, nước, điện chiếu sáng trong hội trường, lớp học, quản lý vận hành hoạt động phòng học an toàn và đảm bảo [H9.09.01.15]; thực hiện các khảo sát về mức độ hài lòng của GV và SV về chất lượng của CSVC của Nhà trường, bao gồm cả mức độ hài lòng của người dùng về phòng học và phòng làm việc [H9.09.01.14].

Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng phòng học và thực hành

STT	Vị trí	Tổng số (phòng)	Hà Nội	Phân hiệu TP HCM
1	Hội trường, giảng đường, phòng học	208	141	67
2	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	110	71	39
	Tổng cộng	318	212	106

Nguồn: Phòng Thiết bị quản trị, tháng 12/2022

Bên cạnh đó, hội trường lớn có khả năng đáp ứng trên 700 chỗ ngồi, cho phép tổ chức các sự kiện lớn và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hóa. Các khu thể thao (sân bóng đá, bóng chày, bóng rổ, cầu lông, bóng bàn, tennis) được trang bị đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và rèn luyện sức khỏe cho người học và cán bộ, giảng viên của Nhà trường.

Bảng 9.1.2. Thống kê số lượng máy tính phục vụ đào tạo và nghiên cứu

STT	Đơn vị	Tổng số (máy tính)	Hà Nội	Phân hiệu TP HCM
1	Phòng ban chức năng	278	213	65
2	Bộ môn	131	115	16
3	Phòng thực hành TT UDCNTT	814	504	310
4	Phòng Thí nghiệm	75	59	16
5	Tra cứu thư viện	42	26	16
6	Giảng đường, p.học (máy tính, bảng tương tác)	116	116	0
	Tổng cộng	1456	1033	423

Nguồn: Phòng Thiết bị quản trị, tháng 12/2022

Phòng làm việc của các giảng viên tham gia đào tạo Ngành CNKTGT được bố trí tại các phòng 401A9, 402A9, 403A9, với diện tích trung bình là 3m²/1 GV. Các phòng làm việc này được bố trí trang thiết bị phù hợp với định mức theo quy định của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có CSVC tốt đáp ứng yêu cầu của hoạt động dạy và học; có hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp và đầu tư mới theo định kỳ hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có khả năng mở rộng và đầu tư mới CSVC do diện tích trường không lớn, mặc dù quy mô đào tạo ngày càng tăng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đối với hệ thống giảng đường, cần tiếp tục nâng cấp sửa chữa và cải tạo để đáp ứng nhu cầu giảng dạy của GV và khả năng tự học của SV trong thời gian tới.	Trường ĐH GTVT	Từ tháng 7/2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiện trạng CSVC của Nhà trường để kịp thời có phương án sửa chữa, duy tu, bảo trì và thay mới.	Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng tháng	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT có thư viện, nguồn học liệu tương đối phong phú. Phòng đọc và các phòng tư liệu có sự kết nối để phục vụ hiệu quả (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy/quy định/hướng dẫn, v.v), phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV, SV [**H9.09.02.01, H9.09.02.03, H9.09.02.09, H9.09.02.10**].

Thư viện được bố trí từ tầng 5 đến tầng 8 Nhà A8 với tổng diện tích sử dụng khoảng 3.000m² bao gồm cả sảnh nghỉ và khu vực nghiên cứu. Nội quy và hướng dẫn sử dụng Thư viện, học liệu được công bố công khai tại Thư viện cũng như trên website của Thư

viện [H9.09.02.02, H9.09.02.04]. Hiện tại, Thư viện đã có một vốn tài liệu khá đa dạng, phong phú phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường [H9.09.02.06]. Trong đó, học liệu ngành CNKTGT tại thư viện được cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của ngành [H9.09.02.05]. Ngoài ra, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện và các nguồn học liệu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu được báo cáo định kỳ hàng năm.

Là thành viên CLB các Trường Đại học kỹ thuật, Trung tâm thông tin - thư viện trường đã tham gia vào Consortium và được chia sẻ nguồn tài nguyên điện tử phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể vào tháng 11/2014, 05 cơ sở dữ liệu ASCE Library, Erary Engineering, ACM Digital Library, ASME và SPIE Digital Library đã được cán bộ giáo viên trong trường truy cập và sử dụng [H9.09.02.11]. Ngoài ra, thư viện đã mở rộng hợp tác với các Trung tâm thông tin - Thư viện, các tổ chức quốc tế, các NXB, Quỹ sách Châu Á, Thư viện Quốc gia, Liên hiệp Thư viện trường Đại học [H9.09.02.07], để trao đổi kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường tài trợ sách báo và trao đổi các nguồn sách báo, tài liệu giữa các thư viện.

Đối với Ngành CNKTGT, số học phần trong CTĐT là 57. Số lượng tài liệu yêu cầu cần trong ĐCHP là 260. Hiện tại trong thư viện đang có số đầu sách tài liệu tham khảo là 112, chiếm 43,08% yêu cầu. Số học phần có ít nhất 1 tài liệu tham khảo tại thư viện là 53, chiếm 92,98% từ báo cáo tổng hợp của TT TT-TV [H9.09.02.04].

Trường ĐH GTVT đã lấy ý kiến phản hồi của SV, học viên và các bên liên quan về thư viện và các nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Kết quả cho thấy Thư viện đã đáp ứng nhu cầu của SV, học viên [H9.09.02.08].

2. Điểm mạnh

CSVC và nguồn học liệu của thư viện khá tốt, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu trực tuyến chưa được sử dụng rộng rãi. Các tài liệu liên quan đến CTĐT ngành CNKTGT chưa được cập nhật đầy đủ, đặc biệt là tài liệu dành cho GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường nên đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống Thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu trực tuyến, đồng thời hợp tác với các nhà xuất bản để nhận hỗ trợ các tài liệu bổ trợ hoạt động giảng dạy cho GV. Đặc biệt, bổ sung thêm các giáo trình chuyên ngành CNKTGT.	Khoa MT&ATGT, Thư viện, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm, từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên kiểm tra, kiểm tính số lượng học liệu để kịp thời phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của GV, SV.	Thư viện, Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ phòng thực hành tin học, phòng máy học ngoại ngữ và phòng thực hành chuyên môn được trang bị các thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.01]. Nhà trường đã giao cho phòng TBQT, phối hợp cùng các Khoa, Bộ môn tiến hành quản lý và đáp ứng yêu cầu hỗ trợ các hoạt động thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu [H9.09.03.09]. Riêng đối với ngành CNKTGT, SV được tham gia hoạt động học tập tại phòng Thực hành chuyên môn ngành CNKTGT tại tầng 2 toà nhà Van Hãm Trường ĐH GTVT. Phòng được trang bị một số các thiết bị bao gồm: Máy đo nồng độ cồn, máy toàn đạc và máy bắn tốc độ phục vụ cho các học phần thực hành, thí nghiệm [H9.09.03.08].

Hiện nay Nhà trường có 74 phòng thí nghiệm, 20 phòng thực hành, 3 xưởng thực tập để hỗ trợ các CTĐT [H9.09.03.01]. Các phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH cho toàn bộ SV và cán bộ GV

Nhà trường, bao gồm cả SV và GV ngành CNKTGT [H9.09.03.07]. Các phòng thực hành có cán bộ phụ trách, việc sử dụng phòng thực hành cần tuân theo hướng dẫn, quy định chung của Nhà trường [H9.09.03.02]. Các phòng này được duy tu bảo dưỡng thường xuyên [H9.09.03.03]. Hàng năm, phòng TBQT nhận đề nghị của Khoa/BM, qua rà soát hiện trạng các phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị vật dụng, tiến hành xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa để đáp ứng yêu cầu [H9.09.03.04].

Bên cạnh đó, các trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH luôn được Nhà trường coi trọng. Trang thiết bị này bao gồm: máy vi tính, máy chiếu, màn chiếu, amly, loa, micro, ti vi, tủ thiết bị...[H9.09.03.07]. Các phòng thực hành có cán bộ phụ trách lập hồ sơ theo dõi tình hình sử dụng trang thiết bị [H9.09.03.04].

Nhà trường cũng có những quy định về việc quản lý và sử dụng CSVC và mua sắm tài sản [H9.09.03.05] và khảo sát SV sắp tốt nghiệp về vấn đề này [H9.09.03.06]. Kết quả cho thấy năm 2020 có 54% số người được khảo sát thấy hài lòng với chất lượng phục vụ của PTN, năm 2021 có 72,1% người được khảo sát hài lòng.

2. Điểm mạnh

Phòng máy tính, thực hành được trang bị đầy đủ, hệ thống quản trị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc đầu tư mới, nâng cấp các Phòng máy tính, thực hành chưa được tiến hành thường xuyên và đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban Giám hiệu, Phòng HCTH, Phòng TBQT có kế hoạch ngân sách để nâng cấp và trang bị mới cho các Phòng máy tính, thực hành.	Trưởng ĐH GTVT, Phòng HCTH, Phòng TBQT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy	Thường xuyên kiểm tra các phòng máy tính, thực hành	Phòng TBQT,	Định kỳ hàng tháng	

	điểm mạnh		Trường ĐH GTVT		
--	--------------	--	-------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trang web Trường ĐH GTVT (www.utc.edu.vn), Khoa (<http://tse.utc.edu.vn/>) cung cấp tất cả các thông tin cần thiết cho GV và SV về các hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu cũng như các dịch vụ và khả năng kết nối giữa trang web của Trường ĐH GTVT với của các đơn vị trực thuộc khác [H9.09.04.01, H9.09.04.02, H9.09.04.03]. Nhà trường cũng đã tiến hành tin học hóa trong quản lý, đào tạo, nghiên cứu và phục vụ SV qua Hệ thống thông tin Usmart, CMC, Văn phòng điện tử [H9.09.04.09, H9.09.04.07, H9.09.04.10]. Hệ thống trang thiết bị này được bảo trì, bảo dưỡng và duy tu thường xuyên [H9.09.04.04].

Với Bộ môn KTATGT, Nhà trường trang bị 01 máy tính dành cho GV, 01 máy tính dành cho văn phòng Khoa, 30 máy tính dùng cho NH. Khoa MT&ATGT cũng đã cài đặt hệ thống internet không dây tốc độ cao xung quanh nơi làm việc của Khoa. Các GV phụ trách cũng sử dụng kênh mạng xã hội để quản lý và trả lời các khiếu nại của SV cũng như cung cấp các lưu ý và thông báo cho SV.

Ngoài ra, Hệ thống thông tin trường học CMC của Nhà trường (qltd.utc.edu.vn) đã hỗ trợ GV và SV rất nhiều trong các hoạt động giảng dạy và học tập của họ, như đăng ký khóa học, kiểm tra kết quả thi, chi tiết các học phần,...[H9.09.04.07]

Đặc biệt trong giai đoạn dịch Covid bùng phát năm 2020, Nhà trường đã tiên phong trong việc triển khai hệ thống dạy và học online thông qua Microsoft Teams tới toàn bộ GV và SV trong trường [H9.09.04.06].

Các Phòng hội thảo của Nhà trường (Phòng 401A1, 501A1, 601A1, phòng Hội thảo tầng 4 A8) đều được trang bị hệ thống CNTT tin hiện đại, micro không dây, phòng dịch, hệ thống máy chiếu và màn hình bố trí xung quanh phòng hội thảo, đảm bảo có thể thực hiện được các hoạt động khoa học chất lượng và tầm cỡ [H9.09.04.03].

Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT hơn nữa, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Ứng dụng CNTT và ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm

[H9.09.04.08]. Trung tâm đã bố trí 03 cán bộ chuyên trách phụ trách hệ thống mạng, 03 cán bộ chuyên trách phụ trách máy tính, và 03 cán bộ chuyên trách phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt.

Hàng năm, Nhà trường đều dành một khoản ngân sách nhất định đầu tư và bảo trì cho hệ thống CNTT của Trường [H9.09.04.04].

Theo báo cáo khảo sát chất lượng đào tạo hàng năm thì số SV hài lòng với hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động đào tạo luôn từ 70% trở lên [H9.09.04.05].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT được trang bị đầy đủ ở cấp Trường và Khoa để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống CNTT về CSVC còn chưa đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng internet trong phòng học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lên kế hoạch nâng cấp và đổi mới hệ thống CNTT	Trường ĐH GTVT, Phòng TBQT, Trung tâm Ứng dụng CNTT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Kiểm tra thường xuyên hệ thống CNTT để kịp thời sửa chữa, bảo trì và thay mới	Trường ĐH GTVT, Phòng TBQT, Trung tâm Ứng dụng CNTT	Định kỳ hàng tháng	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Căn cứ vào Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030; giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, Nhà trường đã quan tâm thực hiện các hoạt

động theo quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn phòng cháy chữa cháy và đảm bảo sức khỏe tại nơi làm việc [**H9.09.05.01**, **H9.09.05.02**, **H9.09.05.03**].

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của trường về cơ bản đúng theo quy định. Nhà trường đã ban hành Nội quy PCCC [**H9.09.05.03**, **H9.09.05.08**], Quy trình Tổ chức khám sức khỏe định kỳ [**H9.09.05.04**], Quy trình Quản lý vệ sinh, Quy định Giữ gìn bảo vệ môi trường xanh, sạch đẹp và văn minh học đường trong khuôn viên trường ĐH GTVT [**H9.09.05.05**].

Được thành lập theo Quyết định số 105/QĐ-TCCB ngày 17/01/2001, Ban Quản lý giảng đường có chức năng đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường khu giảng đường [**H9.09.05.14**]. Ban Quản lý Ký túc xá được thành lập theo Quyết định số 390/QĐ-TC ngày 24/10/1981 có chức năng đảm bảo an toàn, vệ sinh cảnh quan khu vực giảng đường A5 và khu ký túc xá [**H9.09.05.15**]. Nhà trường ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh để đảm bảo vệ sinh trong khuôn viên của Nhà trường [**H9.09.05.10**, **H9.09.05.11**].

Căng-tin của Nhà trường sạch sẽ, đảm bảo an toàn thực phẩm, phục vụ nhu cầu ăn trưa của Nhân viên và SV. Nước thải, bể chứa nước ngầm, vệ sinh thực phẩm của căng tin được kiểm tra an toàn. Nhà trường đã xây dựng và đánh giá phiếu kiểm tra an toàn, vệ sinh thực phẩm [**H9.09.05.05**, **H9.09.05.06**, **H9.09.05.07**].

Ở cả khu giảng đường và khu KTX đều có trung tâm y tế. Thực hiện khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho người học, người lao động theo quy định của bảo hiểm y tế. Trung tâm y tế được phụ trách bởi các y, bác sĩ có chuyên môn, nghiệp vụ đạt tiêu chuẩn. Cán bộ giảng viên và sinh viên được khám sức khỏe định kỳ hằng năm [**H9.09.05.12**]. Theo yêu cầu của Nhà trường, 100% cán bộ, GV và SV của toàn trường có bảo hiểm y tế [**H9.09.05.09**].

Ngoài ra, Phòng Bảo vệ, Phòng TBQT, Trạm y tế, Ban Quản lý KTX, Ban Quản lý giảng đường,... có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự địa phương [**H9.09.05.13**].

Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm đến bổ sung CSVC hỗ trợ người khuyết tật. Theo đó, hầu hết các toà nhà đều bố trí lối lên xuống dành riêng cho người khuyết tật [**H9.09.05.16**].

Hàng năm, Nhà trường cũng như Khoa MT&ATGT đã định kỳ tổ chức các hội thi thể thao cho cán bộ CNVC, GV và SV [H9.09.05.06], nhằm nâng cao sức khỏe và thúc đẩy phong trào tập luyện thể dục thể thao trong Nhà trường.

Trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn. Đa số người được lấy ý kiến đều cho rằng môi trường học tập và làm việc tại Trường ĐH GTVT đảm bảo an toàn, sức khỏe [H9.09.05.07].

2. Điểm mạnh

Văn minh học đường được duy trì tốt. GV và SV Trường ĐH GTVT có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường.

3. Điểm tồn tại

Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Hệ thống CSVC dành cho người khuyết tật chưa được sử dụng triệt để.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tạo hệ thống CSVC tính đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật, đặc biệt lưu ý đến nhà vệ sinh trong toàn trường và cầu thang bộ ở các tòa nhà trong trường không có thang máy. Siết chặt quản lý sinh viên trong KTX.	Trường ĐH GTVT, Phòng TBQT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc giữ gìn cảnh quan môi trường, quan tâm đến sức khỏe thể chất và tinh thần cho GV, SV	Trường ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Các điểm mạnh của tiêu chuẩn này là: (1) CSVC, Phòng học, giảng đường, thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin,... của Nhà trường đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và NCKH; (2) Hạ tầng thông tin được đầu tư và nâng cấp thường xuyên; (3) Các tiêu chuẩn về môi trường, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo sức khoẻ cho GV và SV cũng được thực hiện tốt. Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế như: Hệ thống CSVC của Nhà trường còn chưa đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng internet trong phòng học, chưa đồng bộ và toàn diện giữa toàn trường, và ngoài ra các hoạt động phục vụ người khuyết tật tại tất cả các cơ sở đào tạo, giảng đường và phòng học chưa được chú trọng.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 9: 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng là một phần quan trọng trong hoạt động quản lý chất lượng giáo dục của Trường ĐH GTVT, luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm và thực hiện thường xuyên. Ngoài thực hiện công tác quản lý chất lượng giáo dục theo quy định đang hiện hành của nhà nước, Nhà trường từ lúc bắt đầu thành lập trường cho đến nay không ngừng phát triển theo triết lý giáo dục, mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, thường xuyên cải tiến CTDH, ứng dụng các kết quả NCKH và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

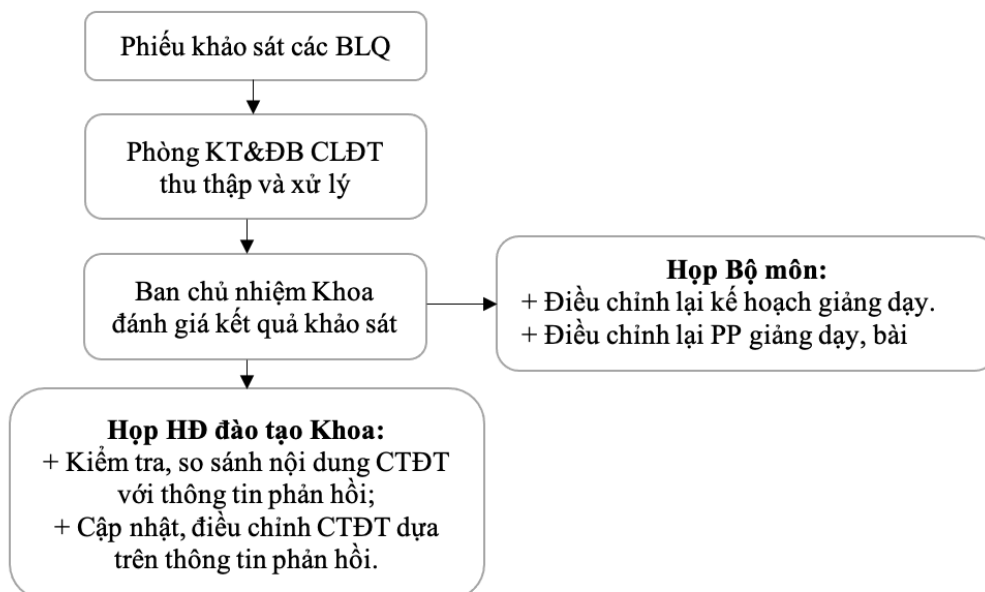
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Để đảm bảo phản ánh kịp thời và đầy đủ nhu cầu và thông tin phản hồi của các bên liên quan trong quá trình thiết kế phát triển CTĐT, Nhà trường đã ban hành Quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan đối với chất lượng của Trường ĐH GTVT [H10.10.01.01] và Quy định ĐBCL bên trong Trường ĐH GTVT [H10.10.01.02]. Phòng KT&ĐB CLĐT và Phòng CTCT&SV là đầu mối thực hiện các khảo sát, lấy ý kiến các BLQ [H10.10.01.10, H10.10.01.11]. Trên cơ sở đó, Nhà trường và Khoa MT&ATGT đã xây dựng nhiều hệ thống khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các bên có liên quan để làm căn cứ phục vụ cho mục đích thiết kế và phát triển CTĐT nói chung và CTDH nói riêng.

- Với SV sắp tốt nghiệp: Khảo sát ý kiến về chất lượng CTĐT; Khảo sát về các mặt hoạt động của nhà trường [H10.10.01.03, H10.10.01.04];

- Với các cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng: Khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực về an toàn giao thông [H10.10.01.09]. Theo đó, hầu hết các ý kiến khảo sát đều cho rằng CTĐT ngành CNKTGT mới chỉ đang đáp ứng một phần xu hướng phát triển và nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực trong lĩnh vực ATGT.



Hình 10.1.1. Quy trình xử lý kết quả khảo sát các bên liên quan

- Với SV, GV: Khảo sát ý kiến về chất lượng hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên các đơn vị [H10.10.01.04];
- Với SV đang theo học: Khảo sát ý kiến về chất lượng giảng dạy của GV từng học kì [H10.10.01.05];
- Với cựu SV: khảo sát tình trạng việc làm của SV một năm sau khi tốt nghiệp định kỳ hàng năm [H10.10.01.06].

Các góp ý từ các kết quả khảo sát đã được sử dụng làm căn cứ để lên kế hoạch cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngành CNKTGT [H10.10.01.07]. Khoa MT&ATGT đã và đang thực hiện các điều chỉnh, cập nhật đó, ví dụ như các cuộc họp rà soát, chỉnh sửa ĐCHP, cập nhật danh mục sách tham khảo, v.v... thể hiện qua minh chứng [H10.10.01.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ đã được xây dựng và cập nhật thường xuyên. Việc lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát và hoàn thiện CTDH được tiến hành theo định kỳ và kết quả thu được đảm bảo độ tin cậy cao.

3. Điểm tồn tại

Trong một số khảo sát đối với SV đã tốt nghiệp về chất lượng của CTĐT, số lượng không tham gia hoặc tham gia chưa thực sự đông, khiến kết quả điều tra chưa hoàn toàn

đảm bảo tính chính xác. Ngoài ra, số lượng các NTD tham gia các cuộc khảo sát này còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất Phòng KT&ĐB CLĐT mở rộng việc lấy ý kiến của các NTD cho Khoa MT&ATGT với chuyên ngành CNKTGT. Bên cạnh đó, Khoa nên lập ra một kênh riêng để điều tra về nhu cầu của thị trường lao động làm cơ sở để điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu tuyển dụng trên thị trường.	Phòng KT&ĐB CLĐT, Khoa MT&ATGT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các khảo sát hiện có với các BLQ	Phòng KT&ĐB CLĐT	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Khoa thực hiện theo quy trình xây dựng và phát triển CTĐT căn cứ vào thông tư 07/2015/BGD&ĐT ngày 16/04/2015 gồm 3 khối kiến thức cơ bản, bao gồm: kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành [H10.10.02.01]. Quy trình xây dựng và điều chỉnh CDR của CTĐT được triển khai qua 8 bước [H10.10.02.02]. Nội dung CDR cũng được điều chỉnh, bổ sung theo thông báo [H10.10.02.03]. CTĐT sau mỗi đợt rà soát đều được cải tiến, để đáp ứng tỷ lệ về khối kiến thức, kết cấu rõ ràng, cập nhật mới các đề cương chi tiết học phần (2019); các đề cương được chuẩn hoá theo CDIO, điều

chỉnh tỷ lệ đánh giá KQHT, CDR, ma trận tích hợp CDR, khung CTĐT, thống nhất mức bloom đạt được với các kỹ năng CDIO (2021).

CTĐT ngành CNKTGT định kỳ 2 năm/lần được rà soát và điều chỉnh trên cơ sở phản hồi của NH. Theo giai đoạn 5 năm gần đây, CTĐT ngành CNKTGT đã được Khoa điều chỉnh 2 lần vào các năm 2019 và 2021. Tại mỗi đợt rà soát, điều chỉnh, Nhà trường đều ban hành nhiều văn bản về rà soát, đổi mới CTĐT, cũng như thành lập các tiểu ban để xây dựng CTĐT theo từng năm rà soát [H10.10.02.06].

Cuối cùng, để cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Khoa MT&ATGT cũng đã dựa trên kết quả thu được từ thảo luận, trao đổi nhóm, họp Bộ môn chuyên môn và họp Khoa để có cơ sở xem xét, đánh giá, bổ sung, cải tiến, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H10.10.02.04]. Đồng thời, dựa trên kết quả khảo sát của các bên liên quan trong khảo sát về chất lượng CTĐT ngành CNKTGT được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu thuộc Khoa MT&ATGT, Khoa MT&ATGT cũng thu được những đề xuất làm cơ sở cho Kế hoạch cải tiến CTĐT ngành CNKTGT [H10.10.02.05, H10.10.02.07].

2. Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện đúng các quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo quy định của Bộ GD&ĐT cũng như quy định của Nhà trường. Việc xây dựng và phát triển CTDH ngành CNKTGT được Khoa MT&ATGT thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ 02 năm/01lần. Ý kiến phản hồi từ các bên liên quan tham gia vào việc đánh giá và cải tiến chất lượng CTDH đều được Nhà trường, Khoa tiếp thu, làm cơ sở cho việc phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Quy trình điều chỉnh CDR, đặc biệt là theo CDIO, còn mới mẻ, nên những cán bộ GV thực hiện công việc này còn chưa có nhiều kinh nghiệm với công việc nên còn gặp nhiều lúng túng khi thực hiện thiết kế CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Đề xuất với Nhà Trường tổ chức các lớp đào tạo những cán bộ,	Trường ĐH GTVT,	Từ năm học 2023-2024	

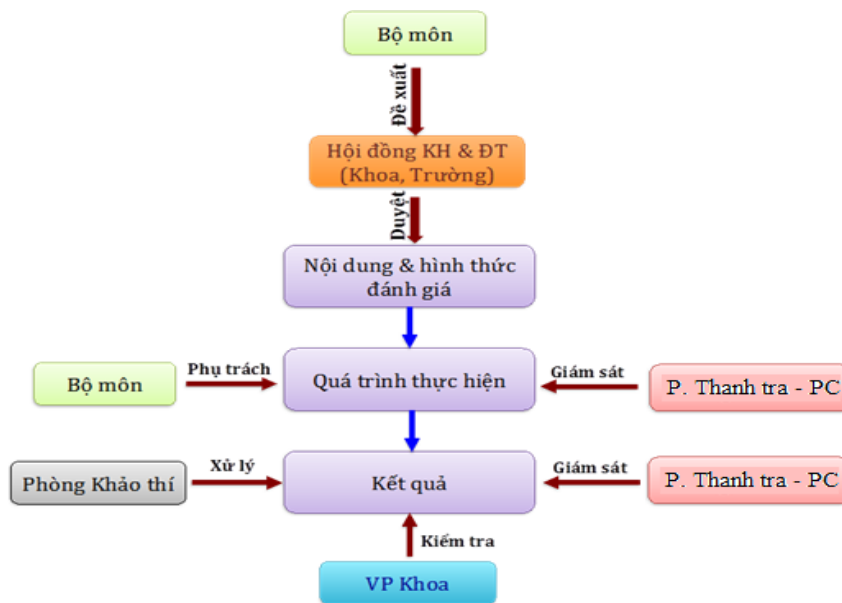
	tồn tại	GV thực hiện công việc điều chỉnh CDR, nắm vững những yêu cầu của công việc. Đề xuất Phòng KT&ĐB CLĐT mở rộng lấy các ý kiến phản hồi các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	Phòng KT&ĐB CLĐT, Khoa MT&ATG T		
2	Phát huy điểm mạnh	Liên tục rà soát, cải tiến CTDH	Khoa MT&ATG T	Định kỳ hàng 2 năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTĐT ngành CNKTGT đã được áp dụng quy định/hướng dẫn việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học qua các Quy chế hoạt động của Nhà trường [H10.10.03.01], Quy định về đào tạo đại học theo hệ thống TC [H10.10.03.10], các Thông báo theo từng năm học [H10.10.03.11] và Quy trình Tổ chức thi kết thúc học phần [H10.10.03.02]. Bộ môn chuyên môn sẽ đề xuất hình thức và nội dung đánh giá, Hội đồng KH & ĐT của Khoa và trường sẽ xem xét duyệt đề xuất từ bộ môn. Phòng Thanh tra có nhiệm vụ giám sát trong khi phòng Khảo thí xử lý phân giao nhận đề thi, bài thi, phiếu chấm hay phúc tra [H10.10.03.12, H10.10.03.13]. Văn phòng khoa có trách nhiệm kiểm tra kết quả.



Hình 10.3.1. Quy trình đánh giá người học và trách nhiệm các phòng ban

Về quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học thuộc CTĐT ngành CNKTGT được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT [H10.10.03.03, H10.10.03.04, H10.10.03.05]. Đặc biệt trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường cùng Khoa đã tiến hành rà soát và cải tiến CTĐT ngành CNKTGT, trong đó có việc rà soát quy trình dạy và học, đánh giá NH, làm cơ sở để cải tiến CTĐT theo đúng quy định [H10.10.03.14, H10.10.03.15].

Về KTĐG học lực của SV, Khoa đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức đánh giá SV. Trong hầu hết các môn học, SV có hai bài kiểm tra theo hình thức tự luận kết hợp với trắc nghiệm. Bên cạnh đó, trong một số môn học, SV được yêu cầu viết tiểu luận hoặc thuyết trình [H10.10.03.06]. Tất cả các hình thức đánh giá đều được Khoa viết chi tiết trong Đề cương môn học và phổ biến công khai và rõ ràng cho SV vào đầu khóa học, cũng như tiết đầu tiên của các học phần [H10.10.03.07].

Định kỳ, Khoa MT&ATGT có các cuộc họp Bộ môn và họp Khoa để họp rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, hoạt động kiểm tra đánh giá SV để rút kinh nghiệm, cải tiến và hoàn thiện cách thức thực hiện [H10.10.03.08]. Ngoài học lực, Khoa còn tiến hành đánh giá quá trình rèn luyện của SV theo học kỳ và theo năm học theo quy định của Nhà Trường về đánh giá kết quả rèn luyện của SV [H10.10.03.09].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của SV được Khoa MT&ATGT rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Không.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục duy trì các biện pháp đánh giá KQHT của SV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT.	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh				

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

NCKH cho SV là một trong những nội dung của hoạt động KH&CN [**H10.10.04.01**, **H10.10.04.02**, **H10.10.04.03**]. Hàng năm, Nhà trường thông báo đăng ký đề tài NCKH SV [**H10.10.04.04**] để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký. Nội dung các đề tài NCKH SV ngành CNKTGT đăng ký đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo như tổ chức giao thông, thẩm định giao thông, giao thông thông minh,... [**H10.10.04.05**]. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các tiểu ban. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong Hội nghị NCKH SV. Căn cứ vào kết quả Hội nghị NCKH SV, Nhà trường xuất bản Kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải nhất cấp Trường tại các tiểu ban [**H10.10.04.06**]. Công tác NCKH SV tiếp tục phát triển, số lượng đề tài tăng nhanh, chất lượng đề tài tốt và tương đối đồng đều, số SV tham gia ngày càng nhiều [**H10.10.04.07**].

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, được quy định trong Chiến lược phát triển trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn 2030 [**H10.10.04.12**]; trong

Định hướng nghiên cứu khoa học ưu tiên giai đoạn 2016-2025 [H10.10.04.02]; Quy chế hoạt động KHCN [H10.10.04.01] và được tổng hợp trong Báo cáo KHCN giai đoạn 2018-2020 [H10.10.04.03]. Số lượng đề tài cấp Trường, bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế, tạp chí ngành, tạp chí Trường của ngành CNKTGT trong 5 năm gần đây (2018-2022) là 18 đề tài và 25 bài báo [H10.10.04.08, H10.10.04.13]. Kết quả và sản phẩm của các đề tài sau khi nghiệm thu được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, CGCN của Bộ KH&CN [H10.10.04.09] và Nhà trường [H10.10.04.10].

Ngoài ra, năm 2022 Khoa MT&ATGT đã tổ chức thành công Hội thảo “Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn giao thông” [H10.10.04.11], thu hút nhiều bài báo khoa học từ các nhà khoa học trong cả nước, tạo tiền đề cho việc tổ chức các Hội thảo khoa học tiếp theo.

2. Điểm mạnh

Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH với các tổ chức nước ngoài hiện nay chưa có nhiều; Số lượng GV tham gia vào các đề tài NCKH cấp Bộ trở lên còn chưa cao; Số lượng SV NCKH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường, Khoa cần xây dựng cơ chế cụ thể để khuyến khích giảng viên và SV tích cực tham gia NCKH.	Nhà trường, Khoa MT&ATG T	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm	Tiếp tục thúc đẩy phong trào NCKH trong toàn Khoa và chuyên ngành CNKTGT	Khoa MT&ATG T	Định kỳ hàng năm	

	mạnh				
--	------	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và các tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT có văn bản quy định đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác viên (Phòng YT, Ký túc xá, các phòng, ban, hoạt động ngoại khóa, cố vấn học tập, câu lạc bộ, hoạt động Đoàn Thanh niên) [H10.10.05.01, H10.10.05.02, H10.10.05.07].

Phòng KT&ĐB CLĐT thực hiện khảo sát ý kiến cán bộ, GV và SV về mức độ thư viện đáp ứng yêu cầu sử dụng, về đánh giá chất lượng CSVC của Nhà trường, nhằm thu thập thông tin về chất lượng phục vụ của CSVC để có những điều chỉnh nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng bên trong trường [H10.10.05.01, H10.10.05.03, H10.10.05.04].

Ngoài ra, Trung tâm thông tin thư viện hàng năm cũng tiến hành khảo sát sinh viên về hoạt động của Trung tâm [H10.10.05.08]. Hàng năm thư viện đều xin ý kiến các bộ môn về kế hoạch bổ sung, hay in ấn thêm các sách hay tài liệu tham khảo, các bộ môn làm giấy theo mẫu để thư viện tổng hợp và trình nhà trường xét duyệt.

Thông tin phản hồi về chất lượng dịch vụ và CSVC hỗ trợ được xử lý bởi các đơn vị được phân công. Kết quả sẽ được gửi tới Ban Giám hiệu của Nhà trường, các đơn vị liên quan và Ban Chủ nhiệm Khoa để đánh giá và có các giải pháp nâng cao chất lượng kịp thời [H10.10.05.04].

Dịch vụ hỗ trợ SV cũng từng bước được nâng cao thông qua Phòng CTCT&SV [H10.10.05.10], Đoàn thanh niên, Hội SV và các câu lạc bộ [H10.10.05.05]. Dịch vụ hỗ trợ SV đa dạng và hiệu quả như: tìm kiếm học bổng, hội chợ việc làm,... [H10.10.05.06]. Phòng CTCT&SV lập Văn phòng Hỗ trợ sinh viên với mục đích trở thành địa chỉ tin cậy để người học tìm đến chia sẻ, tìm hiểu; cung cấp những thông tin cần thiết, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phục vụ cuộc sống, học tập, sinh hoạt và tìm kiếm cơ hội, việc làm; kết nối cựu người học, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng [H10.10.05.09].

2. Điểm mạnh

Thực tế cho thấy, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị của thư viện, phòng học, khối văn phòng hàng năm đều được Nhà trường định kỳ bảo trì hoặc bổ sung mới.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù hàng năm, nhà trường đều thực hiện việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ và nâng cấp trang thiết bị phục vụ SV nhưng do quy mô của trường nhỏ nên thư viện phục vụ SV cũng nhỏ. Tốc độ truy cập mạng còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với Nhà trường kế hoạch mở cửa các phòng học cho SV sử dụng vào mùa thi. Ngoài ra, Khoa cũng sẽ nắm bắt nhu cầu của SV và bổ sung nguồn học liệu phục vụ SV. Lắp đặt thêm các cục phát wifi miễn phí.	Trường ĐH GTVT, Khoa MT&ATG T	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công tác kiểm tra, đánh giá, bảo trì và bổ sung các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị cho toàn trường	Trường ĐH GTVT, Phòng TBQT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Hàng năm, Phòng KT&ĐB CLĐT khảo sát phản hồi của các bên liên quan theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.06.01, H10.10.06.02]. Tần suất khảo sát được quy định một năm một lần. Hình thức khảo sát là trực tuyến tại Hệ thống thông tin sinh viên đối với sinh viên của Nhà trường [H10.10.06.06], trên văn phòng điện tử của Nhà trường đối với GV [H10.10.06.04], Phiếu khảo sát đối với cựu SV

[H10.10.06.05],... Ngoài ra, Phòng CTCT&SV cũng tiến hành đánh giá rèn luyện sinh viên cũng như đánh giá cố vấn học tập theo từng kỳ học [H10.10.06.07]. Việc khảo sát được thực hiện với các bên liên quan của CTĐT như GV, SV và cựu SV, với các nội dung thuộc chất lượng CTĐT, ví dụ như chất lượng hoạt động hỗ trợ của viên chức hành chính, mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, chất lượng giảng dạy của GV [H10.10.06.03].

Các báo cáo kết quả khảo sát được chuyển về các đơn vị có liên quan để phục vụ cho việc cải tiến CTĐT, môn học, và phương pháp giảng dạy [H10.10.06.08]. Ngoài hệ thống khảo sát của Nhà trường, dựa trên qui trình khảo sát đã được thiết lập ở trên, Khoa MT&ATGT cũng chủ động tiến hành khảo sát toàn diện các bên liên quan của CTĐT ngành CNKTGT tại lần khảo sát gần đây nhất vào năm 2021 [H10.10.06.04]. Trên cơ sở kết quả thu thập từ các cuộc khảo sát, Khoa MT&ATGT cũng đã có các đề xuất, kiến nghị với Nhà trường để từ đó đưa ra các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành CNKTGT [H10.10.06.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được quy trình khảo sát với tất cả các bên có liên quan, có kế hoạch cụ thể của từng đối tượng khảo sát. Việc thu thập ý kiến phản hồi và góp ý từ cán bộ, GV, SV, cựu SV và NTD có tính hệ thống và được thực hiện định kỳ hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thu hút được nhiều NTD tham gia khảo sát, lấy ý kiến để cải tiến chất lượng CTĐT. Ngoài ra, các kết quả sát và tầm quan trọng của các kết quả này chưa được phổ biến rộng rãi đến GV, SV và NTD, do đó các đối tượng này có thể chưa hiểu hết tầm quan trọng của các khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa MT&ATGT cần xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin liên lạc các NTD có sử dụng SV	Khoa MT&ATGT	Từ năm học 2023-2024	

		tốt nghiệp CTĐT ngành CNKTGT, hoặc các đơn vị nhận SV ngành CNKTGT thực tập giữa khóa và cuối khóa, để có thể kết nối được nhiều hơn các NTD tham gia đánh giá. Ngoài ra, từ đó Khoa cũng có thể thiết lập kênh kết nối liên lạc hiệu quả giữa Khoa (đơn vị đào tạo) và doanh nghiệp (đơn vị sử dụng), ví dụ như gửi thư cảm ơn, hoặc hỏi nhận xét đánh giá tới các NTD này sau mỗi kỳ thực tập của SV.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên rà soát các BLQ	Trường ĐH GTVT, Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 10

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan đã được xây dựng và cập nhật thường xuyên. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị của thư viện, phòng học, khối văn phòng hàng năm đều được Nhà trường định kỳ bảo trì hoặc bổ sung mới hàng năm.

Việc lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát và hoàn thiện CTDH được tiến hành theo định kỳ và kết quả thu được đảm bảo độ tin cậy cao. Các phản hồi của các bên liên quan đều được Khoa MT&ATGT sử dụng khi thiết kế, xây dựng và rà soát CTDH. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được xây dựng đầy đủ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Điểm tồn tại của tiêu chuẩn này là chưa thu hút được nhiều NTD tham gia khảo sát đồng thời các kết quả khảo sát và tầm quan trọng của các kết quả này chưa được phổ biến rộng rãi đến GV, SV và NTD, do đó các đối tượng này có thể chưa hiểu hết tầm quan

trọng của các khảo sát. Vì vậy, tính lan tỏa của khảo sát chưa rộng tới các đối tượng có liên quan. Bên cạnh đó, số lượng SV tham gia khảo sát chưa đồng đều các năm.

Khoa sẽ tiếp tục phổ biến tới SV, doanh nghiệp và các bên liên quan và thực hiện các kế hoạch hành động nêu trên để khắc phục tồn tại.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: 6/6 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022, kết quả đầu ra của CTĐT ngành CNKTGT được đo lường bằng các chỉ số như: tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ có việc làm, đặc biệt là thông tin về khả năng đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành CNKTGT. Các chỉ số này đều được xác định, giám sát và đối sánh liên tục qua các năm để cải tiến chất lượng CTĐT về các bộ phận phụ trách là Phòng ĐTDH, Khoa MT&ATGT và Phòng KT&ĐB CLĐT. Các chỉ số đo lường kết quả đầu ra thường xuyên, định kỳ được xác định giám sát và đối sánh tương thích với các CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của CTĐT.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo giáo dục cho sinh viên thuộc CTĐT ngành CNKTGT được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH GTVT [H11.11.01.01, H11.11.01.02, H11.11.01.03]. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, học kỳ và theo năm học. Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình học cụ thể. Thời gian của một khoá học, được quy định tùy thuộc vào trình độ, ngành đào tạo. Thời gian thực hiện các CTĐT của Nhà trường được quy định và thông báo cho sinh viên vào đầu mỗi khóa học [H11.11.01.03].

Nhà trường tổ chức mỗi năm hai đợt xét công nhận tốt nghiệp cho SV (tháng 2 và tháng 6 hàng năm). Trước mỗi đợt xét tốt nghiệp, báo cáo về tỷ lệ SV tốt nghiệp được thực hiện và trình cho Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của Trường [H11.11.01.08]. Các giải pháp khắc phục cũng được đề xuất để tăng tỷ lệ tốt nghiệp [H11.11.01.09]. Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV trong các năm vừa qua của cả trường trong khoảng 75÷80% đối với khối kỹ thuật; 80 ÷ 85% đối với khối kinh tế [H11.11.01.10].

Bộ phận theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp là Phòng ĐTDH theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH GTVT [H11.11.01.04] và Đề án vị trí việc

làm [H11.11.01.05]. Quy trình đánh giá tốt nghiệp người học được thực hiện theo các quy định hiện hành [H11.11.01.11, H11.11.01.12, H11.11.01.13, H11.11.01.14] và nhiệm vụ của các bên liên quan được thể hiện rõ như trên hình 11.1.1. Bộ môn có nhiệm vụ đề xuất nội dung và hình thức đánh giá học phần tốt nghiệp. Toàn bộ các nội dung này sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt trước khi áp dụng chính thức trên quy mô toàn trường. Sau khi ban hành phương thức đánh giá tốt nghiệp, toàn bộ quá trình thực hiện tự đánh giá sẽ do bộ môn và Hội đồng tốt nghiệp khoa phụ trách. Kết quả này cũng sẽ được Hội đồng tốt nghiệp khoa và phòng ĐT Đại học kiểm tra và công bố chính thức. Phòng Thanh tra pháp chế có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình thực hiện và công bố kết quả [H11.11.01.15].

Hình 11.1.1. Quy trình đánh giá tốt nghiệp người học và trách nhiệm các bên liên quan

Tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp của SV chuyên ngành CNKTGT được tổng hợp để theo dõi từng năm [H11.11.01.06]. Theo đó, số SV ngành CNKTGT tốt nghiệp và được cấp bằng còn chưa cao, tỉ lệ SV thôi học tính theo năm tuyển sinh biến động qua các năm ở mức cao.

Bảng 11.1.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học CTĐT ngành CNKTGT giai đoạn 2017 – 2022 (tính đến hết tháng 12 năm 2022)

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng SV tốt nghiệp	28	48	25	16	16	20
Số lượng SV thôi học	6	18	6	12	19	13

Đối với SV sắp tốt nghiệp, Phòng KT&ĐB CLĐT tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về CTĐT [H11.11.01.07]. Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng để Phòng ĐT, Khoa MT&ATGT và các BLQ thực hiện điều chỉnh và cải tiến công tác giảng dạy và đào tạo nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học, đáp ứng yêu cầu chất lượng của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Công tác xác định, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học hàng năm đối với SV của CTĐT ngành CNKTGT được thực hiện liên tục và đồng bộ.

3. Điểm tồn tại

Tình trạng SV nghỉ học, với nhiều lý do như SV chuyên hướng theo học một lĩnh vực khác, trường ĐH khác. Khoa MT&ATGT chưa thực hiện hoạt động đối sánh với các chương trình đào tạo ngoài trường và quốc tế hàng năm và chưa có các biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, từ đó đề xuất các phương án tạo động lực học tập cho SV và nâng cao CTĐT	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng tháng	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của ngành CNKTGT	Khoa MT&ATGT, Phòng KT&ĐB CLĐT		

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để đảm bảo thời gian tốt nghiệp của sinh viên, Nhà trường giao cho các Khoa, CVHT gặp trực tiếp SV bị cảnh báo kết quả học tập để nhắc nhở và tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học...giúp SV có KQHT kém nắm được và có phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Sau 03 lần được nhà trường cảnh báo học tập, nếu không cải thiện được kết quả học tập mới bị buộc thôi học [H11.11.02.04]. Số liệu thống kê, điều kiện SV bị cảnh báo kết quả học tập hoặc buộc thôi học được báo cáo cho Hội đồng xét học vụ thông qua đơn vị thường trực là phòng ĐTDH [H11.11.02.05]. Hội đồng sẽ nghiên cứu số liệu thống kê, căn cứ vào quy chế đào tạo, cho phép SV có thêm cơ hội cải thiện kết quả học tập của mình hoặc cho phép SV đại học chính

quy tập trung được chuyển sang học hệ vừa làm vừa học [H11.11.02.06] để kéo dài thời hạn đào tạo.

Bên cạnh đó, SV cũng có thể tự quản lý và theo dõi quá trình học tập và KQHT của mình trên Hệ thống thông tin trường đại học CMC, để tự điều chỉnh và có kế hoạch tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.07].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV CTĐT ngành CNKTGT đều được tính toán trong các năm học thuộc giai đoạn 2017-2022. Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo của CTĐT ngành CNKTGT, Khoa MT&ATGT có nhiệm vụ thực hiện quản lý điểm thi, kết quả tốt nghiệp sớm, đúng hạn và muộn của SV theo Quy chế tổ chức hoạt động của ĐH GTVT [H11.11.02.01, H11.11.02.02].

Phòng ĐTDH, Khoa MT&ATGT thống kê số SV nhập học, danh sách về thời gian tốt nghiệp trung bình hàng năm (Bảng 11.2.1). Về cơ bản, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình đúng hạn của SV ngành CNKTGT chiếm tỷ lệ cao trong giai đoạn 2017-2022, tỷ lệ tốt nghiệp muộn trên 4 năm có xu hướng giảm và không có SV tốt nghiệp sớm.

Bảng 11.2.1. Tỷ lệ sinh viên theo thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành CNKTGT

Năm học	Quy mô đào tạo	Tỷ lệ % tốt nghiệp trong		
		3 năm (%)	4 năm (%)	Trên 4 năm (%)
2017 – 2018	44	0	32	16
2018 – 2019	43	0	15	10
2019 – 2020	30	0	10	6
2020 – 2021	47	0	16	-
2021 - 2022	56	0	20	-

Nguyên nhân của số liệu này là do CTĐT chưa có độ linh hoạt để tạo điều kiện cho SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp, tuy nhiên, công tác cố vấn học tập đã có cải thiện để giúp SV hoàn thành được CTĐT đúng thời hạn.

2. Điểm mạnh

Công tác xác định, giám sát tỷ lệ SV theo thời gian tốt nghiệp trung bình hàng năm đối với CTĐT ngành CNKTGT được thực hiện liên tục theo khoá học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có SV ngành CNKTGT hoàn thành chương trình học trước thời gian thiết kế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn	Thời gian	Ghi
----	----------	----------	-----	-----------	-----

			vị/người thực hiện	thực hiện/ hoàn thành	chú
1	Khắc phục tồn tại	Tìm hiểu và tạo động lực học tập cho SV	Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng tháng	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường công tác CVHT, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập cụ thể để từ đó nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn.	Trường ĐH GTVT, Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng CTCT&SV được phân công nhiệm vụ theo dõi tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của SV [**H11.11.03.01, H11.11.03.02, H11.11.03.03**]. Phòng CTCT& SV phối hợp với Khoa MT&ATGT trong việc thực hiện, giám sát tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp và thực hiện đối sánh hàng năm [minh chứng là các kế hoạch khảo sát, các phương pháp khảo sát, các báo cáo hàng năm].

Ngoài ra, khảo sát về mức độ phù hợp của công việc so với chuyên ngành đào tạo của SV CTĐT ngành CNKTGT góp phần đổi mới và cải tiến CTĐT cho phù hợp với những thay đổi của thị trường lao động [**H11.11.03.03**]. Theo đó, 74,98% SV tốt nghiệp trong năm 2022 cho rằng công việc hiện tại phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Khi đối sánh tỷ lệ sinh viên CTĐT ngành CNKTGT tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm với các CTĐT tương ứng trong Trường có thể thấy tỷ lệ này còn chưa cao, do đặc thù ngành học chuyên sâu về ATGT, chưa có nhiều cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực này, nên chưa có nhiều cơ hội cho sinh viên tốt nghiệp tìm được công việc đúng theo chuyên ngành đào tạo.

Bảng 11.3.1. Đối sánh tình trạng việc làm của sinh viên CTĐT ngành CNKTGT sau 1 năm tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Năm tốt nghiệp	Số SV tốt nghiệp	Số SV phản hồi	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/Tổng	Tỷ lệ SV có việc làm/Tổng
			Đúng ngành ĐT	Liên quan	Không liên quan	Chưa có	Tiếp tục học		

				ngành ĐT	đến ngành ĐT	việc làm		số SV phản hồi	số SV tốt nghiệp
2018	40	40	1	14	21	2	5	90%	90%
2019	25	25	0	5	18	1	1	96%	96%
2020	18	18	3	4	2	2	7	88,89%	88,89%
2021	21	21	1	3	11	4	2	80,95%	80,95%
2022	10	10	1	2	6	1	0	90%	90%

2. Điểm mạnh

Thông tin về tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành CNKTGT được xác lập rõ ràng, chi tiết.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có phương án hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục duy trì khảo sát việc làm SV tốt nghiệp nhằm cải tiến CTĐT và CĐR cho phù hợp	Trường ĐH GTVT, Phòng KT&ĐB CLĐT, Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phối hợp cùng Nhà trường và các BLQ tổ chức hội chợ việc làm để giới thiệu đến NH			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Căn cứ vào Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2008-2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H11.11.04.01], Quy định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường ĐH GTVT [H11.11.04.02], Phòng KHCN được Nhà trường phân công quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Các Khoa, trung tâm trong trường có vai trò phối hợp, xây dựng kế hoạch, đề xuất các hoạt động NCKH theo chức

năng, nhiệm vụ được phân công và theo các Thông báo hàng năm của Nhà trường gửi các đơn vị về việc tổng kết và xây dựng kế hoạch NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ [H11.11.04.06, H11.11.04.07].

Hoạt động NCKH của SV chuyên ngành CNKTGT do Khoa MT&ATGT làm đầu mối tổ chức, thu hút số lượng nhất định SV tham gia hàng năm [H11.11.04.03, H11.11.04.04]. Trung bình, mỗi GV của Khoa sẽ phụ trách 2 nhóm SV NCKH với nhiều đề tài khác nhau, tập trung vào các biện pháp tổ chức GT, nâng cao ATGT, thẩm định các điểm đen GT, ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại vào các bài toán GT,... để giải quyết các vấn đề về GT đường bộ đang tồn tại ở Việt Nam [H11.11.04.08].

Khoa luôn chú trọng cải thiện năng lực và kỹ năng của SV khi làm nghiên cứu. So với các CTĐT khác, số lượng các công trình SV NCKH từ 2017 đến 2022 đã tăng lên một cách đáng kể, đề tài mà SV CTĐT ngành CNKTGT đăng ký lựa chọn cũng có tính mới, cập nhật tình hình phát triển kinh tế đất nước, đặc biệt nâng cao các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, làm việc nhóm và khả năng trình bày [H11.11.04.08, H11.11.04.05].

Bảng 11.4.1. Thống kê đề tài NCKH SV của ngành CNKTGT từ năm 2017 đến năm 2022

Tiêu chí	Năm học					Tổng
	2017 -2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 -2021	2021 - 2022	
Đề tài NCKH SV	18	18	15	15	20	86

Hàng năm và định kỳ 2 lần/5 năm Nhà trường đều tiến hành tổng kết lại công tác NCKH nói chung và của người học nói riêng để đánh giá, biểu dương khen thưởng kịp thời [H11.11.04.09]

2. Điểm mạnh

Loại hình NCKH được xác lập hàng năm. Số lượng các công trình NCKH có chủ đề phong phú, đa dạng. Hoạt động NCKH phù hợp với CTĐT, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, được chất lọc các giá trị tinh túy để làm căn cứ giám sát, đối sánh cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của SV chưa thu hút nhiều SV CNKTGT tham gia, bên cạnh đó đơn vị tài trợ cho hoạt động SV NCKH của Khoa còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có chế độ thu hút đơn vị tài trợ cho hoạt động NCKH SV và tạo động lực cho SV tham gia NCKH	Khoa MT&ATGT, ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì sự đa dạng về các hoạt động NCKH SV	Khoa MT&ATGT, ĐH GTVT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Về bộ phận, quy trình, công cụ, phương pháp triển khai tiếp nhận các phản hồi từ các BLQ được Khoa MT&ATGT có sự quan tâm thích đáng theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH GTVT [H11.11.05.01] và Đề án vị trí việc làm [H11.11.05.02].

Đề đo lường mức độ hài lòng của các BLQ trong CTĐT ngành CNKTGT, Khoa phối hợp với Phòng KT&ĐB CLĐT theo Quy định của Nhà trường ban hành về việc khảo sát ý kiến của các BLQ [H11.11.05.03] và Quy định về ĐBCL bên trong Trường ĐH GTVT [H11.11.05.04]. Phòng KT&ĐB CLĐT là đơn vị chuyên trách vấn đề này, thực hiện khảo sát để đạt yêu cầu, sau đó làm báo cáo gửi BGH, gửi các khoa/bộ môn, các đơn vị chức năng để cải tiến chất lượng [H11.11.05.05, H11.11.05.06, H11.11.05.07, H11.11.05.08].

Hàng năm trên phần mềm văn phòng điện tử, Usmart và Hệ thống thông tin trường đại học CMC có các đợt khảo sát lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV [H11.11.05.10]. Xếp loại đánh giá đối với GV cũng được tổng hợp, báo cáo thông qua các buổi họp giao ban của khoa và bộ môn hằng năm, để giảng viên đánh giá, cải thiện phương pháp dạy học và các hoạt động liên quan đến NH tốt hơn [H11.11.05.11]. Phản hồi từ cựu sinh viên về chương trình đào tạo, các kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp cũng được thực hiện hằng năm [H11.11.05.06]. Đối với các cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, khoa cũng đã tiến hành khảo sát, tìm giải pháp khắc phục và cải tiến hoạt động đào tạo [H11.11.05.08]. Ngoài ra, hàng năm, GV của Khoa cũng được tiến hành khảo sát về mức

độ hài lòng về CTĐT cũng như các mặt hoạt động của Nhà trường [H11.11.05.07].

Việc lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan được thực hiện một cách cầu thị, tiếp thu nghiêm túc và các ý kiến đóng góp này cũng là một nhân tố quan trọng để điều chỉnh CTĐT [H11.11.05.09].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ được Nhà trường cũng như Khoa MT&ATGT rất quan tâm.

3. Điểm tồn tại

Khảo sát ý kiến chưa thu hút được rộng rãi các BLQ, gây ảnh hưởng đến tính đại diện và độ tin cậy của kết quả thống kê trong báo cáo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tạo các mối quan hệ với các BLQ nhằm đẩy mạnh công tác khảo sát	Trường ĐH GTVT, Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các phương án khảo sát các BLQ	Trường ĐH GTVT, Khoa MT&ATGT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Những thông tin về kết quả đầu ra như tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học của SV CTĐT ngành CNKTGT đều được xác định, giám sát liên tục trong các năm thuộc giai đoạn 2017-2022. Phòng ĐTDH là đơn vị đầu mối của các hoạt động này, cập nhật liên tục số lượng SV tốt nghiệp và thôi học theo năm học. Số liệu và dữ liệu về công tác này được phân tích, giám sát và đối sánh nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH. Khảo sát về chất lượng đào tạo và mức độ hài lòng của các BLQ được tiến hành định kỳ và thường xuyên.

Tuy nhiên, thông tin kết quả đầu ra với tình hình việc làm của SV CTĐT ngành CNKTGT chưa được phản hồi kịp thời, chưa được thực hiện trên quy mô và phạm vi rộng. Công tác phân tích, xử lý và biện pháp khắc phục các hạn chế liên quan tới giám sát và đối sánh hoạt động NCKH và khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ cần được thực hiện triệt để và đồng bộ.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 11: 5/5 tiêu chí đạt

PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường ĐH GTVT, Khoa MT&ATGT đã tiến hành công tác TĐG chất lượng CTĐT ngành CNKTGT một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả TĐG chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành CNKTGT.

Thông qua việc TĐG, ngành CNKTGT, Khoa MT&ATGT, Nhà trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng mặt hoạt động. Trên cơ sở đó, Khoa và Trường lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, CGCN, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Khoa MT&ATGT, Nhà trường đã tuyên bố.

CTĐT của ngành CNKTGT có mục tiêu, CĐR rõ ràng cùng bản mô tả CTĐT, ĐCHP đầy đủ thông tin và cập nhật. CTDH với vai trò cốt lõi của CTĐT có cấu trúc, trình tự logic, thiết kế dựa trên CĐR. Ngành CNKTGT đã thay đổi phương pháp tiếp cận dạy và học theo hướng dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, theo chuẩn CDIO, nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời và đưa ra phương pháp đánh giá KQHT của người học đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Đội ngũ GV ngành CNKTGT được đánh giá là có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy và NCKH. Đội ngũ chuyên viên được tuyển dụng theo đúng quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường đã đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH. Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh đầu vào theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV, tạo môi trường cũng như những điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, giúp đỡ người học nâng cao KQHT, NCKH. GV, người học, đội ngũ nhân viên của ngành đang được học tập và làm việc trong điều kiện CSVC và trang thiết bị tốt, môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp. Với mong muốn trở thành trường Đại học đầu ngành về đào tạo nguồn nhân lực GTVT có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành GTVT của đất nước, trường ĐH GTVT đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng CTĐT như xây dựng CĐR; rà soát, đánh giá thường xuyên CTĐT, phương pháp dạy và học, hiện trạng CSVC và trang thiết bị của Nhà trường; duy trì cơ chế phản hồi của các BLQ về hoạt động đào tạo của Nhà trường. Chính vì vậy, kết quả đầu ra

của Nhà trường nói chung và ngành CNKTGT tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn và có việc làm sau khi tốt nghiệp cao.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá CTĐT ngành CNKTGT, Khoa MT&ATGT và Nhà trường đã nhận thấy được một số những vấn đề còn tồn tại đó là mặc dù việc xây dựng CDR của CTĐT ngành CNKTGT có sự tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan nhưng số lượng mẫu tham khảo ý kiến và số lượng kết quả đóng góp chưa nhiều. Ngoài việc công bố trên website của Nhà trường và của Khoa, được in dưới dạng tờ rơi, được giới thiệu và quảng bá với đối tác, CDR của CTĐT cần được công bố rộng rãi hơn nữa để người học có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng hơn. Các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập ở cấp Khoa, Bộ môn còn hạn chế; công tác đổi mới cách thức ra đề và thay đổi bộ đề thi các học phần còn chưa được thực hiện liên tục; chưa có đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, NCKH SV, GV còn chưa phong phú; nhu cầu đặc thù của người khuyết tật học tập tại trường còn chưa được lưu ý; mạng lưới mạng wifi miễn phí trong trường còn yếu và chưa được sử dụng rộng rãi.

Do đó, để đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT ngành CNKTGT của Khoa MT&ATGT cũng như chất lượng các CTĐT của trường ĐH GTVT thì Nhà trường, Khoa và ngành đã đưa ra kế hoạch để khắc phục những tồn tại đồng thời cải tiến chất lượng CTĐT: định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT, CDR trên cơ sở ý kiến phản hồi của các BLQ, đảm bảo CDR, bản mô tả CTĐT, CTDH có cấu trúc rõ ràng và trình tự logic, đầy đủ thông tin và mang tính cập nhật; khuyến khích GV tích cực học tập nâng cao trình độ, đăng ký tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp; đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo mục tiêu của đào tạo tín chỉ, tăng cường tính chủ động của SV trong các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, đề cao vai trò của công tác CVHT trong quản lý học tập của SV; thường xuyên cải tạo, nâng cao CSVC và trang thiết bị đặc biệt là công tác PCCC đáp ứng yêu cầu đào tạo và có chú ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

Với những kết quả TĐG, Nhà trường và Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKTGT trường ĐH GTVT trân trọng đề nghị Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để CTĐT ngành CNKTGT được công nhận là đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Giao thông vận tải

Mã: UTC

Tên CTĐT: Công nghệ kỹ thuật giao thông

Mã CTĐT: 7.51.01.04

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,67	3/3	100
Tiêu chí 1.1						6				
Tiêu chí 1.2						6				
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5	3/3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								6	3/3	100
Tiêu chí 3.1						6				
Tiêu chí 3.2						6				
Tiêu chí 3.3						6				
Tiêu chuẩn 4								5	3/3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										

Tiêu chí 5.1					5			4,8	5/5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1						6		4,71	7/7	100
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			4,8	5/5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			5,4	5/5	100
Tiêu chí 8.2						6				
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4						6				
Tiêu chí 8.5					5					

Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5	5/5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				4,33	6/5	100
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				4				4,6	5/5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								5,03	50/50	100